

PTSC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM



BÁO CÁO 2016
THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC



Tên giao dịch: Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Tên giao dịch nước ngoài: Petrovietnam Technical Services Corporation
Tên giao dịch viết tắt: PTSC
Mã số doanh nghiệp: 0100150577
Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Petrovietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Số điện thoại: (+84).8.39102828
Fax: (+84).8.39102929
Website: www.ptsc.com.vn



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
DHCD	Đại hội cổ đông
HDQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
Ban TGD	Ban Tổng Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
SXKD	Sản xuất kinh doanh
KHCN	Khoa học công nghệ

THÔNG TIN CHUNG 09

Quá trình hình thành và phát triển	10
Đối tác, khách hàng	14
Sơ đồ tổ chức, Bộ máy quản lý	16
Tổ chức lĩnh vực kinh doanh	24
Nguồn lực	30
Chiến lược phát triển	41

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 42

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016 54

Kết quả năm 2016	56
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	60
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng công ty	77

QUẢN TRỊ CÔNG TY 80

Hoạt động năm 2016 và Kế hoạch năm 2017 của Hội đồng quản trị	82
Hoạt động năm 2016 và Kế hoạch năm 2017 của Ban Kiểm soát	88
Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc năm 2016	92
Quản trị rủi ro	94

CHỨNG KHOÁN PVS 98

Cổ đông	100
Quan hệ cổ đông	103
Cổ phiếu PVS	104

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 108



THÔNG ĐIỆP CỦA LÃNH ĐẠO

Kính thưa Quý vị,

Tiếp nối đà giảm của 2 năm liên tiếp, giá dầu trong năm 2016 lại giảm mạnh và duy trì ở mức thấp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của toàn ngành dầu khí toàn cầu nói chung và Việt nam nói riêng. Hầu hết các dự án thăm dò khai thác và phát triển mỏ trong nước và trong khu vực đều phải dừng hoặc giãn tiến độ, để tính toán lại các chỉ tiêu Tài chính phù hợp hoặc chờ đợi sự biến động ảm lên của giá dầu. Và điều tất yếu kéo theo đó khối lượng công việc của thị trường dịch vụ kỹ thuật giảm sút mạnh mẽ cả về khối lượng và giá cả. Nguồn lực dịch vụ dồi dào tạo ra sự cạnh tranh vô cùng khốc liệt. Hàng loạt nhà cung cấp dịch vụ lớn trên thế giới đã phải cắt giảm quy mô, hoạt động cầm chừng trước nguy cơ phá sản. Trong nước, mặc dù đã được Tập đoàn hỗ trợ, giúp đỡ tạo công ăn việc làm, nhưng nói chung các đơn vị cung cấp dịch vụ gặp rất nhiều khó khăn do đồng thời chịu sự suy giảm cả khối lượng và giá cả công việc.

Trong điều kiện như vậy, việc triển khai kế hoạch SXKD năm 2016 của PTSC cũng gặp rất nhiều khó khăn. Để thực hiện nhiệm vụ mà ĐHCĐ giao phó, tập thể Lãnh đạo ngay từ đầu năm đã chủ động đánh giá tình hình, nhận diện khó khăn, xây dựng chương trình hành động cụ thể, triển khai các giải pháp cấp bách ứng phó khó khăn để thực hiện một cách tốt nhất mục tiêu đặt ra. Đồng thời làm tốt công tác tư tưởng cho Người lao động để mọi người cùng chung sức, thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí. Cùng với Ban lãnh đạo từng bước khắc phục khó khăn. Nhờ vậy, năm 2016 PTSC đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, tổng doanh thu đạt được là 19.293 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt được là 1.256 tỷ đồng, tương ứng 87,7% và 104,7% so với kế hoạch năm (trên thực tế giá dầu trung bình cả năm 2016 chỉ ở mức gần 45 USD/thùng, bằng 75% so với mức xây dựng kế hoạch năm 2016 là 60 USD/thùng). Dù kết quả SXKD chưa hoàn toàn đạt mức cao nhất so với kỳ vọng, nhưng tôi hy vọng rằng, Tổng công ty PTSC sẽ được Quý cổ đông

ĐIỂM SÁNG CỦA TỔNG CÔNG TY PTSC TRONG NĂM 2016 LÀ NGOÀI VIỆC TRIỂN KHAI HIỆU QUẢ, AN TOÀN, VÀ ĐÚNG TIẾN ĐỘ CÁC DỰ ÁN CỦA NGÀNH, TỔNG CÔNG TY ĐÃ ĐẨY MẠNH VIỆC MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG RA NGOÀI NƯỚC, NGOÀI NGÀNH TÌM KIẾM CÔNG ĂN VIỆC LÀM ĐỂ BÙ VÀO KHỐI LƯỢNG THIỂU HỤT DO GIÁ DẦU GIẢM.

ghi nhận về sự nỗ lực không ngừng của tập thể Người lao động và sự quyết đoán và linh hoạt của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2016.

Có thể nói điểm sáng của Tổng công ty PTSC trong năm 2016 là ngoài việc triển khai hiệu quả, an toàn, và đúng tiến độ các dự án của Ngành, Tổng công ty đã đẩy mạnh việc mở rộng thị trường ra ngoài nước, ngoài ngành tìm kiếm công ăn việc làm để bù vào khối lượng thiếu hụt do giá dầu giảm. Ở nước ngoài, Tổng công ty đã thắng thầu Dự án Daman - Ấn độ, đưa Sà lan công trình sang làm việc tại Myanmar, đưa Người lao động sang làm việc tại Brunei, Qatar... Ở trong nước, Tổng công ty đã tham gia Dự án chế tạo giàn DK cho Bộ Quốc phòng, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, các gói thầu Dự án Nghi Sơn, Dự án NPK, NH3, GPP Cà Mau, Dự án xây dựng Trung tâm điện lực Duyên Hải - Trà Vinh... Nhờ vậy, Tổng công ty đã đảm bảo được công ăn việc làm cho Người lao động, giữ vững sự phát triển ổn định trong giai đoạn khó khăn.

Quý vị cổ đông kính mến,

Bước sang năm 2017, giá dầu đã có dấu hiệu ảm lên, thị trường đã có tín hiệu khởi sắc, tuy nhiên vẫn tiếp tục là một năm khó khăn. Nhận thức được điều này, Lãnh đạo Tổng công ty PTSC đã và đang xây dựng một kế hoạch tổng thể mang tính chiến lược đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, thích ứng với điều kiện cạnh tranh và hội nhập quốc tế, tập trung vào 4 nhóm giải pháp chính như sau: (1) tiếp tục đẩy mạnh mở rộng thị trường phát triển kinh doanh ra ngoài ngành, ngoài nước (2) phát triển nhân lực theo hướng đạt chuẩn quốc tế, (3) tiêu chuẩn hóa hệ thống quản lý, (4) thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí, giảm giá thành dịch vụ.

Hơn bao giờ hết, trong những thời điểm khó khăn và thử thách, đội ngũ Lãnh đạo và Người lao động PTSC càng quyết tâm, nỗ lực để củng cố và giữ vững vị thế nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật đầu khí chất lượng cao hàng đầu Việt Nam, và là thương hiệu mạnh trên thị trường quốc tế.

Bằng nỗ lực không ngừng, sự sáng tạo, linh hoạt khắc phục khó khăn, tinh thần quyết tâm, Tổng công ty PTSC đã vượt qua năm khó khăn nhất 2016. Tôi tin tưởng rằng đó cũng chính là hướng đi, là nền tảng để Tổng công ty PTSC hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2017 mà ĐHCĐ giao phó.

Thay mặt Lãnh đạo Tổng công ty PTSC, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các Quý cổ đông, khách hàng và đối tác của Tổng công ty PTSC trong và ngoài nước đã luôn tích cực đóng góp, tin tưởng, ủng hộ trong suốt một năm qua và mong muốn tiếp tục nhận được sự cổ vũ của Quý vị trong thời gian tới.

Trân trọng,

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thái Quốc Hiệp

TÀU DỊCH VỤ DẦU KHÍ



KHẢO SÁT ĐỊA CHẤN, ĐỊA CHẤT VÀ CÔNG TRÌNH NGẦM



CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP



CƠ KHÍ DẦU KHÍ



KHO NỒI, CHỨA, XỬ LÝ VÀ XUẤT DẦU THÔ



CĂN CỨ CẢNG DỊCH VỤ



LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH, BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH BIỂN





THÔNG TIN CHUNG

Quá trình hình thành và phát triển
Đối tác, khách hàng
Sơ đồ tổ chức, Bộ máy quản lý
Tổ chức lĩnh vực kinh doanh
Nguồn lực
Chiến lược phát triển trung và dài hạn



1993

- 9/02/1993: Thành lập Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) trên cơ sở sáp nhập Công ty Dịch vụ Dầu khí (PSC) và Công ty Địa vật lý và Dịch vụ Dầu khí (GPTS), là doanh nghiệp nhà nước duy nhất cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí với lĩnh vực hoạt động chính ban đầu là cung cấp tàu dịch vụ kỹ thuật dầu khí, căn cứ cảng dịch vụ dầu khí, cung cấp lao động kỹ thuật cho các nhà thầu dầu khí.

1994 - 2005

- Tách một số bộ phận thành lập Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco); tách Xí nghiệp Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí biển và Đội khoan thuộc Xí nghiệp Tàu dịch vụ Dầu khí để thành lập Công ty Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (PVD).
- Phát triển đội tàu dịch vụ và mở rộng căn cứ cảng dịch vụ dầu khí PTSC Vũng Tàu.
- Thực hiện thành công khối nhà ở LQ-CPC 99 cho Xí nghiệp Liên doanh Vietsovpetro, đặt nền móng cho sự phát triển của loại hình dịch vụ cơ khí dầu khí.
- Triển khai hợp đồng vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí biển cho nhà máy xử lý khí Dinh Cố, đường ống dẫn khí 2 Phase dài 370 km và giàn công nghệ Lan Tây, đặt nền móng cho sự ra đời của dịch vụ O&M.
- Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh FPSO Ruby Princess giữa PTSC, PVI và PVFC, mở đầu cho sự ra đời dịch vụ FSO/FPSO.

2006 - 2010

- Năm 2006: Thực hiện quá trình cổ phần hóa, chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO).
- 01/01/2007: Chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.
- Cổ phiếu của PTSC (mã PVS) chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).
- Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và tổ chức hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và cấu trúc lại mô hình theo hướng Công ty mẹ trực tiếp thực hiện kinh doanh các lĩnh vực chính bằng việc chuyển các Đơn vị chủ chốt về trực thuộc Công ty mẹ.
- Tái cơ cấu lĩnh vực kinh doanh theo hướng chuyển, bàn giao, bán các bộ phận kinh doanh xăng dầu cho Tổng công ty PV Oil để tập trung vào các lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật cốt lõi.
- Tham gia cùng đối tác MISC đầu tư 2 kho nổi FSO Orkid và FPSO Ruby, khẳng định và nâng cao năng lực của PTSC trong lĩnh vực cung cấp, vận hành và khai thác FSO/FPSO.
- Năm 2010:
 - PTSC được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới.
 - Lần đầu tiên doanh thu của PTSC đạt mức 1 tỷ USD.
 - Phát hành cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 2.978 tỷ VNĐ.
- Đầu tư tàu khảo sát địa chấn 2D đầu tiên với các thiết bị ROV, tàu khảo sát địa vật lý, nâng cao năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực khảo sát địa chấn, địa chất và sửa chữa công trình ngầm lên tầm cao mới.
- Tham gia tổng thầu Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, bước đầu đánh dấu năng lực của PTSC trong việc thực hiện công trình công nghiệp lớn trên bờ.



2011 - 2015

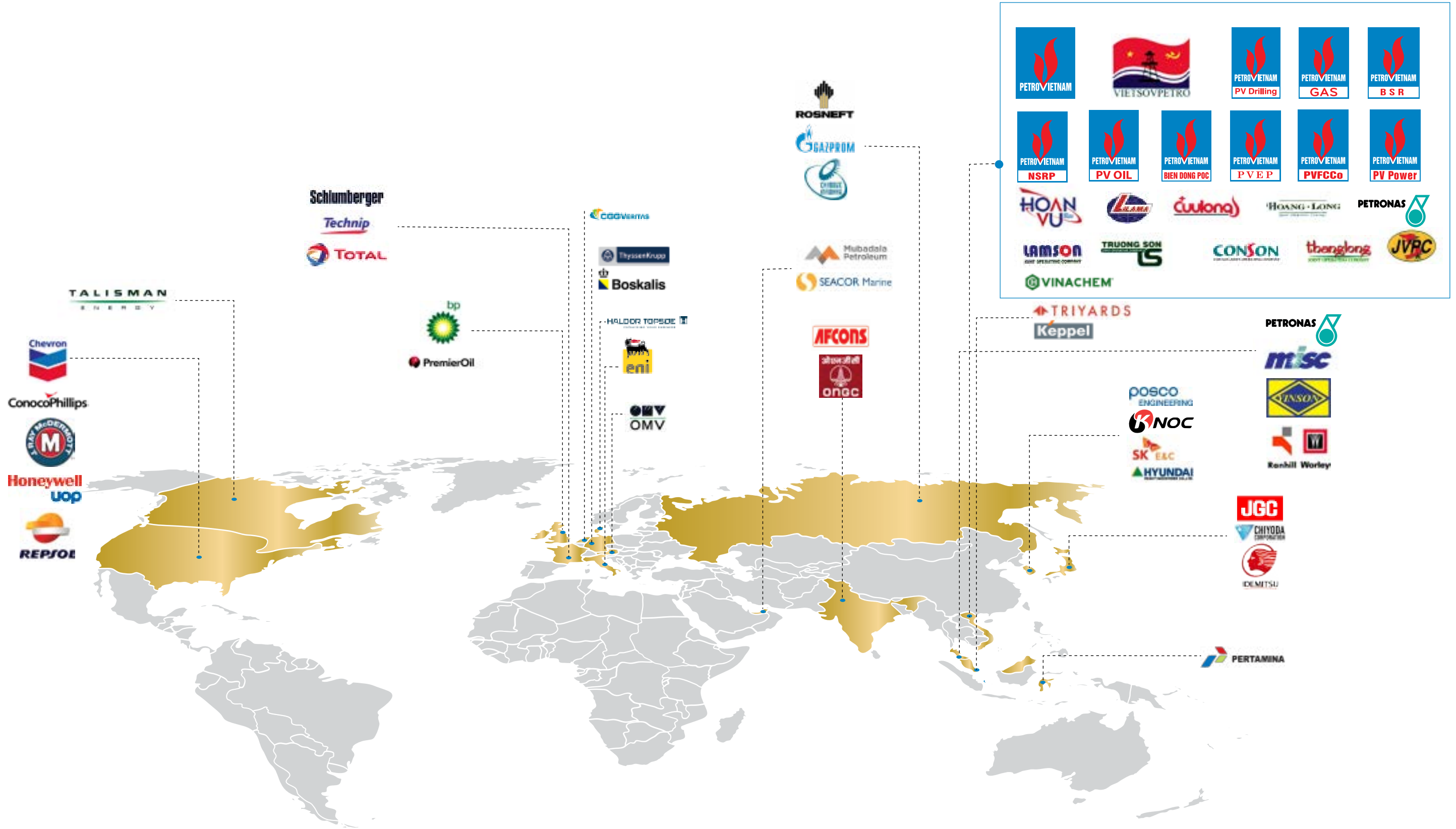
- Kỷ niệm PTSC 20 năm "Xây dựng và Phát triển" (09/02/1993 - 09/02/2013) và đón Huân chương Lao động hạng Nhất.
- Lần đầu tiên doanh thu vượt mức 30.000 tỷ đồng, lợi nhuận đạt mức 2.000 tỷ đồng vào năm 2014. Thực hiện thành công tăng Vốn điều lệ lên 4.467 tỷ đồng.
- Tham gia cùng đối tác CGG để vận hành, cung cấp dịch vụ khảo sát địa chấn 2D, 3D, từng bước làm chủ công nghệ kỹ thuật trong lĩnh vực khảo sát địa chấn 3D, 4D.
- Tham gia cùng đối tác Yinson đầu tư 2 kho nổi FSO PTSC Bien Dong 01 và FPSO Lam Son, làm chủ hoàn toàn công nghệ đóng và vận hành FSO, FPSO, đưa PTSC trở thành công ty hàng đầu cả nước và có vị thế trong khu vực đối với lĩnh vực cung cấp, vận hành và khai thác FSO/FPSO.
- Năng lực triển khai các dự án EPCI và khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế trong lĩnh vực cơ khí dầu khí được khẳng định và nâng cao bằng việc thắng thầu quốc tế và thực hiện thành công các dự án: Khởi thượng tầng Giàn công nghệ HRD, dự án EPCC Maharaja Lela South tại Brunei cho khách hàng Total E&P, dự án Disconnect giàn Đại Hùng.
- Bảy lần liên tiếp PTSC nhận giải thưởng uy tín Sao Vàng Đất Việt; Bốn lần liên tiếp nhận giải thưởng Thương hiệu Quốc gia. Các giải thưởng Top 100 thương hiệu Việt Nam, Top 10 doanh nghiệp tiêu biểu về trách nhiệm xã hội và vinh dự được nhận giải Bạc "Chất lượng Quốc gia năm 2015" do Thủ tướng Chính phủ trao tặng.
- Triển khai quyết liệt và thành công phương án tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2011 - 2015: kiện toàn hệ thống các văn bản quản trị; hoàn thiện và đưa vào áp dụng Đề án Năng lực cạnh tranh; hoàn thành mục tiêu thoái vốn theo yêu cầu của Đề án Tái cơ cấu.
- Tham gia tổng thầu các Dự án công nghiệp lớn trên bờ: Dự án Nhà máy phân bón NPK; Dự án mở rộng phân xưởng sản xuất Amoniac NH3 của Chủ đầu tư Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo); Dự án Nhà máy xử lý khí Cà Mau của chủ đầu tư Tổng công ty Khí Việt Nam (PVGAS). Điều đó chứng minh sự thành công và năng lực của PTSC đối với việc thực hiện chiến lược phát triển kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ xây lắp công trình công nghiệp trên bờ.

2016

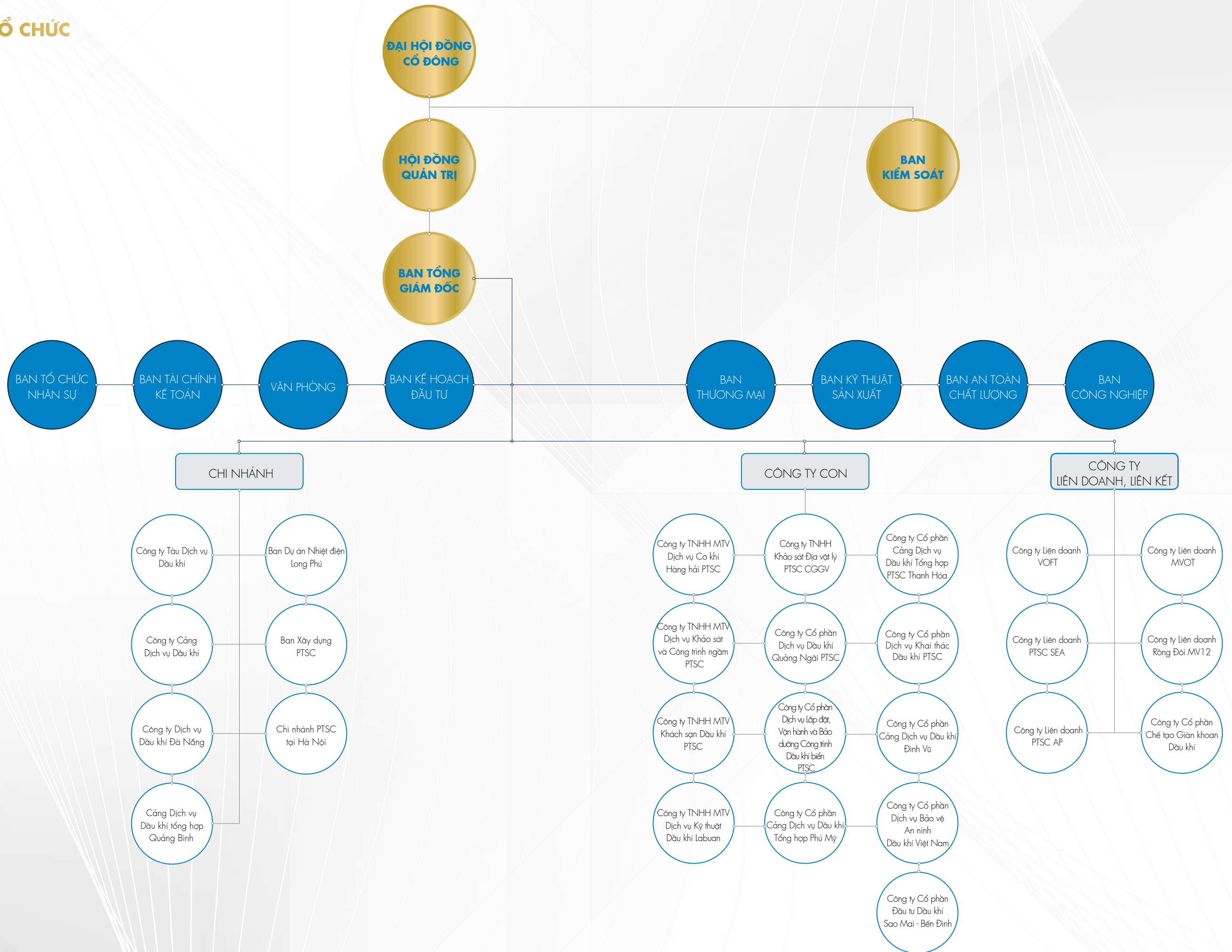
- Lần thứ 5 liên tiếp PTSC nhận giải thưởng Thương hiệu Quốc gia.
- Duy trì hoạt động ổn định trong điều kiện khủng hoảng giá dầu thô. Kết quả Tổng doanh thu đạt được là 19.293 tỷ đồng và Lợi nhuận trước thuế đạt được là 1.256 tỷ đồng.
- Triển khai, áp dụng toàn diện hệ thống các giải pháp, cải tiến liên tục, cắt giảm chi phí, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh, đặc biệt là năng lực về kỹ thuật, thiết kế, quản lý, đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ, sáng kiến sáng chế, cải tiến, đẩy mạnh phát triển dịch vụ thị trường công nghiệp, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài.
- Tổ chức thực hiện tốt các dự án công trình công nghiệp gồm: Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, các Gói thầu B2, SMP9 thuộc dự án Nhà máy LHD Nghi Sơn, Dự án NPK, NH3, GPP Cà Mau, Dự án nạo vét Cảng biển Trung tâm điện lực Duyên Hải - Trà Vinh..., đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường, chất lượng, tiến độ theo yêu cầu của khách hàng. Đặc biệt Dự án Dự án NPK/NH3 Phú Mỹ đạt mốc 1.000.000 giờ làm việc an toàn đã được chủ đầu tư và các bên liên quan ghi nhận.
- Hạ thủy, vận chuyển, lắp đặt khối thượng tầng giàn bơm ép khí (PIP) Module 1 và Module 2 thuộc Dự án Phát triển toàn mỏ Su Tử Trắng Giai đoạn 1 vào ngày 05/09/2016. Việc hoàn thành công tác hạ thủy Dự án STTFD-P1 đã tiếp tục khẳng định uy tín, thương hiệu PTSC, một trong những nhà cung cấp dịch vụ chất lượng cao tại Việt Nam và khu vực trong lĩnh vực cơ khí dầu khí.
- Thắng thầu và ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ đấu nối cho giàn FMB cho khách hàng Technip tại Qatar và Dự án HUC Su Tử Trắng.



ĐỐI TÁC, KHÁCH HÀNG



PTSC LUÔN LÀ SỰ LỰA CHỌN TỐT NHẤT CHO KHÁCH HÀNG





BỘ MÁY QUẢN LÝ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **THÁI QUỐC HIỆP**
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1958 tại Hà Tĩnh.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Địa vật lý,
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp.



Ông **NGUYỄN VĂN MẬU**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1970 tại Hải Dương.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh,
Cử nhân Tài chính Kế toán.



Ông **PHẠM VĂN DŨNG**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1969 tại Hải Dương.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hàng hải,
Kỹ sư Kinh tế.



Ông **PHAN THANH TÙNG**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1970 tại Hải Phòng.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kỹ thuật,
Kỹ sư Khai thác máy tàu biển,
Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Anh Văn.



Bà **NGUYỄN THANH HƯƠNG**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1961 tại Hà Nội.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế,
Kỹ sư Điện.



Ông **ĐOÀN MINH Mẫn**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1958 tại Bến Tre.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán,
Cử nhân Quản trị Kinh doanh.



Ông **ĐỖ QUỐC HOAN**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1969 tại Hải Phòng.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế, Kỹ sư
Kinh tế vận tải biển,
Kỹ sư Điều khiển tàu biển.



BỘ MÁY QUẢN LÝ BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **PHAN THANH TÙNG**
TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1970 tại Hải Phòng.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kỹ thuật,
Kỹ sư Khai thác máy tàu biển,
Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Cử nhân Anh Văn.



Ông **NGUYỄN VĂN MẬU**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1970 tại Hải Dương.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh,
Cử nhân Tài chính Kế toán.



Ông **NGUYỄN HỮU HẢI**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1962 tại Bắc Ninh.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Vô tuyến điện,
Kỹ sư Quản trị Doanh nghiệp.



Ông **NGUYỄN TRẦN TOÀN**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1964 tại Hải Phòng.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển,
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp.



Ông **TẠ ĐỨC TIẾN**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1968 tại Thái Bình.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác máy tàu biển,
Kỹ sư quản trị kinh doanh



Ông **LÊ MẠNH CƯỜNG**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh,
Kỹ sư Điều khiển tàu biển.



Ông **NGUYỄN XUÂN CƯỜNG**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1977 tại Hà Nội.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán.



BỘ MÁY QUẢN LÝ
BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)



Ông **NGUYỄN QUANG CHÁNH**
PHỤ TRÁCH BAN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Sinh năm: 1981 tại Vĩnh Long.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán,
Cử nhân Quản trị Kinh doanh.



BỘ MÁY QUẢN LÝ
BAN KIỂM SOÁT

Bà **HỒ THỊ OANH**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1972 tại Thái Bình.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.



Ông **TRIỆU VĂN NGHỊ**
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1983 tại Phú Thọ.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.

Bà **BÙI THỊ HÀ**
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1980 tại Thái Nguyên.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.



GIẢI THƯỞNG VÀ DANH HIỆU TIÊU BIỂU



Huân chương Lao động
Hạng nhất



Anh hùng lao động
thời kỳ đổi mới



Huân chương độc lập
hạng nhì



Thương hiệu quốc gia năm 2016



Top 50 BCTN tốt nhất
năm 2016



Giải Bạc Chất lượng
Quốc gia năm 2015



Top 10 doanh nghiệp Sao Vàng
Đất Việt tiêu biểu về trách nhiệm
xã hội năm 2015



Giải "Best Enterprise"
năm 2014




TỔ CHỨC LĨNH VỰC KINH DOANH

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ / ĐẦU TƯ	TỶ LỆ NĂM GIỮ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
CÁC CHI NHÁNH					
1	Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	Số 73 đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	Trực thuộc Công ty mẹ	-	Quản lý, khai thác và cung cấp các tàu dịch vụ.
2	Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Số 65A đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	Trực thuộc Công ty mẹ	-	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng dịch vụ dầu khí.
3	Chi nhánh Tổng công ty - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	Số 11, đường 3/2, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	Trực thuộc Công ty mẹ	-	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp.
4	Chi nhánh Tổng công ty - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình	Cảng Hòn Lạ, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Trực thuộc Công ty mẹ	-	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp.
5	Chi nhánh Tổng công ty - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú	Ấp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng	Trực thuộc Công ty mẹ	-	Quản lý, tổ chức các hoạt động thiết kế, mua sắm, xây lắp, chạy thử và hoàn thiện các dự án nhà máy điện và các công trình công nghiệp.
6	Chi nhánh Tổng công ty - Ban Xây dựng PTSC	Số 45B, đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu	Trực thuộc Công ty mẹ	-	Quản lý, tổ chức dự án xây dựng cơ bản, thực hiện các công trình công nghiệp.
7	Chi nhánh Tổng công ty tại Hà Nội	Số 142, đường Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội	Trực thuộc Công ty mẹ	-	Thực hiện công tác phát triển kinh doanh, các dự án sản xuất và các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao.
CÁC CÔNG TY CON					
1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Số 31 đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu	628 tỷ VNĐ	100%	Chế tạo và xây lắp công trình dầu khí, công nghiệp.
2	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Số 9, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	300 tỷ VNĐ	100%	Vận hành các tàu địa chấn 2D, 3D; khảo sát địa chấn, địa chất công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV.

 **TỔ CHỨC LĨNH VỰC KINH DOANH** (tiếp theo)

STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ / ĐẦU TƯ	TỶ LỆ NĂM GIỮ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
3	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC - CGGV	Phòng 460 tòa nhà PetroVietnam, số 8, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	1.171 tỷ VNĐ	51%	Khảo sát địa chấn 2D, 3D; xử lý dữ liệu địa chấn 2D,3D ngoài khơi trong và ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam.
4	Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Lô 4H, đường Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, Tp. Quảng Ngãi	300 tỷ VNĐ	95,19%	<ul style="list-style-type: none"> • Quản lý, khai thác và cung cấp các tàu dịch vụ. • Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp. • Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp.
5	Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC	Cảng hạ lưu PTSC, số 65A đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu	400 tỷ VNĐ	84,95%	Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng, di dời, thu dọn các công trình dầu khí và công nghiệp.
6	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Khu công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	350 tỷ VNĐ	59,61%	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp.
7	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	400 tỷ VNĐ	54,69%	<ul style="list-style-type: none"> • Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp. • Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp.
8	Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	400 tỷ VNĐ	51%	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp và cảng container.
9	Công ty CP Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC	Tầng 6 - tòa nhà PetroVietnam, số 8 đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	200 tỷ VNĐ	51%	Quản lý, khai thác, vận hành và bảo dưỡng các kho nổi chứa dầu thô (FSO), kho nổi chứa và xử lý dầu thô (FPSO), cung ứng lao động chuyên ngành dầu khí.
10	Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Số 9-11 đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	500 tỷ VNĐ	51%	Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp.
11	Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu	20 tỷ VNĐ	100%	Kinh doanh du lịch và dịch vụ sinh hoạt cho các công ty dầu khí trong và ngoài nước.

 **TỔ CHỨC LĨNH VỰC KINH DOANH** (tiếp theo)

					
STT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	VỐN ĐIỀU LỆ / ĐẦU TƯ	TỶ LỆ NĂM GIỮ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH
12	Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tầng 9, Tòa nhà Lucky Building số 66, đường Trần Thái Tông, Cầu Giấy, Hà Nội	20 tỷ VNĐ	51%	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ.
13	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan	Unit 3A-25, U0350, 3rd Floor, Labuan Times Square, 87007 Labuan F.T, Malaysia	572.565 USD	100%	Cung cấp tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác dầu khí.
CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT					
1	Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (VOFT)	Suite 8,05 Level 8, The Garden North Tower, Mid Valley City, Ling Karan Syed Putra 59200 Kuala Lumpur, Malaysia	54.640.000 USD	60%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO) cho khách hàng PCVL.
2	Công ty Liên doanh PTSC South East Asia (PTSC SEA)	No.18, Sungel Kadult Way, Singapore	37.329.582 USD	51%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO) cho khách hàng Biển Đông POC.
3	Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific (PTSC AP)	No.18, Sungel Kadult Way, Singapore	119.996.426 USD	51%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO) cho khách hàng Lam Sơn JOC.
4	Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (MVOT)	Suite 8.05 Level 8, The Garden North Tower, Mid Valley City, Ling Karan Syed Putra 59200 Kuala Lumpur, Malaysia	35.222.268 USD	49%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO) cho khách hàng TML.
5	Công ty Liên doanh Ròng Đồi MV 12	No.02 International Business Park, Unit 2-06/7 The Strategy Tower, Singapore	4.716.854 USD	33%	Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO) cho khách hàng KNOC.
6	Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Số 65A2, đường 30/2, phường 9, Tp Vũng Tàu	595 tỷ VNĐ	28,75%	Đóng mới, sửa chữa, hoán cải giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, các phương tiện nổi.

NGUỒN LỰC CHUNG

8976 lao động

100% kỹ sư thiết kế là người Việt Nam

15 tàu dịch vụ dầu khí

05 FSO, FPSO

Đã quản lý và thực hiện hơn **60** dự án EPC, EPCI

61 hecta - Diện tích bãi chế tạo

02 Tàu khảo sát Địa vật lý - Địa chất công trình

02 Tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D

01 sà lan nhà ở **300** chỗ và **01** sà lan **5000** tấn

08 căn cứ cảng với tổng diện tích **345** hecta

Năng lực bốc xếp lên đến **03** triệu tấn hàng hóa/năm

3000 tấn kết cấu/năm - sản lượng thực hiện bình quân của bãi chế tạo giàn khoan

03 robot lặn khảo sát công trình ngầm



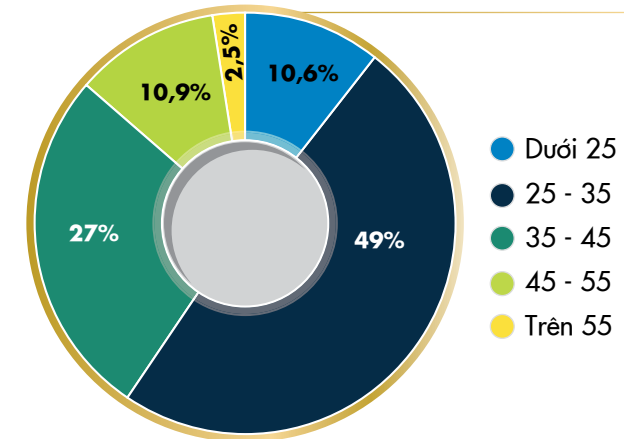


NHÂN LỰC

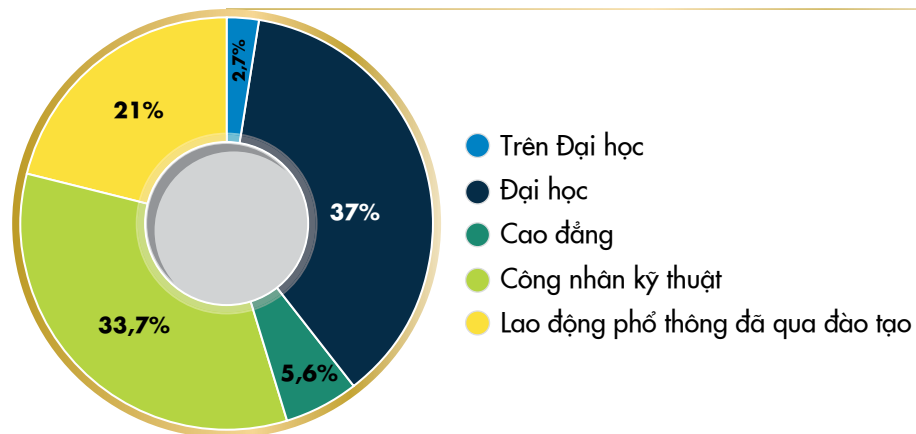


TỔNG CÔNG TY PTSC LUÔN COI NGUỒN NHÂN LỰC LÀ TÀI SẢN QUÝ GIÁ NHẤT, LÀ CHÌA KHÓA CHO SỰ THÀNH CÔNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.

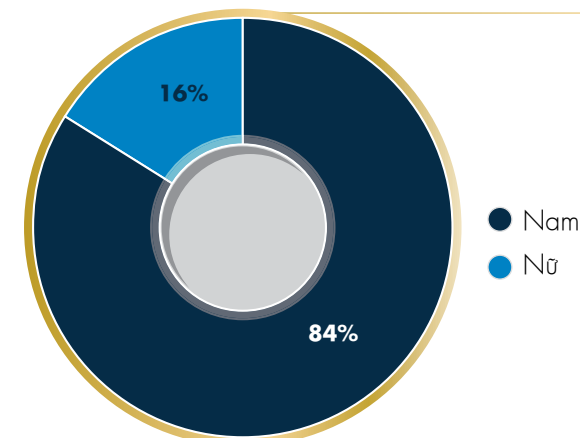
Theo nhóm độ tuổi



Theo trình độ học vấn



Theo giới tính





CƠ SỞ VẬT CHẤT CHÍNH CỦA PTSC

PTSC SỞ HỮU CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT DẦU KHÍ HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM, CÓ KHẢ NĂNG CUNG CẤP TRỌN GÓI DỊCH VỤ KỸ THUẬT CAO CHO HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ, TỔNG THẦU EPC, EPCI CÁC DỰ ÁN CƠ KHÍ DẦU KHÍ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP.

Đội tàu dịch vụ của PTSC



PTSC hiện đang sở hữu, quản lý đội tàu dịch vụ dầu khí lớn nhất Việt Nam với tổng số 15 tàu bao gồm các tàu dịch vụ hiện đại như tàu kéo, thả neo và vận chuyển, tàu định vị động học (DP), tàu hỗ trợ lặn khảo sát, tàu chống cháy, tàu trục mỏ, tàu bảo vệ,... được vận hành bởi đội ngũ thuyền viên Việt Nam và nước ngoài có năng lực, giàu kinh nghiệm. Ngoài đội tàu hiện có, PTSC còn thuê dài hạn 5 tàu trần hoạt động dưới thương hiệu PTSC để đáp ứng các nhu cầu dịch vụ tàu cho hoạt động dầu khí tại Việt Nam và khu vực. Chi tiết đội tàu dịch vụ của PTSC như sau:

TÀU DỊCH VỤ
15

STT	TÊN TÀU	CÔNG SUẤT
1	Tàu An Bang (AHTS)	7.040 HP
2	Tàu An Phong (AHTS)	7.040 HP
3	Tàu Phong Lan (AHTS)	5.300 HP
4	Tàu Phong Nha (AHTS DP1)	5.300 HP
5	Tàu Bình Minh (AHTS DP2)	5.506 HP
6	Tàu Bình An (AHTS)	8.900 HP
7	Tàu PTSC Vũng Tàu (AHTS DP1)	7.080 HP
8	Tàu PTSC Hải Phòng (AHTS DP1)	5.220 HP
9	Tàu PTSC Thái Bình (AHTS DP2)	8.080 HP
10	Tàu PTSC Thăng Long (AHTS DP2)	7.200 HP
11	PTSC Tiên Phong (AHTS)	7.080 HP
12	Tàu PTSC Ngàn năm TLHN – 02 (Utility towing)	3.500 HP
13	Tàu PTSC Ngàn năm TLHN – 03 (Utility towing)	4.750 HP
14	Tàu PTSC 04 (Utility towing)	2.140 HP
15	Tàu Bạch Hổ (Utility towing)	980 HP

- AHTS: Tàu dịch vụ đa năng
- Utility towing: Tàu lai kéo

- DP1: có hệ thống định vị động học DP 1
- DP2: có hệ thống định vị động học DP 2



Kho nổi chứa, xuất dầu thô (FSO) và kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FPSO)

STT	TÊN TÀU	SỨC CHỨA	KHU VỰC HOẠT ĐỘNG
1	Tàu FSO Orkid	745.000 thùng	Mỏ PM3 CAA
2	Tàu FPSO Ruby II	645.000 thùng	Mỏ Hồng Ngọc
3	Tàu FSO Bien Dong 01	350.000 thùng	Mỏ Hải Thạch và Mộc Tinh
4	Tàu FPSO Lam Sơn	350.000 thùng	Mỏ Thăng Long - Đông Đô
5	Tàu FSO MV12	300.000 thùng	Mỏ Rồng Đồi





NGUỒN LỰC (tiếp theo)

Căn cứ cảng PTSC

Hiện nay, PTSC đang quản lý, vận hành và triển khai đầu tư hệ thống 08 căn cứ cảng dịch vụ dầu khí tại tất cả các trung tâm của cả 03 khu vực Bắc - Trung - Nam Việt Nam, đáp ứng tốt và đầy đủ các dịch vụ hậu cần căn cứ cảng cho các Công ty và nhà thầu đang hoạt động thăm dò khai thác dầu khí tại Việt Nam cũng như các thành phần kinh tế khác tại địa phương.



CĂN CỨ CẢNG

08

Trên 03 khu vực
Bắc - Trung - Nam

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
1	Cảng Hạ lưu Vũng Tàu	Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Diện tích: 82,2 ha Số cầu bến: 09 Tổng chiều dài cầu bến: 750m Khả năng tiếp nhận: + Tàu 10.000 DWT + Sà lan 10.000 DWT Độ sâu thủy điện: -6,5m đến -9m
2	Cảng DVĐK tổng hợp Phú Mỹ	Đường số 3, Khu công nghiệp Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Diện tích: 26,5 ha Số cầu bến: 03 + Bến số 1: chiều dài 385m, khả năng tiếp nhận tàu 70.000 DWT, độ sâu thủy điện -10,5m. + Bến số 2: chiều dài 130m, khả năng tiếp nhận tàu 1.500 DWT, độ sâu thủy điện -2,7m + Bến số 3: chiều dài 130m, khả năng tiếp nhận tàu 2.500 DWT, độ sâu thủy điện -3,3m
3	Cảng Sao Mai - Bến Đình	Vũng Tàu	Diện tích: 163 ha

STT	TÊN CẢNG	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ
4	Cảng Dung Quất	Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Diện tích: 4,2 ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 210m, khả năng tiếp nhận tàu 50.000 DWT, độ sâu thủy điện -10m. + Bến số 2: chiều dài 90m, khả năng tiếp nhận tàu 2.000 DWT, độ sâu thủy điện -4,2m
5	Cảng Sơn Trà	Tp. Đà Nẵng	Diện tích: 10 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 200m Khả năng tiếp nhận tàu theo thiết kế: 20.000 DWT, độ sâu thủy điện: -7,5m
6	Cảng Hòn La	Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	Diện tích: 8,8 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 215m Khả năng tiếp nhận tàu: 10.000 DWT Độ sâu thủy điện: -7,8m
7	Cảng Nghi Sơn	Huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá	Diện tích: 35 ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 165m, khả năng tiếp nhận tàu 20.000 DWT, độ sâu thủy điện -9,5m. + Bến số 2: chiều dài 225m, khả năng tiếp nhận tàu 50.000 DWT độ sâu thủy điện -12m
8	Cảng Đình Vũ	Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, Tp. Hải Phòng	Diện tích: 15,2 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 330m Khả năng tiếp nhận tàu: 20.000 DWT Độ sâu thủy điện: -7,8m



NGUỒN LỰC (tiếp theo)

Cơ sở vật chất phục vụ chế tạo, xây lắp công trình dầu khí và các công trình công nghiệp



Lĩnh vực dịch vụ cơ khí chế tạo, xây lắp công trình dầu khí và các công trình công nghiệp là một trong số những loại hình dịch vụ quan trọng có đóng góp lớn nhất vào doanh thu, lợi nhuận của PTSC. Để thực hiện các dự án, PTSC hiện đang sở hữu khu căn cứ thi công chế tạo công trình dầu khí tại Vũng Tàu với điều kiện cơ sở vật chất, cảng bãi, kho hàng, thiết bị cầu kéo, thiết bị nâng hạ và các máy móc thiết bị cơ sở khác... luôn đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng, cụ thể:



Công trường thi công trên diện tích gần 21 héc ta, bao gồm xưởng, kho bãi thi công và văn phòng làm việc hiện đại: xưởng thi công lắp ráp (150.000m²), phân xưởng có mái che (19.000m²), xưởng phun làm sạch (8.000m²), xưởng sơn có mái che (3.500m²)...



Cầu cảng chuyên dụng cho hoạt động chế tạo cấu kiện cơ khí với: chiều dài 410 mét (05 phân đoạn), có chiều rộng 28 mét và công suất nâng từ 125 đến 1.000 tấn, mực nước sâu 10-15 mét, hệ thống 03 đường trượt có tải trọng lên đến 25.000 tấn.



Hàng loạt các phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ các hoạt động thi công chế tạo công trình dầu khí như xe cầu từ 50 - 550 tấn, xe nâng, máy hàn, máy phát điện, máy nén khí cùng nhiều thiết bị dụng cụ chuyên dụng khác.

Cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đấu nối, xây lắp, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí

Nguồn lực cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đấu nối, xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa các công trình dầu khí được PTSC đầu tư thời gian qua đã cơ bản đáp ứng các nhu cầu dịch vụ, gồm các cơ sở vật chất chủ đạo sau:

STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1	Sà lan nhà ở 300 chỗ PTSC Offshore 1	Sà lan không tự hành, chiều dài 111,6m, chiều rộng 31,7m, chiều cao mạn 7,3m, mớn nước 4,5 m, trọng tải 9.582 tấn, được trang bị một cầu lớn với sức nâng 300 tấn.
2	Sà lan 5.000 tấn PTSC 01	Sà lan có thể vận chuyển các giàn WHP, chân đế, các cấu kiện... lên đến 5.000 tấn phục vụ các công việc xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng, hoán cải ngoài khơi.
3	Xưởng cơ khí bảo dưỡng	Diện tích 11.462 m ² , với các trang thiết bị, máy móc hiện đại, có thể sửa chữa và bảo dưỡng và cung cấp các dịch vụ hoán cải, nâng cấp, chế tạo các cấu kiện có kết cấu lên đến 500 tấn.





NGUỒN LỰC (tiếp theo)



Cơ sở vật chất phục vụ công tác khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm

Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV là loại hình dịch vụ kỹ thuật cao, phức tạp. PTSC là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam sở hữu, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D cùng với nhiều thiết bị khảo sát chuyên dụng ROV (Remote Operated Vehicle), tàu khảo sát địa chất công trình, địa vật lý... đủ khả năng thực hiện các hoạt động khảo sát trên tất cả các vùng biển thềm lục địa Việt Nam và thế giới.



STT	TÊN PHƯƠNG TIỆN	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT
1	Tàu khảo sát địa chấn 2D Bình Minh 02	Thực hiện khảo sát địa chấn bằng công nghệ 2D trên tất cả các vùng biển thềm lục địa của Việt Nam và quốc tế.
2	Tàu khảo sát địa chấn 3D CGG Amadeus	Thực hiện khảo sát địa chấn bằng công nghệ 3D trên tất cả các vùng biển thềm lục địa của Việt Nam và quốc tế.
3	Tàu khảo sát địa vật lý PTSC Surveyor	Thực hiện công tác khoan khảo sát địa chất công trình trong vùng nước có độ sâu từ 7m đến 300m và khảo sát địa vật lý trong vùng nước có độ sâu từ 7m đến 500m.
4	Tàu khảo sát PTSC Researcher	Thực hiện khảo sát địa vật lý trong vùng nước có độ sâu đến 1.000m, khảo sát hải dương trên tất cả các vùng biển thềm lục địa Việt Nam và khu vực.
5	Tàu Dầu khí 105	Tàu dịch vụ 1.600 HP phục vụ hỗ trợ các công tác lặn, khảo sát.
6	Thiết bị khảo sát ROV Observation (02 thiết bị)	ROV Panther Plus 911 và ROV Panther Plus 954 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa các công trình ngầm dưới nước có thể lặn sâu tới 2000m.
7	Thiết bị khảo sát ROV WorkClass	ROV Quasar Compact 007 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa với mức độ phức tạp các công trình ngầm dưới nước có thể lặn sâu tới 2000m.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020

Về dài hạn: Xây dựng PTSC trở thành Tổng công ty mạnh có thương hiệu trong khu vực và trên thế giới với các lĩnh vực hoạt động chính: dịch vụ kỹ thuật dầu khí, dịch vụ khảo sát, hàng hải, công nghiệp, trong đó lấy dịch vụ kỹ thuật dầu khí làm then chốt và nền tảng. Phấn đấu trở thành đơn vị dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp uy tín và thương hiệu hàng đầu của khu vực Đông Nam Á.

Về trung và ngắn hạn: Giữ vững và ổn định các hoạt động SXKD trong bối cảnh giá dầu giảm sút, tận dụng cơ hội đầu tư để nâng cao năng lực đón nhận xu hướng giá dầu phục hồi.

Phấn đấu tỷ suất lợi nhuận Công ty mẹ sau thuế trên vốn điều lệ đạt trên 10%/năm.

Tầm nhìn

Trở thành nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí, nhà thầu quốc tế EPCI, EPC công nghiệp cạnh tranh, mạnh trên thế giới với sản phẩm, dịch vụ có hàm lượng chất xám, giá trị gia tăng cao.



Quan điểm phát triển

Phát triển ổn định, bền vững; kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động sản xuất kinh doanh với bảo vệ môi trường và an ninh quốc phòng, phát huy lợi thế là một thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

Hợp tác chặt chẽ với các đơn vị trong ngành nhằm khai thác và sử dụng tối đa nguồn lực tổng thể.

Liên doanh, liên kết với các công ty, đơn vị có năng lực trong và ngoài nước để giảm thiểu cạnh tranh, tránh đối đầu trực tiếp; từng bước tiếp thu, nhận chuyển giao công nghệ, tiến đến làm chủ công nghệ nhằm chiếm lĩnh thị trường trong nước và mở rộng phát triển ra nước ngoài.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

THÔNG ĐIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2016, đánh dấu sự nỗ lực vượt khó đáng ghi nhận của tập thể Lãnh đạo và Người lao động PTSC trong bối cảnh toàn ngành dầu khí phải đối mặt với hàng loạt thách thức không dễ vượt qua từ việc giá dầu suy giảm sâu và kéo dài. Đứng trước thách thức và cạnh tranh khốc liệt đó, PTSC cam kết luôn kiên định với mục tiêu phát triển bền vững: “Phát triển nguồn lực, SXKD luôn gắn liền với sự phát triển của môi trường, cộng đồng và xã hội”. Đây cũng chính là bản sắc văn hóa đã được các thế hệ Người lao động PTSC kế thừa, gìn giữ và phát huy trong suốt chặng đường phát triển bền vững.



“ ĐỂ DUY TRÌ SỰ PHÁT TRIỂN ỔN ĐỊNH, BỀN VỮNG, MANG LỢI ÍCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN, PTSC MỘT LẦN NỮA XÁC ĐỊNH YẾU TỐ CỐT LÕI TRONG NĂM 2016 LÀ TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN CÁC MỤC TIÊU CHÍNH SAU:



Với tín hiệu khả quan trong năm tới cùng với sự nỗ lực của toàn thể Người lao động PTSC và sự đồng hành của Quý cổ đông, khách hàng, đối tác, PTSC cam kết thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển bền vững, tối đa hóa các giá trị đem lại cho các bên liên quan, cộng đồng và xã hội.

CÁC CHỨNG NHẬN SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PTSC THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ



XÂY DỰNG, ÁP DỤNG TOÀN DIỆN HỆ THỐNG CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC VÀ SXKD

Trong giai đoạn này, PTSC xác định rõ việc phát triển nội lực, SXKD được đặt lên hàng đầu vì khi đảm bảo được tăng trưởng nội lực, SXKD vững chắc sẽ tạo được nguồn lực để đóng góp, phát triển xã hội và môi trường. Để đạt được mục tiêu này, PTSC đã và đang xây dựng, áp dụng hiệu quả hệ thống toàn diện các giải pháp sau:

NHÓM GIẢI PHÁP VỀ TIẾT GIẢM CHI PHÍ, GIẢM GIÁ DỊCH VỤ:

Năm 2016, trong công tác tiết giảm chi phí, chống lãng phí, PTSC đã tiết giảm được 557.201 triệu đồng, đạt 101% kế hoạch tiết giảm năm 2016.



NHÓM GIẢI PHÁP VỀ ĐẦU TƯ:

Do ảnh hưởng của việc sụt giảm giá dầu nên công tác đầu tư của PTSC trong giai đoạn này là tập trung thực hiện tốt các dự án đang triển khai, đồng thời nghiên cứu, cập nhật, đánh giá tình hình thị trường đối với các dự án đầu tư trong kế hoạch đã được phê duyệt và đưa ra quyết định tiếp tục hoặc dừng đầu tư hợp lý.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)



NHÓM GIẢI PHÁP TRONG CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG, HỢP TÁC, PHÁT TRIỂN KINH DOANH, PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ RA NƯỚC NGOÀI:

Nhóm giải pháp này nhằm tận dụng các thế mạnh duy trì, giữ vững thị trường dịch vụ hiện có đồng thời đẩy mạnh phát triển kinh doanh khu vực dầu khí, công nghiệp và mở rộng phát triển thị trường ra nước ngoài. Đẩy mạnh tìm kiếm, hợp tác với các đối tác/nhà thầu trong và ngoài nước để cùng triển khai với chi phí cạnh tranh, tăng khả năng trúng thầu và không phụ thuộc vào chính sách bảo hộ.



NHÓM GIẢI PHÁP ĐA DẠNG HÓA CÁC LOẠI HÌNH SẢN PHẨM HÀNG HÓA, DỊCH VỤ, ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D):

Nhằm đẩy mạnh tham gia thực hiện các dự án, công trình công nghiệp trên bờ, sản xuất trang thiết bị, hệ thống trên biển và công nghiệp. Đa dạng hóa các loại hình sản phẩm, dịch vụ, kể cả các dịch vụ phụ trợ cho các nhà sản xuất lớn, hiện đại.



NHÓM GIẢI PHÁP VỀ TÁI CẤU TRÚC, CẢI TIẾN, HỆ THỐNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, NÂNG CẤP HỆ THỐNG QUẢN LÝ:

Nhóm giải pháp này với mục đích thực hiện quyết liệt công tác tái cấu trúc doanh nghiệp, áp dụng Đề án Năng lực cạnh tranh ứng dụng khoa học công nghệ, sáng kiến, sáng chế, cải tiến, công nghệ thông tin vào hoạt động SXKD. Năm 2016 PTSC đã triển khai xây dựng, áp dụng các phần mềm:

- Thu viện điện tử, quản lý thông tin công việc, nhân sự, hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP).
- Quản trị quan hệ khách hàng (CRP).
- Quản trị dây chuyền cung cấp (SCM).
- Kết quả hoạt động sáng kiến, sáng chế được công nhận: **912 sáng kiến** được công nhận trong đó **801 sáng kiến**, sáng chế được đưa vào áp dụng. Tổng giá trị làm lợi: **8.978 triệu đồng**.



NHÓM GIẢI PHÁP VỀ SO SÁNH TOÀN DIỆN DOANH NGHIỆP VỚI NHÀ NƯỚC VỚI CÁC ĐỐI THỦ CẠNH TRANH, LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP KHÁC:

Nhóm giải pháp này mang lại hiệu quả trong việc đánh giá đúng năng lực các đối thủ cạnh tranh, các khó khăn, thuận lợi của PTSC, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong công tác phát triển kinh doanh, đấu thầu để có thêm công việc, hợp đồng kể cả các việc nhỏ nhất.

PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CHUYÊN NGHIỆP, NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO, ĐẲNG CẤP QUỐC TẾ



ĐỐI VỚI MỌI DOANH NGHIỆP, NGUỒN NHÂN LỰC LUÔN LÀ YẾU TỐ QUAN TRỌNG TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG. VÌ VẬY, TRONG GIAI ĐOẠN KHÓ KHĂN NHƯ HIỆN NAY, VIỆC PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CHUYÊN NGHIỆP, PHÁT HUY TỐI ĐA, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC, CHĂM LO LỢI ÍCH VÀ ĐẢM BẢO CHÍNH SÁCH, QUYỀN LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐỐI VỚI PTSC LÀ NỀN TẢNG ĐỂ VƯỢT LÊN KHÓ KHĂN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.



CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, ĐÀO TẠO

Triệu VNĐ/người/tháng

15,5

thu nhập bình quân của lực lượng lao động

Lượt CBCNV

12.000

tham dự các khóa đào tạo

Tỷ VNĐ

25

Tổng kinh phí đào tạo

Tính tới thời điểm 31/12/2016, lực lượng lao động của PTSC là 8.976 người, thu nhập bình quân là 15.500.000 đồng/người/tháng. Đây là kết quả đáng ghi nhận của tập thể Lãnh đạo và Người lao động trước những khó khăn thực tế mà PTSC phải đối mặt.

Để đạt được kết quả trên và đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, yêu cầu công việc, yêu cầu mở rộng SXKD, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế khi làm việc với các nhà thầu nước ngoài và đảm bảo lợi thế cạnh tranh với lao động khu vực, PTSC đã áp dụng Nhóm giải pháp về công tác nhân sự:

- Trả đãi ngộ theo thực tế hiệu quả lao động
- Chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng dụng nhân tài
- Triển khai và tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tăng mức đãi ngộ hợp lý, minh bạch theo hướng chấp nhận sự khác biệt.

Trong xu thế hội nhập sâu rộng của nền kinh tế thế giới và cạnh tranh khốc liệt trong thị trường dịch vụ kỹ thuật, PTSC nhận thức rõ việc xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo lợi thế cạnh tranh thông qua việc đầu tư cho hoạt động đào tạo. Trong năm 2016 toàn Tổng công ty đã tổ chức trên 12.000 lượt CBCNV tham dự các khóa đào tạo theo kế hoạch và theo yêu cầu chuyên môn với tổng kinh phí trên 25 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch năm.



CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

Bên cạnh chính sách tiền lương, nhằm đảm bảo tính cạnh tranh và theo thị trường, chính sách phúc lợi cho Người lao động luôn được PTSC quan tâm để Người lao động được hưởng các chế độ đãi ngộ cao nhất có thể, phù hợp với tình hình SXKD, cụ thể:

- Chính sách chăm sóc sức khỏe: Toàn thể Người lao động được khám sức khỏe định kỳ 1 năm/lần; Chương trình bảo hiểm phúc lợi cho người lao động (PVI Care) đồng thời được hỗ trợ qua gói bảo hiểm cho người thân.
- Chính sách phúc lợi xã hội: Đảm bảo các chế độ BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật về lao động.
- Chế độ nghỉ mát cho người lao động: Người lao động được tham gia chương trình tham quan, nghỉ mát phù hợp với kết quả SXKD ít nhất 1 năm/lần.
- Các chế độ phúc lợi khác: Phúc lợi nhân ngày thành lập PTSC, các ngày Lễ, Tết; chi phí hỗ trợ ăn ca, đồng phục; tổ chức bữa ăn cho Người lao động trong đó xây dựng và tuân thủ quy định an toàn vệ sinh thực phẩm; bố trí nhà công vụ cho Người lao động khi tham gia dự án và đi công tác trong nước.



DUY TRÌ, PHÁT TRIỂN SXKD GẮN LIỀN VỚI CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI



DUY TRÌ, PHÁT TRIỂN SXKD GẮN LIỀN VỚI CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Duy trì, cải tiến, phát triển hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng (SKATMTCL)

Là đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí hàng đầu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, song song với việc phát triển SXKD, PTSC luôn coi việc duy trì, liên tục cải tiến, phát triển hệ thống SKATMTCL là vấn đề then chốt, xuyên suốt hệ thống quản trị doanh nghiệp. PTSC liên tục duy trì hoạt động hiệu quả OHSAS 18001:2007 (Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp), ISO 14001:2004 (Hệ thống quản lý môi trường) và ISO 9001:2008 (Hệ thống quản lý chất lượng) đã được tổ chức chứng nhận quốc tế BSI (British Standard Institution - Viện tiêu chuẩn Anh quốc) cấp giấy chứng nhận phù hợp theo tiêu chuẩn quốc tế.

Với mục tiêu tạo ra môi trường làm việc an toàn, ngăn ngừa triệt để tai nạn thương tật, bệnh nghề nghiệp cho Người lao động và các bên liên quan; không gây tổn hại, ô nhiễm môi trường; không xảy ra sự cố tổn thất về tài sản và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu của luật định cũng như thỏa mãn yêu cầu của khách hàng, năm 2016 PTSC đã đạt được các thành tích tiêu biểu như:



- Không xảy ra tai nạn lao động, sự cố gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản hoặc làm gián đoạn sản xuất kinh doanh.
- Tàn suất tổng số thương tật được ghi nhận, tàn suất xảy ra sự cố thiệt hại tài sản tính trên 01 triệu giờ làm việc giảm so với năm trước.
- Công tác quản lý môi trường được đảm bảo tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật, không có trường hợp bị cảnh cáo, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Thi công Dự án NH3-NPK cho Khách hàng PVFCCo đạt cột mốc 1 triệu giờ làm việc an toàn.
- Thi công Dự án GPP Cà Mau cho Khách hàng PVGas đạt cột mốc 2,5 triệu giờ làm việc an toàn.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn nguyên vật liệu, năng lượng

Do đặc thù ngành nghề kinh doanh của PTSC là cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, vì vậy khó có thể tính toán chi tiết các nguồn nguyên vật liệu sử dụng để tạo ra sản phẩm dịch vụ như những ngành nghề khác. Các nguyên vật liệu chủ yếu được sử dụng tham gia vào quá trình tạo ra các sản phẩm dịch vụ bao gồm:

- Các loại sắt thép bán thành phẩm, chất sơn phủ bề mặt... phục vụ cho hoạt động cơ khí và bảo dưỡng sửa chữa phương tiện trang thiết bị sản xuất.
- Nhiên liệu xăng, dầu DO, khí đốt công nghiệp, điện năng để vận hành các trang thiết bị, máy móc, phương tiện phục vụ hoạt động sản xuất.

Việc quản lý sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng được kiểm soát chặt chẽ thông qua quy trình quản lý chất lượng, định mức kỹ thuật, hướng dẫn sử dụng vận hành nhằm đảm bảo an toàn cũng như giảm thiểu phát thải tối đa ra môi trường. Để giảm thiểu tối đa việc tiêu thụ năng lượng, PTSC đã ban hành và thực hiện 138 định mức tiêu hao nhiên liệu, tiêu thụ năng lượng, trong đó năm 2016 ban hành 10 quy định, định mức mới. Riêng đối với hoạt động của đội tàu dịch vụ dầu khí, PTSC hiện đang áp dụng Hệ thống quản lý hiệu quả năng lượng theo quy định của Tổ chức Hàng hải thế giới (IMO) và định kỳ được Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra, giám sát để cấp Giấy chứng nhận phù hợp sử dụng hiệu quả năng lượng.

Đối với việc sử dụng nguồn nước, hoạt động sản xuất của PTSC chỉ chủ yếu sử dụng nguồn nước cấp thủy cục để phục vụ mục đích sinh hoạt hàng ngày cho CBCNV làm việc trên bờ và trên các tàu dịch vụ, phương tiện nổi làm việc trên biển. Tổng lượng nước tiêu thụ vào khoảng 627.000 m³/năm. Tất cả các loại nước thải sinh hoạt, sản xuất tại các cơ sở trên bờ và phương tiện nổi trên biển đều được thu gom, đưa vào các hệ thống xử lý đảm bảo nước thải sinh hoạt đạt Tiêu chuẩn Việt Nam và quốc tế trước khi thải ra môi trường.



DUY TRÌ, PHÁT TRIỂN SXKD GẮN LIỀN VỚI TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

Các hoạt động An sinh xã hội (ASXH)

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, PTSC luôn xác định rõ công tác ASXH là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững và phát triển hoạt động SXKD luôn gắn liền trách nhiệm với cộng đồng, xã hội. Song song với việc nỗ lực tìm ra giải pháp đối mặt với khủng hoảng của giá dầu, PTSC luôn ý thức trách nhiệm và triển khai tốt công tác ASXH.

Năm 2016, với tổng số tiền dành cho công tác ASXH trên 19 tỷ đồng, PTSC đã triển khai tốt chương trình ASXH theo kế hoạch Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam bao gồm các hoạt động tiêu biểu sau:

- PTSC đã hỗ trợ, xây dựng nhiều công trình Trường học ở Phú Yên, Thái Bình, Yên Bái, hỗ trợ, ủng hộ cho quỹ ASXH của các Tỉnh An Giang, Kiên Giang, quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam.
- Hỗ trợ đồng bào Miền trung chịu thiệt hại của thiên tai, bão lụt.
- Tài trợ nâng cao chất lượng y tế, chất lượng giáo dục tại các địa phương.

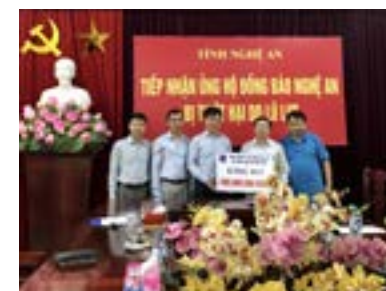


Các hoạt động xung kích, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng và xung kích bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của Đoàn thanh niên PTSC

Phát huy truyền thống tương thân, tương ái của PTSC, các tổ chức chính trị đoàn thể và Người lao động của PTSC luôn nhiệt huyết với tinh thần tình nguyện, nhân ái và trách nhiệm, triển khai tốt công tác ASXH, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng, bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trong đó Đoàn thanh niên PTSC là lực lượng trẻ, tiêu biểu đã thực hiện tốt các hoạt động ASXH, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng với các hoạt động sau:

Xung kích, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng

- Phát động và nhân rộng phong trào từ thiện không biên giới với việc vận động các đối tác nước ngoài cùng đóng góp ủng hộ các hoạt động xã hội tình nguyện của PTSC.
- Tổ chức chương trình hiến máu nhân đạo "Một giọt máu, triệu tấm lòng".
- Phối hợp tổ chức khám bệnh phát thuốc cho người nghèo tại huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Tổ chức các chương trình "Bao lì xì nhân ái" tại các địa điểm Bình Sơn - Quảng Ngãi, Nghi Sơn - Thanh Hóa.





PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (tiếp theo)

- Phối hợp chăm sóc phụng dưỡng đến suốt đời mẹ Việt Nam Anh hùng Nguyễn Thị Dày tại xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
- Tổ chức chương trình “PTSC vàng sáng yêu thương - Tết ấm người nghèo”; phối hợp với các nhà thầu phụ chung tay bê tông hoá 1.500 mét đường tại xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.
- Phối hợp tổ chức chương trình “Xuân yêu thương”, tổ chức cuộc thi nấu bánh chưng và tặng quà cho các gia đình nghèo tại Tp. Vũng Tàu.
- Tổ chức nấu và phát suất cơm từ thiện cho Người lao động khó khăn.



Xung kích bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Thực hiện chương trình “Nghĩa tình biên giới hải đảo” và các hoạt động hưởng về biển đảo, biên giới luôn thu hút được đông đảo ĐVTN tham gia. Phối hợp tổ chức quyên góp ủng hộ quân dân huyện Đảo Trường Sa và nhà giàn DK1 với tổng số tiền quyên góp được là 50 triệu đồng; thăm tặng quà cho trường tiểu học số 2 An Vĩnh, trường tiểu học An Hải, huyện đảo Lý Sơn;

Thông tin sâu rộng và tổ chức hoạt động hưởng ứng ngày môi trường thế giới và tuần lễ Biển & Hải đảo năm 2016; Tổ chức chương trình đạp xe diễu hành hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái đất, tổ chức dọn vệ sinh đường lên núi ViBa, dọn dẹp vệ sinh môi trường biển tại mũi Nghinh Phong, Tp Vũng Tàu; Chương trình “Hãy làm sạch biển”, tham gia thu dọn vệ sinh, thu gom rác thải, làm sạch môi trường ven biển thuộc địa bàn Dung Quất, Quảng Ngãi...

Tổ chức có hiệu quả các hoạt động tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, “Ngày thứ Bảy tình nguyện”, “Ngày Chủ nhật xanh”, tổ chức Tết trồng cây, tham gia dọn vệ sinh môi trường tại nơi làm việc, trên các công trường, Dự án; duy trì hoạt động giữ gìn trật tự an toàn giao thông khu vực đường ra vào các Cảng.

Tham gia các hoạt động phối hợp tại địa bàn, tuyên truyền các hoạt động giữ gìn trật tự an toàn giao thông, xây dựng nếp sống văn hoá nơi công cộng, phòng chống các tệ nạn xã hội...





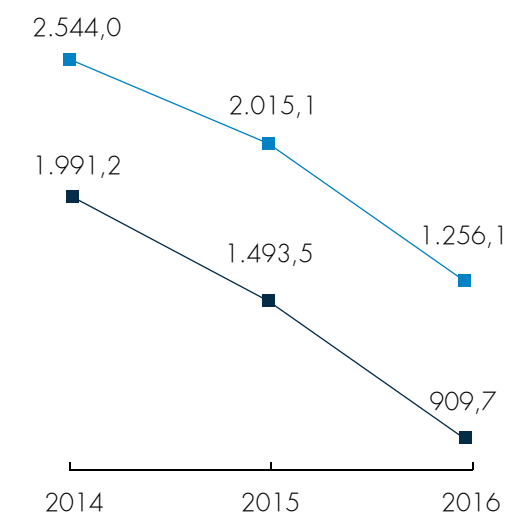
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động
của Tổng công ty

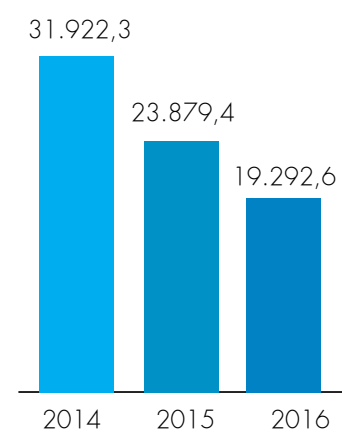


KẾT QUẢ TOÀN TỔNG CÔNG TY PTSC NĂM 2016

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2015	KẾ HOẠCH NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2016	SỐ VỚI KẾ HOẠCH NĂM	SỐ VỚI THỰC HIỆN NĂM 2015
1	Doanh thu và thu nhập khác hợp nhất	Tỷ VNĐ	23.879,4	22.000,0	19.292,6	87,7%	80,8%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	2.015,1	1.200,0	1.256,1	104,7%	62,3%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	1.493,5	960,0	909,7	94,8%	60,9%



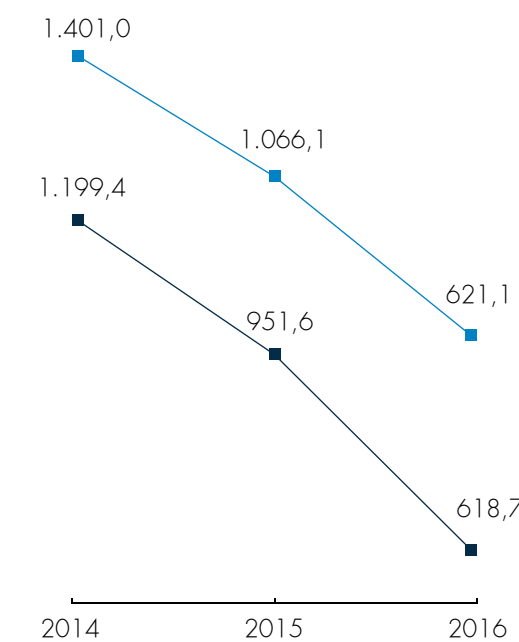
■ Lợi nhuận trước thuế
■ Lợi nhuận sau thuế



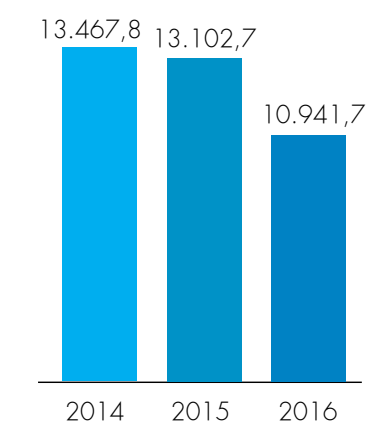
Doanh thu hợp nhất

KẾT QUẢ CÔNG TY MẸ PTSC NĂM 2016

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	THỰC HIỆN NĂM 2015	KẾ HOẠCH NĂM 2016	THỰC HIỆN NĂM 2016	SỐ VỚI KẾ HOẠCH NĂM	SỐ VỚI THỰC HIỆN NĂM 2015
1	Vốn điều lệ	Tỷ VNĐ	4.467,0	4.467,0	4.467,0	100,0%	100,0%
2	Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ VNĐ	13.102,7	10.500,0	10.941,7	104,2%	83,5%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	1.066,1	800,0	621,1	77,6%	58,3%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	951,6	730,0	618,7	84,7%	65,0%
5	Thực hiện đầu tư	Tỷ VNĐ	629,0	934,0	36,0	3,9%	5,7%
6	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	%	21,3%	16,3%	13,8%	84,7%	65,0%



■ Lợi nhuận trước thuế
■ Lợi nhuận sau thuế



Doanh thu Công ty mẹ PTSC



KẾT QUẢ NĂM 2016 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2015	NĂM 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
• Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,62	1,56
• Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,50	1,39
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
• Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,55	0,54
• Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,23	1,17
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
• Vòng quay hàng tồn kho	ngày	26,28	13,15
• Doanh thu thuần/Tổng tài sản	lần	0,88	0,73
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
• Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,39%	4,87%
• Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,08%	7,70%
• Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,65%	3,56%
• Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	8,28%	5,16%





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

“ KẾT QUẢ DOANH THU HỢP NHẤT THỰC HIỆN CẢ NĂM 2016 ĐẠT 19.293 TỶ ĐỒNG, LỢI NHUẬN HỢP NHẤT TRƯỚC THUẾ ĐẠT 1.256 TỶ ĐỒNG. ĐÂY LÀ KẾT QUẢ SXKD ĐÁNG GHI NHẬN THỂ HIỆN SỰ NỖ LỰC RẤT LỚN CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG VIỆC ĐẨY MẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG SXKD, DUY TRÌ, ĐẢM BẢO CÔNG VIỆC CHO GẦN 9.000 LAO ĐỘNG TRONG BỐI CẢNH KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC DỊCH VỤ BỊ SỤT GIẢM NGHIÊM TRỌNG TRONG NĂM QUA. ”

Tổng quan về tình hình hoạt động

Do đặc thù SXKD của Tổng công ty là cung cấp các dịch vụ kỹ thuật cho các công ty, nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước, Tổng công ty đã xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2016 trên cơ sở đánh giá những thuận lợi, khó khăn và cơ hội thị trường năm 2016 với giả định giá dầu thô dự kiến dao động ở mức bình quân 60 USD/thùng. Tuy nhiên, thực tế giá dầu thô bình quân năm 2016 chỉ đạt khoảng 45 USD/thùng, thấp hơn 25% so với giá dầu dự kiến khi xây dựng Kế hoạch. Việc giá dầu thô liên tục duy trì ở mức thấp đã gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng tới môi trường hoạt động của Tổng công ty: hầu hết các dự án mới, phát triển mỏ dầu khí biển cả trong và ngoài nước bị giãn, dừng triển khai; các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí (khách hàng của Tổng công ty) có giá thành sản xuất một thùng dầu bất lợi so với giá bán, dẫn tới việc thua lỗ, hoạt động cầm chừng, thu hẹp phạm vi, quy mô sản xuất... Hoạt động SXKD dịch vụ năm 2016 của Tổng công ty đã gặp rất nhiều khó khăn do các nhà thầu dầu khí đã triển khai



triệt để các giải pháp tiết giảm chi phí, cắt giảm tối đa khối lượng công việc cũng như chi phí hoạt động, cùng với sức ép cạnh tranh tăng cao do sự tham gia ngày càng nhiều của nhà thầu nước ngoài, tư nhân với giá cung cấp dịch vụ thấp, thậm chí sẵn sàng làm với giá dịch vụ lỗ nhiều, chào phá giá... Nhiều hợp đồng dịch vụ tiềm năng đều bị giãn dừng hoặc có đơn giá, khối lượng thực hiện thấp hơn nhiều so với Kế hoạch dự kiến dẫn đến hầu hết các lĩnh vực hoạt động SXKD chính của Tổng công ty trong năm 2016 đều không hoàn thành kế hoạch (phương án giá dầu 60 USD/thùng) và có sự sụt giảm nghiêm trọng so với cùng kỳ năm trước.

Nhận thức được những khó khăn trong hoạt động SXKD năm 2016, ngay từ đầu năm, Tổng công ty đã quán triệt chỉ đạo, phổ biến triển khai các Chương trình hành động, chủ động tổ chức thực hiện nhiều giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động SXKD, cắt giảm chi tiêu, thực hành tiết kiệm, trong đó có cả giải pháp cắt giảm các chi phí mang tính chất lương, thưởng, cắt giảm

các giải pháp đẩy mạnh SXKD, tiết giảm chi phí, dẫn đến kết quả thực hiện doanh thu hợp nhất chỉ thấp hơn 12% so với Kế hoạch năm theo phương án giá dầu 60 USD/thùng; kết quả thực hiện lợi nhuận trước thuế hợp nhất hoàn thành vượt 5% so với Kế hoạch năm. Các dịch vụ do Tổng công ty thực hiện luôn đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường, chất lượng, tiến độ và đáp ứng được tất cả các yêu cầu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các nhà thầu dầu khí trong và ngoài nước, được khách hàng tin cậy, đánh giá cao.

Đạt được những thành quả trên là nhờ vào những tiến bộ mà Tổng công ty đã nỗ lực thực hiện trong các mặt hoạt động năm 2016, cụ thể như sau:

- Tập thể Người lao động Tổng công ty đoàn kết, sáng tạo và thực hiện quyết liệt đồng bộ các giải pháp, tăng cường tiết giảm chi phí trong toàn Tổng công ty.
- Lãnh đạo Tổng công ty đã sâu sát, có biện pháp khuyến khích, tạo động lực cho Người lao động tự giác nỗ lực làm việc, phát huy tối đa khả năng của mình; củng cố văn hóa minh bạch, công bằng, môi trường lao động văn minh.
- Các phong trào sáng kiến cải tiến trong toàn Tổng công ty được đẩy mạnh, có chiều sâu với nhiều đóng góp sáng kiến, cải tiến thiết thực, hiệu quả. Các sáng kiến cải tiến của Người lao động cũng như của các Đơn vị tư vấn được Tổng công ty thống kê, phổ biến đến tất cả các Đơn vị thành viên trực thuộc để nghiên cứu, vận dụng cho phù hợp điều kiện, tình hình thực tế của từng Đơn vị, mang lại hiệu quả cao.
- Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực được Tổng công ty chú trọng thúc đẩy dưới nhiều hình thức đào tạo, tự đào tạo... đã đáp ứng tốt yêu cầu cập nhật, học hỏi, nâng cao kỹ năng, kiến thức của Người lao động để đáp ứng các nhu cầu dịch vụ kỹ thuật cao.
- Công tác phát triển thị trường có nhiều cải tiến phù hợp, phân tích thị trường, tập trung trọng điểm kết hợp đẩy mạnh liên doanh, liên kết hợp tác với nhà thầu, đối tác trong và ngoài nước.
- Phát triển mạnh nguồn lực thiết kế, kỹ thuật, quản lý khoa học, công nghệ, hỗ trợ tốt cho công tác, công việc và thực hiện dự án.

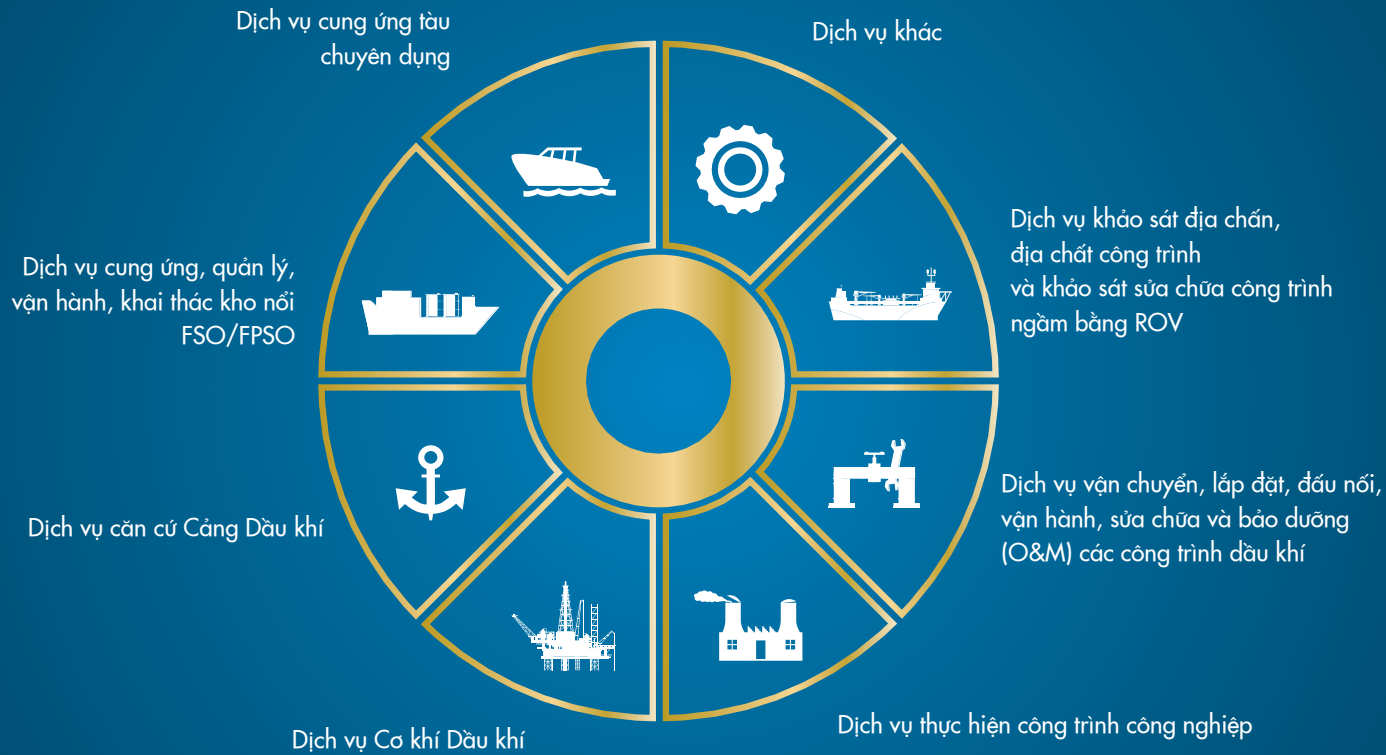
nhân sự, giãn khấu hao... nhằm giảm thiểu tối đa chi phí trong bối cảnh khó khăn như hiện nay. Kết quả tổng doanh thu và thu nhập khác hợp nhất thực hiện cả năm 2016 đạt 19.293 tỷ đồng, đạt 87,7% Kế hoạch năm, giảm 19,2% so với thực hiện năm trước; lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 1.256 tỷ đồng, đạt 104,7% Kế hoạch năm, giảm 37,7% so với thực hiện năm trước.

Mặc dù giá dầu thô bình quân thực tế thấp hơn 25% so với Kế hoạch, các hoạt động dịch vụ chịu nhiều áp lực yêu cầu giảm giá, giảm khối lượng công việc từ khách hàng, tuy nhiên, Tổng công ty đã nỗ lực triển khai tốt



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công tác sản xuất kinh doanh



DỊCH VỤ CUNG ỨNG TÀU CHUYÊN DỤNG DẦU KHÍ:

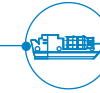
TỶ VNĐ

2.165

Doanh thu năm 2016, đạt 70% kế hoạch năm

Trong năm 2016, do tác động của giá dầu thô giảm, các nhà thầu cắt giảm chi phí dẫn đến một loạt tàu của Tổng công ty đang có hợp đồng phải giảm giá sâu làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của lĩnh vực dịch vụ này. Bên cạnh đó, phần lớn các dự án dầu khí bị dừng hoặc giãn tiến độ thực hiện ảnh hưởng đến nhu cầu dịch vụ ngày càng giảm. Tổng công ty đã tăng cường sử dụng nguồn lực hiện có, hạn chế tàu thuê ngoài nhằm giảm chi phí sản xuất. Tổng số ngày hoạt động của đội tàu Tổng công ty (gồm tàu thuê bareboat) năm 2016 là 4.950 ngày, giảm 19% so với năm 2015. Trong quá trình triển khai dịch vụ, Tổng công ty còn gặp rất nhiều khó khăn trong việc đàm phán cung cấp dịch vụ tàu làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ này.

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2016 là 2.165 tỷ đồng, đạt 70% Kế hoạch năm, giảm 55% so với cùng kỳ năm trước.



DỊCH VỤ CUNG ỨNG, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC KHO NỔI FSO/FPSO:

TỶ VNĐ

3.625

Doanh thu năm 2016, đạt 101% kế hoạch năm

Trong năm 2016, Tổng công ty đã thực hiện tốt công tác cung ứng, quản lý, khai thác, vận hành các kho nổi FSO, FPSO hoạt động an toàn, hiệu quả và đáp ứng yêu cầu của khách hàng; tiếp tục thực hiện tốt các hợp đồng cung cấp thuyền viên làm việc trên các kho nổi. Tổng công ty tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bên liên quan, theo dõi thông tin phản hồi từ khách hàng các Dự án FSO Yetagun tại Myanmar, FPSO Cá Rồng Đồ...

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2016 là 3.625 tỷ đồng, đạt 101% Kế hoạch năm, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước.



DỊCH VỤ CƠ KHÍ DẦU KHÍ:

TỶ VNĐ

5.233

Doanh thu năm 2016, đạt 101% kế hoạch năm

Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các Dự án cơ khí chế tạo công trình biển: Dự án Sư Tử Trắng Full Field Development Phase 1, Dự án Ghana FPSO, Dự án Daman - Phase 2..., đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường, chất lượng, tiến độ theo yêu cầu của khách hàng, hiệu quả Dự án. Riêng Dự án Daman - Phase 2 đã phải tạm dừng thực hiện từ ngày 01/09/2016 do Nhà thầu chính Swiber không thực hiện thanh toán cũng như giao các hàng hóa còn lại phục vụ thi công. Hiện Tổng công ty đang làm việc trực tiếp với Chủ đầu tư ONGC để thống nhất các giải pháp và phương án hoàn thành Dự án.

Bên cạnh đó, Tổng công ty đã nỗ lực đẩy mạnh các hoạt động phát triển kinh doanh, tiếp cận các dự án tiềm năng để duy trì công việc trong thời gian tới: Dự án Sao Vàng - Đại Nguyệt, Cá Rồng Đồ, Sư Tử Trắng FF - Giai đoạn 2, Block B...

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2016 là 5.233 tỷ đồng, đạt 101% Kế hoạch năm, giảm 12% so với cùng kỳ năm trước.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP:

Tổ chức thực hiện tốt các dự án công trình công nghiệp gồm: Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, các Gói thầu B2, SMP9 thuộc dự án Nhà máy LHD Nghi Sơn, Dự án NPK, NH3, GPP Cà Mau, Dự án nạo vét Cảng biển Trung tâm điện lực Duyên Hải - Trà Vinh..., đảm bảo an toàn, bảo vệ môi trường, chất lượng, tiến độ theo yêu cầu của khách hàng.

Việc tổ chức thực hiện an toàn, đúng tiến độ các dự án đã khẳng định năng lực tổ chức, quản lý, thực hiện các dự án EPC công trình công nghiệp của Tổng công ty, đồng thời góp phần khai thác tối ưu, hiệu quả các nguồn lực cơ sở vật chất, nguồn nhân lực hiện có trong bối cảnh thị trường giá dầu đi xuống, đảm bảo công việc và ổn định tâm lý của người lao động.

TỶ VNĐ
5.217
Doanh thu năm 2016,
đạt 106% kế hoạch năm

Dự án	Chủ đầu tư	Nhà thầu chính	Phạm vi công việc
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	PVN	Liên danh nhà thầu PTSC-PM	Tổng thầu EPC Dự án xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1
Dự án NPK	PVFCCo	Liên danh nhà thầu TKIS-PTSC	Tổng thầu EPC Dự án xây dựng Nhà máy NPK Phú Mỹ
Dự án NH3	PVFCCo	Liên danh nhà thầu TECHNIP-PTSC	Tổng thầu EPC Dự án nâng cấp Phân xưởng NH3 của Nhà máy Đạm Phú Mỹ
Dự án GPP Cà Mau	PV Gas	Liên danh nhà thầu Posco Engineering (PEN)-PTSC	Tổng thầu EPC Dự án nhà máy xử lý khí Cà Mau
Dự án nạo vét Cảng biển Trung tâm điện lực Duyên Hải - Trà Vinh	GENCO 1	Liên danh nhà thầu PTSC - Phú Xuân	Thực hiện thi công nạo vét phần luồng và vũng quay tàu từ cao độ -6,5m (CD) xuống cao độ -9,5m (CD) thuộc Gói thầu số 8 - Dự án Cảng biển Trung tâm điện lực Duyên Hải (Trà Vinh)

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2016 là 5.217 tỷ đồng, đạt 106% Kế hoạch năm, tăng 20% so với cùng kỳ năm trước.



DỊCH VỤ CĂN CỨ CẢNG DẦU KHÍ:

Nhu cầu sử dụng các dịch vụ tại cảng Hạ Lưu Vũng Tàu bị giảm sút nghiêm trọng trong năm 2016 đã gây ảnh hưởng đáng kể đến kết quả sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực cảng dầu khí, cụ thể:

- Hoạt động khai thác vẫn được duy trì, chủ yếu tập trung cung cấp cho các khách hàng truyền thống (gồm 11 nhà thầu chính và 7 công ty dịch vụ). Tuy nhiên hoạt động sản xuất của khách hàng suy giảm dẫn đến nhu cầu dịch vụ căn cứ cảng cũng như các dịch vụ hỗ trợ phát sinh khác như cung ứng vật tư thiết bị, dịch vụ đại lý tàu biển, cung ứng khí công nghiệp, xử lý rác thải,... đều bị sụt giảm rất lớn so với cùng kỳ năm trước.
- Các hoạt động khoan phát triển mỏ và thăm dò của các nhà thầu chính đều dừng/giãn tiến độ. Số lượng các nhà thầu triển khai kế hoạch khoan thăm dò trong năm 2016 giảm khoảng 50% so với năm 2015; kế hoạch khoan cũng rất bấp bênh và liên tục trong quá trình xem xét dừng khoan; số lượng giếng khoan ít, thời gian khoan ngắn. Bên cạnh đó, để chia sẻ khó khăn với khách hàng, Tổng công ty đã phải xem xét giảm giá mạnh cho trên 35 khách hàng.

Lĩnh vực dịch vụ căn cứ cảng tổng hợp gồm các căn cứ Cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp Phú Mỹ, Bến số 1 - Cảng Dung Quất, Cảng Hòn La (Quảng Bình), Cảng Đình Vũ (Hải Phòng), Cảng Nghi Sơn (Thanh Hóa)... tiếp tục khai thác ổn định, an toàn. Hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cảng Sơn Trà (Đà Nẵng) tiếp tục bị lỗ do cảng mới đưa vào khai thác, áp lực khấu hao và lãi vay cao, trong khi nguồn hàng chưa nhiều.

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2016 là 1.637 tỷ đồng, đạt 91% Kế hoạch năm, giảm 36% so với cùng kỳ năm trước.

TỶ VNĐ
1.637
Doanh thu năm 2016,
đạt 91% kế hoạch năm





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)



DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN, LẮP ĐẶT, ĐẤU NỐI, VẬN HÀNH, SỬA CHỮA VÀ BẢO DƯỠNG (O&M) CÁC CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ:

Trong năm 2016, Tổng công ty đã triển khai và hoàn thành tốt giai đoạn 1 Dự án Badamayar: cung cấp nhân lực thiết bị vật tư cho khách hàng Hyundai (HHI) tại Myanmar, mang lại nguồn doanh thu quan trọng trong lĩnh vực dịch vụ này trong năm 2016. Bên cạnh đó, Tổng công ty cũng đã tích cực tham gia đấu thầu và thắng một số gói thầu trong năm 2016, tiêu biểu là Dự án cung cấp dịch vụ đấu nối cho giàn FMB cho khách hàng Technip tại Qatar, Dự án HUC STT..., góp phần thực hiện tốt kế hoạch năm 2016 trong lĩnh vực này trong bối cảnh khó khăn vừa qua.

Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt các hợp đồng cung cấp nhân lực dài hạn cho các khách hàng JVPC, KNOOC, Cửu Long JOC, ROSNEFT, PVEP POC... đồng thời cung cấp thêm nhiều lượt nhân sự tham gia dịch vụ ngắn hạn khác. Tổ chức khai thác an toàn các Sà lan nhà ở PTSC Offshore 1 (đạt 252 ngày, tăng 77% so với năm 2015), Sà lan vận chuyển PTSC 01 (đạt 101 ngày, tăng 3% so với năm 2015).

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2016 là 1.818 tỷ đồng, đạt 101% Kế hoạch năm, giảm 58% so với cùng kỳ năm trước.



DỊCH VỤ KHẢO SÁT ĐỊA CHẤN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ KHẢO SÁT SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH NGẦM BẰNG ROV:

Trong bối cảnh giá dầu vẫn duy trì ở mức thấp, các hoạt động khảo sát địa chấn 2D, 3D tiếp tục bị thu hẹp, cắt giảm nghiêm trọng trong năm 2016, phần lớn các dự án khảo sát tại Việt Nam cũng như trong khu vực đều tạm ngưng thực hiện, dẫn đến sức ép cạnh tranh càng khốc liệt giữa các công ty cung cấp dịch vụ. Tổng khối lượng thu nổ địa chấn 2D thực hiện trong năm 2016 là 8.479,6 km tuyến, giảm 42% so với năm 2015. Tổng khối lượng thu nổ địa chấn 3D thực hiện trong năm 2016 là 1.801 km², giảm 56% so với năm 2015. Việc 2 tàu không có việc trong khoảng 60% thời gian trong năm là khó khăn lớn nhất và ảnh hưởng quyết định đến kết quả SXKD của lĩnh vực này năm 2016.

Các hoạt động khảo sát địa chất, địa vật lý, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV cũng bị sụt giảm đáng kể cả về khối lượng công việc lẫn đơn giá dịch vụ trong năm 2016. Ngoài ra, sức ép cạnh tranh từ các công ty khảo sát trong khu vực cũng như từ các đơn vị khác trong ngành, trong nước đã gây rất nhiều khó khăn trong hoạt động cung cấp dịch vụ của Tổng công ty. Tổng số ngày làm việc ROV trong năm 2016 là 299 ngày, giảm 60% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2016 là 1.648 tỷ đồng, đạt 66% Kế hoạch năm, giảm 32% so với cùng kỳ năm trước.



DỊCH VỤ KHÁC:

Các dịch vụ khác như dịch vụ kinh doanh khách sạn, dịch vụ bảo vệ... vẫn tiếp tục được duy trì ổn định:

- Duy trì khai thác ổn định khách sạn Đà Nẵng Petro, khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, đáp ứng các nhu cầu dịch vụ khách sạn, tổ chức hội thảo, hội nghị... của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các đơn vị trong và ngoài ngành, các công ty lữ hành cũng như khách du lịch tại địa phương. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh năm 2016 có phần giảm sút so với năm 2015 do chịu ảnh hưởng chủ trương tiết giảm chi phí của các công ty nhà thầu dầu khí dẫn đến nhu cầu dịch vụ khách nghỉ ngơi cao lưu trú tại khách sạn cũng như việc tổ chức các sự kiện, hội nghị, hội thảo giảm sút đáng kể.

- Tổ chức triển khai hiệu quả, an toàn các Hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo vệ đã ký kết, đảm bảo an ninh an toàn cao nhất tại các mục tiêu bảo vệ, đặc biệt là các mục tiêu trọng điểm.

- Doanh thu từ loại hình dịch vụ này năm 2016 là 613 tỷ đồng, đạt 102% Kế hoạch năm, giảm 54% so với cùng kỳ năm trước.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công tác đầu tư phương tiện thiết bị và đầu tư xây dựng cơ bản

Do ảnh hưởng của việc sụt giảm giá dầu thô nên công tác đầu tư của Tổng công ty chủ yếu là thực hiện các dự án chuyển tiếp từ năm trước và triển khai nghiên cứu, cập nhật, đánh giá tình hình thị trường đối với các dự án đầu tư trong kế hoạch năm 2016 được phê duyệt. Một số công tác đầu tư chủ yếu thực hiện trong năm 2016 như sau:

- Triển khai các thủ tục đầu tư căn cứ cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp Phú Quốc. Hiện Tổng công ty đã hoàn thành Báo cáo Nghiên cứu khả thi Dự án và đang khẩn trương xúc tiến triển khai các thủ tục đầu tư tiếp theo.
- Triển khai các thủ tục chào giá, đàm phán, ký kết Hợp đồng kinh doanh đội tàu phục vụ gần bờ Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, đồng thời xúc tiến các thủ tục đầu tư đóng mới 08 tàu dịch vụ để kịp thời đáp ứng các yêu cầu về đầu tư tàu theo Hợp đồng đã ký kết.
- Thực hiện giải ngân đầu tư mua sắm một số phương tiện, trang thiết bị nhỏ lẻ khác phục vụ sản xuất kinh doanh.

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2016 của Công ty mẹ Tổng công ty đạt 35,6 tỷ đồng Việt Nam, đạt 3,8% kế hoạch năm. Nguyên nhân chính không hoàn thành Kế hoạch đầu tư như sau:

- Tiếp tục giãn kế hoạch đầu tư tàu dịch vụ đa năng 10.000 BHP (giá trị Kế hoạch năm 2016 là 22,5 triệu USD) do bối cảnh thị trường không thuận lợi.
- Chưa thực hiện hầu hết giá trị kế hoạch giải ngân dự án đầu tư Cảng Phú Quốc trong năm 2016 (300 tỷ VND) do cập nhật lại tiến độ triển khai dự án.



Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Để đáp ứng yêu cầu công tác quản lý và mở rộng sản xuất kinh doanh, đảm bảo tinh gọn, không trùng lặp chức năng, nhiệm vụ và có sự kết nối giữa các Bộ phận, việc kiện toàn cơ cấu tổ chức, hệ thống quản lý, cải tiến chế độ chính sách luôn được Tổng công ty quan tâm và thường xuyên cải tiến. Trong năm 2016, Tổng công ty đã:



Kiện toàn lại cơ cấu tổ chức Tổng công ty:

- Đổi tên Ban Luật thành Ban Công nghiệp, mục đích của việc kiện toàn nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, nâng cao chất lượng nguồn lực, hoàn thiện chức năng nhiệm vụ các Ban chức năng và yêu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty (ban hành tại Nghị quyết số 248/NQ-DVKT-HĐQT ngày 15/4/2016);
- Thành lập mới Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan có trụ sở tại Malaysia với mục đích cung cấp tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác dầu khí, tìm kiếm và mở rộng hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí (thành lập theo Nghị quyết số 498/NQ-DVKT-HĐQT ngày 24/8/2016).

Cải tiến các quy định nội bộ:

- Sửa đổi Điều lệ và các Quy chế quản lý nội bộ theo hướng phân cấp và xác định rõ thẩm quyền, nhiệm vụ của các Bộ phận trong Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy;
- Xây dựng và áp dụng Hệ thống Quy chế Khoa học Công nghệ, Sáng kiến Sáng chế, Cải tiến để phát huy tối đa tiềm năng, trí tuệ của Người lao động trong việc đưa ra những sáng kiến cải tiến kỹ thuật;
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản trị doanh

nh nghiệp theo hướng xây dựng các phần mềm như Thu viên điện tử, quản lý thông tin công việc, nhân sự, hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP), quản trị quan hệ khách hàng (CRM), quản trị dây chuyền cung cấp (SCM)...;

- Triển khai thực hiện Đề án Năng lực cạnh tranh trong công tác đấu thầu và thực hiện dự án, quyết liệt triển khai chương trình cải tiến trong toàn Tổng công ty.

• Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển (R&D); nghiên cứu triển khai Đề án Phát triển sản xuất nhằm nâng cao năng lực chế tạo sản xuất các sản phẩm mới, dịch vụ mới, phục vụ cho việc phát triển kinh doanh, mở rộng thị trường ra ngoài nước, ngoài ngành.

Sửa đổi, bổ sung Quy chế tiền lương của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam:

Việc sửa đổi bổ sung với mục đích đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc cơ bản liên quan đến tiền lương, thể hiện sự công bằng, đảm bảo tính cạnh tranh, cân bằng tài chính và cũng là đòn bẩy nâng cao năng suất lao động, đồng thời tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành: Bộ Luật lao động, Luật BHXH... có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2016. (ban hành theo Quyết định số 310/QĐ-DVKT-HĐQT ngày 17/5/2016).

ĐỐI MẶT VỚI NHỮNG KHÓ KHĂN VỀ SỰ SUY GIẢM GIÁ DẦU KÉO DÀI DẪN ĐẾN HÀNG LOẠT GIẢM SÚT CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU KHÍ, TỔNG CÔNG TY ĐÃ TẬP TRUNG CÁC GIẢI PHÁP KIẾN TOÀN CƠ CẤU TỔ CHỨC, CẢI TIẾN CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH ĐỒNG THỜI ĐẢM BẢO TÁI CƠ CẤU QUẢN LÝ THEO HƯỚNG TINH GỌN.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂM 2017

Chỉ tiêu kế hoạch năm 2017

Các chỉ tiêu kế hoạch hợp nhất toàn Tổng công ty năm 2017

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2017
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ VNĐ	13.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	700
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	560
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Tỷ VNĐ	470

Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu Công ty mẹ năm 2017

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2017
1	Tổng doanh thu	Tỷ VNĐ	7.900
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	420
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ VNĐ	410
4	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	Tỷ VNĐ	200
5	Tỷ lệ chia cổ tức (%)	%	7
6	Thực hiện đầu tư XD/CB & mua sắm PTTB	Tỷ VNĐ	1.126

Phương án Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở dự báo giá dầu bình quân năm 2017 là 50 USD/thùng

Nhiệm vụ trọng tâm

- 1 Tập trung các nguồn lực đẩy mạnh và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí chuyên ngành chất lượng cao, uy tín đáp ứng yêu cầu các nhà thầu dầu khí, tích cực đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, tham gia đấu thầu và tìm kiếm ký kết các hợp đồng nhằm bảo đảm việc làm cho người lao động. Cũng cố thị trường trong nước, mở rộng thị trường nước ngoài, xây dựng giải pháp kết nối hệ thống chuyên nghiệp, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, thiết lập mối quan hệ hợp tác liên danh liên kết phù hợp với thế mạnh của Tổng công ty.
- 2 Quản lý chặt chẽ công tác đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt, đầu tư có trọng điểm tập trung vào 6 lĩnh vực chính phù hợp với nhu cầu thị trường, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh; đặc biệt là các dự án đầu tư tàu dịch vụ, kho nổi FSO Cá Rồng Đỏ và cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp Phú Quốc.
- 3 Tiếp tục thực hiện phương án tái cơ cấu tổng thể PTSC giai đoạn 2016 - 2020, đảm bảo đúng tiến độ phù hợp với lộ trình tái cấu trúc chung của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 4 Phân bổ nguồn kinh phí phù hợp đào tạo nguồn nhân lực có trình độ quốc tế đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao theo mục tiêu định hướng chiến lược phát triển của Tổng công ty.
- 5 Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên. Đẩy mạnh công tác kiểm soát nội bộ, triệt để tiết kiệm trong quản lý, giảm chi phí, giảm giá thành, nâng cao sức cạnh tranh. Hỗ trợ kịp thời các Đơn vị gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 6 Duy trì và phát triển việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, an toàn sức khỏe và môi trường trong toàn Tổng công ty. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến phát huy sáng kiến trong sản xuất và cập nhật, bổ sung phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhiệm vụ cụ thể cho từng lĩnh vực dịch vụ

DỊCH VỤ	CHỨC NĂNG
Tàu chuyên ngành dầu khí	Quản lý và khai thác an toàn, hiệu quả đội tàu dịch vụ chuyên dụng của Tổng công ty và đội tàu thuê ngoài, cung cấp đáp ứng tối đa nhu cầu tàu dịch vụ, tàu bảo vệ cho thị trường trong nước.
Cơ khí dầu khí và công trình công nghiệp	Triển khai hiệu quả, an toàn, chất lượng và đúng tiến độ các dự án: dự án Sư Tử Trắng FFD Phase 1, Dự án Daman - Phase 2, Dự án chế tạo giàn DK cho Bộ Quốc phòng, Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1, các gói thầu Dự án Nghi Sơn, Dự án NPK, NH3, GPP Cà Mau, Dự án nạo vét Cảng biển Trung tâm điện lực Duyên Hải - Trà Vinh... khẳng định uy tín và năng lực cung cấp dịch vụ cơ khí dầu khí và công trình công nghiệp.
Kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô FSO/FPSO	Tiếp tục quản lý và khai thác an toàn hiệu quả các kho nổi FSO Biển Đông, FPSO Lam Sơn, FPSO Ruby II, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Thực hiện tốt việc cung cấp nhân sự vận hành tàu cho các tàu FSO Orkid, Thái Bình VN, MV12.
Căn cứ cảng	Tiếp tục duy trì quản lý và tổ chức khai thác tốt nguồn lực cơ sở hạ tầng và các phương tiện thiết bị hiện có tại Cảng Hạ lưu Vũng Tàu, đảm bảo đáp ứng tối đa nhu cầu về dịch vụ kho, bãi, văn phòng, nhà xưởng, cầu bến, phương tiện thiết bị,... cho các công ty/nhà thầu dầu khí; đồng thời đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, nỗ lực tìm kiếm mọi cơ hội để phát triển và mở rộng thị trường cung cấp các dịch vụ mới như logistics, forwarding,... phục vụ cho các đơn vị cả trong và ngoài ngành nhằm bù đắp cho nhu cầu dịch vụ dầu khí bị sụt giảm. Tiếp tục tổ chức khai thác an toàn, hiệu quả các căn cứ cảng dịch vụ tổng hợp: Cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp Phú Mỹ, Bến số 1 - Cảng Dung Quất, Cảng Hòn La (Quảng Bình), Cảng Đình Vũ (Hải Phòng), Cảng Nghi Sơn (Thanh Hóa), Cảng Sơn Trà (Đà Nẵng)...
Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí	Tổ chức triển khai an toàn, chất lượng, đúng tiến độ và hiệu quả các dự án vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí biển, đáp ứng yêu cầu các nhà thầu dầu khí. Khai thác an toàn và hiệu quả Sà lan nhà ở PTSC Offshore 1 và Sà lan vận chuyển 5000 tấn PTSC-01.
Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Tổ chức quản lý, khai thác an toàn các tàu khảo sát địa chấn 2D Bình Minh 02, tàu khảo sát địa chấn 3D Amadeus, tàu khảo sát địa vật lý PTSC Surveyor, PTSC Researcher. Phấn đấu giữ vững thị trường dịch vụ ROV hỗ trợ khoan và khảo sát In-water trong nước; đẩy mạnh thâm nhập mảng thị trường ROV; hỗ trợ xây lắp trong nước và phát triển đưa dịch vụ ROV ra thị trường nước ngoài.
Các dịch vụ khác	Tiếp tục duy trì ổn định các dịch vụ khác như dịch vụ khách sạn, dịch vụ bảo vệ... nhằm đáp ứng đầy đủ nhu cầu của khách hàng và đảm bảo mức tăng trưởng theo chiến lược chung của Tổng công ty, Tập đoàn.

Các giải pháp thực hiện kế hoạch

“NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ, ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN KINH DOANH, XÂY DỰNG NGUỒN NHÂN LỰC TRÌNH ĐỘ CAO VÀ TỐI ƯU HÓA CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH LÀ CÁC GIẢI PHÁP CỐT LÕI TRONG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY NĂM 2017.”



HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN LÝ, NÂNG CAO CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Thực hiện quyết liệt công tác tái cấu trúc doanh nghiệp, cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý theo hướng tinh gọn nhân sự, nâng cao hiệu quả, kỷ luật nghiêm minh, môi trường minh bạch, gắn kết trực tiếp đãi ngộ với đóng góp.
- Triệt để áp dụng nguyên tắc so sánh giữa doanh nghiệp vốn nhà nước chi phối như Tổng công ty PTSC và doanh nghiệp tư nhân, tư bản tư nhân. Phân tích, đánh giá các yếu tố đầu vào và đầu ra, những khác biệt về cơ chế, cách thức quản trị doanh nghiệp, có giải pháp nâng cao năng lực và tăng sức cạnh tranh của Tổng công ty bằng hoặc hơn các doanh nghiệp tư bản tư nhân khác.
- Áp dụng Đề án Năng lực cạnh tranh, Đề án Phát triển sản xuất vào trong quản lý, thực hiện dự án trong

đó mấu chốt là cơ chế giao quyền, trách nhiệm cho Giám đốc dự án song song với tăng cường kiểm soát, nguồn lực phục vụ thực hiện dự án linh hoạt, cơ chế khoán trong lao động, gắn kết trực tiếp thu nhập và đãi ngộ Người lao động với đóng góp thực tế và hiệu quả lao động. Tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ cùng với giá cả cạnh tranh hơn trong bối cảnh quốc tế hội nhập ngày càng sâu rộng, cạnh tranh trong và ngoài nước ngày càng khó khăn.

- Xem xét đổi mới và ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản trị doanh nghiệp theo hướng xây dựng các phần mềm như thư viện điện tử, quản lý thông tin công việc, nhân sự, hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP), quản trị quan hệ khách hàng (CRP), quản trị dây chuyền cung cấp (SCM)...



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN KINH DOANH KHU VỰC DẦU KHÍ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP, GIỮ VỮNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC VÀ PHÁT TRIỂN RA NƯỚC NGOÀI; ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MỚI

- Xây dựng và kiện toàn hệ thống nhân sự làm công tác phát triển kinh doanh của Tổng công ty, đảm bảo nhân sự phù hợp, có năng lực, kinh nghiệm; triển khai xây dựng cách thức hoạt động, hệ thống, kết nối chặt chẽ với các nguồn cung cấp thông tin, đảm bảo các thông tin liên quan được thu thập, liên tục được cập nhật, xử lý phù hợp, hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển (R&D); hoàn thiện và áp dụng hiệu quả Đề án Phát triển sản xuất trong công tác sản xuất kinh doanh dịch vụ với mục tiêu tối ưu hóa nguồn lực sản xuất trong Tổng công ty và các Đơn vị; đẩy mạnh tìm kiếm, hợp tác với các đối tác/ nhà thầu trong và ngoài nước có năng lực phù hợp để cùng triển khai chế tạo sản xuất các sản phẩm (manufacturing) mới, dịch vụ mới bền vững hơn với chi phí cạnh tranh và thị trường trong và ngoài nước, không phụ thuộc vào chính sách bảo hộ sản phẩm, dịch vụ.

- Tăng cường các giải pháp hợp tác, đa dạng hóa các loại hình sản phẩm, dịch vụ, kể cả các dịch vụ phụ trợ cho các nhà sản xuất lớn, hiện đại, có thương hiệu từ Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc... (đại lý, bán hàng, chế tạo thủ, hoàn thiện, bảo trì, sửa chữa, dịch vụ hậu mãi...)

- Tập trung phát triển năng lực, tận dụng các thế mạnh của Tổng công ty PTSC như thương hiệu, nguồn lực, hệ thống quản lý, kinh nghiệm, lợi thế là thành viên trong Tập đoàn... để đảm nhận những công việc phức tạp, tinh, có giá trị chất xám cao, có tính hệ thống mà đối tác chưa đủ khả năng thực hiện. Đẩy mạnh phát triển năng lực thiết kế kỹ thuật để nâng cao giá trị chất xám trong các sản phẩm, dịch vụ của Tổng công ty.



RÀ SOÁT, ÁP DỤNG QUYẾT LIỆT TẤT CẢ GIẢI PHÁP KHẢ THI, PHÙ HỢP, CẮT GIẢM TỐI ĐA GIÁ THÀNH DỊCH VỤ, HÀNG HÓA, SẢN PHẨM CUNG CẤP BỞI TỔNG CÔNG TY, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG

- Rà soát, làm việc với các đối tác, nhà thầu phụ, cắt giảm tối đa tất cả các chi phí cấu thành giá chưa cạnh tranh so với thị trường.

- Quán triệt việc sử dụng dịch vụ nội bộ giữa các Đơn vị trong Tổng công ty với mức giá cạnh tranh so với thị trường, phù hợp. Trong trường hợp không thể áp dụng, phải có giải trình, giải thích hợp lý và được sự phê duyệt của Tổng công ty.

- Rà soát, cơ cấu lại thời gian khấu hao tài sản trong giá dịch vụ, để giảm chi phí khấu hao, tuân thủ Quy định hiện hành, giảm giá thành dịch vụ.

- Rà soát danh mục tất cả chi phí của Tổng công ty, lập danh mục, kế hoạch cải tiến, mức độ cắt giảm với thời hạn và người phụ trách cụ thể, chi tiết.

- Rà soát chi phí có tính chất lương, định biên, cơ cấu tổ chức, đánh giá chất lượng nhân sự đảm bảo chi phí tính chất lương cạnh tranh theo mức thị trường, tuân thủ Quy định hiện hành, cơ cấu tổ chức phù hợp, tinh gọn, hiệu quả.

- Liên tục cập nhật công nghệ, rà soát các hệ thống định mức, điều chỉnh sát thực tế với cơ chế khoán và cách thức thực hiện dự án theo Đề án Năng lực cạnh tranh theo hướng tăng năng suất cao nhất, tự động hóa.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CÓ TRÌNH ĐỘ KỸ THUẬT CAO; ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU, ỨNG DỤNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, SÁNG KIẾN, CẢI TIẾN, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ VÀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG.



- Tiêu chuẩn hóa hoạt động quản lý và phát triển nguồn nhân lực theo hướng đạt chuẩn quốc tế, đáp ứng được các tiêu chuẩn khi làm việc với nhà thầu nước ngoài và có thể cạnh tranh với lao động khu vực.

- Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao là người Việt Nam như: quản lý cấp cao, chuyên gia về O&M, chuyên gia về thiết kế, Thuyền trưởng, Máy trưởng...; tăng mức độ đãi ngộ hợp lý, minh bạch theo hướng chấp nhận sự khác biệt, khuyến khích tăng năng suất, hiệu quả.

- Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, người lao động của Tổng công ty, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế và các kỹ năng làm việc quốc tế đáp ứng với yêu cầu phát triển

của Tổng công ty. Xây dựng chính sách đào tạo, đào tạo lại và đào tạo nội bộ phù hợp trong suốt quá trình sử dụng lao động, tăng cường các khóa đào tạo chuyên sâu (thiết kế, kỹ thuật...), duy trì chế độ bồi dưỡng cho giảng viên nội bộ để khuyến khích, động viên, tạo môi trường văn hóa học tập trong Tổng công ty.

- Áp dụng Quy chế Khoa học Công nghệ, Sáng kiến, Sáng chế, Cải tiến trong toàn Tổng công ty nhằm tạo cơ chế, hành lang khuyến khích đẩy mạnh các công tác liên quan, tưởng thưởng xứng đáng cho Người lao động. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, sáng kiến, sáng chế, cải tiến, công nghệ thông tin vào hoạt động sản xuất kinh doanh để nâng cao năng suất lao động.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

RÀ SOÁT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ, ƯU TIÊN TẬP TRUNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỌNG ĐIỂM THUỘC LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH; BẮM SÁT DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG ĐỂ KỊP THỜI NẮM BẮT CƠ HỘI ĐẦU TƯ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH DOANH DỊCH VỤ

- Tiếp tục rà soát, cập nhật hoàn chỉnh quy định, quy chế quản lý, phân cấp đầu tư trong nội bộ Tổng công ty, đảm bảo sát thực, tạo hành lang pháp lý chặt chẽ, hỗ trợ tối đa cho công tác đầu tư tại Tổng công ty.
- Tăng cường thực hiện công tác giám sát và đánh giá đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được kiểm tra chặt chẽ theo các quy định hiện hành, đánh giá tính hiệu quả và khả thi trước khi thực hiện.
- Thực hiện phân loại và sắp xếp trật tự ưu tiên các dự án đầu tư, đảm bảo sử dụng hiệu quả vốn, đầu tư theo trọng điểm, tập trung vào các lĩnh vực chính của Tổng công ty, tuyệt đối không đầu tư các dự án tiềm ẩn rủi ro cao hoặc có hiệu quả kinh tế thấp hoặc chưa có phương án thu xếp vốn khả thi.
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả khai thác, sử dụng các tài sản đã được đầu tư để tổng kết, rút kinh nghiệm cho các hoạt động đầu tư mới cũng như kịp thời phát hiện, khắc phục các tồn tại nhằm phát huy tối đa hiệu quả đầu tư.

HOÀN THIỆN CƠ CHẾ TÀI CHÍNH, QUẢN LÝ VỐN HIỆU QUẢ VÀ LINH HOẠT

- Đa dạng hóa công tác huy động vốn, sử dụng các công cụ quản trị rủi ro trong huy động và quản lý nguồn vốn huy động, đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Quản lý sử dụng dòng tiền hiệu quả thông qua duy trì quản lý và sử dụng tốt hệ thống tài khoản trung tâm. Tăng cường công tác quản lý giá thành các sản phẩm dịch vụ, công tác kế toán quản trị, quản lý công nợ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh dịch vụ. Duy trì hệ số nợ một cách thích hợp để đảm bảo tính tự chủ, an toàn về tài chính.
- Tổ chức quản lý chặt chẽ vốn góp đầu tư tại các Công ty con, Đơn vị và các liên doanh. Tăng cường giám sát đối với người đại diện vốn của Tổng công ty tại các Đơn vị thành viên. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ để đảm bảo việc chấp hành các chính sách chế độ tài chính kế toán tại các Đơn vị.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016



Năm 2016 Tổng công ty tiếp tục phải đối mặt với những ảnh hưởng tiêu cực của giá dầu đã làm kết quả SXKD sụt giảm mạnh, gây khó khăn cho công tác quản lý điều hành theo các mục tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao nhưng đồng thời vẫn đảm bảo việc làm, thu nhập cho Người lao động, duy trì ổn định tình hình SXKD, tiếp tục trụ vững để tìm cơ hội vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay. Một số kết quả chung của Tổng công ty năm 2016 thể hiện ở các mặt sau:

- Đạt kế hoạch Lợi nhuận trước thuế hợp nhất và Công ty mẹ, đảm bảo mức cổ tức được ĐHĐCĐ giao. Một số chỉ tiêu doanh thu, đầu tư tuy không hoàn thành nhưng kết quả đạt được là đáng ghi nhận do mức độ ảnh hưởng quá lớn của sự sụt giảm giá dầu thô.
- Tình hình tài chính của Tổng công ty tiếp tục được duy trì ổn định, lành mạnh.
- Hoạt động SXKD diễn ra an toàn, hiệu quả và tuân thủ quy định pháp luật. Trong điều kiện khó khăn về thị trường dịch vụ truyền thống, Tổng công ty đã sử dụng hợp lý và kết hợp tối đa các nguồn lực sẵn có, thực hiện thành công một số dự án công nghiệp trên bờ, khẳng định bước đi đúng đắn của Tổng công ty trong chiến lược phát triển kinh doanh sang lĩnh vực công nghiệp phục vụ khách hàng ngoài ngành Dầu khí. Đồng thời, Tổng công ty vẫn giữ vững uy tín là đơn vị cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí hàng đầu tại Việt Nam và trong khu vực.
- Công tác nghiên cứu sáng kiến, cải tiến được triển khai mạnh mẽ và rộng khắp trên mọi mặt hoạt động, góp phần nâng cấp hệ thống quản lý, tiết giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty.
- Cơ cấu tổ chức và năng lực của bộ máy được hoàn thiện, nâng cấp ngày càng phù hợp với yêu cầu của mô hình Công ty mẹ trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh và làm trung tâm điều phối chuỗi dịch vụ của toàn Tổng công ty.
- Thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống Người lao động, các chương trình an sinh xã hội vì cộng đồng.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG

CỦA TỔNG CÔNG TY (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HIỆN NAY, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÓ 07 THÀNH VIÊN, TRONG ĐÓ TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ 01 PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH TÀI CHÍNH LÀ THÀNH VIÊN HĐQT. CÁC THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÓ ĐẦY ĐỦ TRÌNH ĐỘ, NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM VỀ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH, TÀI CHÍNH, KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, TỔ CHỨC NHÂN SỰ, HÀNH CHÍNH.

Năm 2016, HĐQT đánh giá cao sự cố gắng, năng lực và tinh thần trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đã quyết liệt đối diện với các khó khăn thách thức của ngành Dầu khí nói riêng và cả nền kinh tế - chính trị nói chung để thực thi các chức trách, nhiệm vụ được giao, từ đó đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh khả quan trong một năm không thuận lợi, thể hiện ở các mặt sau:

1

Bám sát và chỉ đạo triển khai nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định của ĐHQĐ, HĐQT phù hợp với tình hình thực tế. Triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được HĐQT phê duyệt.

2

Quản lý, điều hành mọi mặt hoạt động theo đúng thẩm quyền, có sự phân công, phân cấp rõ ràng giữa các cấp quản lý.

3

Sử dụng hiệu quả và cân đối hợp lý nguồn lực hiện có, quyết liệt cắt giảm chi phí, nâng cao chất lượng, giảm giá thành dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu và chia sẻ các khó khăn với khách hàng, đảm bảo các lợi ích lâu dài của Tổng công ty.

4

Chất lượng các sản phẩm dịch vụ đạt tiêu chuẩn ở mức cao nên duy trì được vị thế, thị phần trong kinh doanh và hiệu suất sử dụng tài sản.

5

Liên tục đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin.

10

Các thành quả đạt được của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2016, đã tạo bước đi vững chắc trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm 2016-2020. Từ đây, tạo tiền đề cho quá trình thực hiện thành công chiến lược phát triển của Tổng công ty đến 2025 và định hướng đến năm 2035.

Duy trì mặt bằng tiền lương và chính sách đãi ngộ hợp lý, có chính sách khen thưởng minh bạch, nâng cao tính kỷ luật, chuyên nghiệp của Người lao động.

9

Đẩy mạnh công tác đào tạo, tự đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn lao động, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của môi trường xã hội cũng như của khách hàng.

8

Chủ động thực hiện việc đẩy mạnh công tác mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm dịch vụ mới.

7

Triển khai tốt và đúng tiến độ các công việc thuộc Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty đã đề ra, khẳng định vai trò chủ đạo, trực tiếp thực hiện SXKD của Công ty mẹ đối với toàn tổ hợp.

6

Công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính minh bạch, tuân thủ pháp luật, đảm bảo an toàn và phát huy nguồn vốn, nguồn quỹ; quyết liệt xử lý nợ xấu, nợ phải thu khó đòi.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động năm 2016 và Kế hoạch năm 2017 của Hội đồng quản trị

Hoạt động năm 2016 và Kế hoạch năm 2017 của Ban Kiểm soát

Quản trị rủi ro

Thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị,
Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc năm 2016



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

CƠ CẤU NHÂN SỰ HĐQT CỦA TỔNG CÔNG TY
VÀ THÔNG TIN CÁC CHỨC DANH THÀNH VIÊN HĐQT ĐANG
NẮM GIỮ CHỨC VỤ TẠI CÁC CÔNG TY KHÁC HIỆN TẠI NHƯ SAU:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	GHI CHÚ
1	Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch HĐQT	-
2	Phan Thanh Tùng	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc	-
3	Nguyễn Văn Dân	Thành viên HĐQT	Thời giữ chức từ ngày 08/11/2016
4	Đoàn Minh Mẫn	Thành viên HĐQT	Chức vụ tại Công ty khác: Thành viên HĐQT tại Ngân hàng PVcomBank
5	Nguyễn Thanh Hương	Thành viên HĐQT	-
6	Phạm Văn Dũng	Thành viên HĐQT	-
7	Nguyễn Văn Mậu	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	Chức vụ tại Công ty khác: Chủ tịch HĐQT tại Công ty PTSC Phú Mỹ
8	Đỗ Quốc Hoan	Thành viên HĐQT	-



CƠ CẤU BAN CHUYÊN MÔN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trong năm 2016, với vai trò là Ban chuyên môn giúp việc cho HĐQT hoàn thành trách nhiệm đối với Tổng công ty, cổ đông, đảm bảo các hoạt động quản trị của HĐQT theo đúng định hướng chiến lược của Tổng công ty và nâng cao chất lượng quản lý doanh nghiệp, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông và các bên liên quan, Ban Thư ký (bao gồm Phòng Thư ký tổng hợp và Phòng Kiểm soát nội bộ với 5 thành viên có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác thư ký) đã thực hiện các công việc như sau:

- Cập nhật, nghiên cứu các quy định mới của Pháp luật, thông lệ quản trị doanh nghiệp.
- Hỗ trợ tổ chức các cuộc họp HĐQT, thực hiện công tác lấy ý kiến các Thành viên HĐQT bằng văn bản, tư vấn triển khai các thủ tục quyết định.
- Hỗ trợ HĐQT trong công tác tiếp xúc với cổ đông, các quỹ, nhà đầu tư quan tâm đến cổ phiếu của Tổng công ty.
- Hỗ trợ HĐQT trong công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành Tổng công ty và Người đại diện tại các Đơn vị của Tổng công ty.
- Hỗ trợ HĐQT xây dựng dự thảo các văn bản quản trị và các báo cáo theo quy định.
- Hỗ trợ các cổ đông trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định.
- Theo dõi, cập nhật thông tin trên thị trường chứng khoán về cổ phiếu của Tổng công ty.
- Quản lý chung, cung cấp kịp thời, bảo mật các thông tin và thực hiện các nhiệm vụ khác do HĐQT yêu cầu.



HOẠT ĐỘNG NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2016



NGOÀI VIỆC THỰC HIỆN NHỮNG NHIỆM VỤ ĐƯỢC ĐHĐCĐ GIAO, TRONG NĂM 2016, HĐQT ĐÃ TRIỂN KHAI VÀ HOÀN THÀNH CÁC NỘI DUNG CÔNG VIỆC ĐỀ RA TRONG CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM:



CHỈ ĐẠO HOẠCH ĐỊNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TỔNG CÔNG TY

HĐQT chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiếp tục thực hiện các mục tiêu theo Kế hoạch 5 năm 2016 - 2020 và Chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến năm 2035 của Tổng công ty đã đề ra.

HĐQT đã ban hành Nghị quyết thành lập Công ty PTSC Labuan tại Malaysia nhằm duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh lâu dài của Tổng công ty tại thị trường nước ngoài và chỉ đạo đẩy mạnh công tác phát triển các sản phẩm/dịch vụ cung cấp cho các ngành công nghiệp trên bờ.



CHỈ ĐẠO CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc rà soát, hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư xây dựng Căn cứ cảng Dịch vụ Dầu khí tổng hợp Phú Quốc - Giai đoạn I và Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án đầu tư và kinh doanh đội tàu phục vụ gần bờ Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn đảm bảo tính khả thi của 2 dự án đạt được ở mức cao nhất.

HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc ưu tiên nguồn lực để chuẩn bị các công việc liên quan đến dự án cung cấp Kho nổi xử lý, chứa và xuất dầu thô (FPSO) phục vụ mỏ Cá Rồng Đỏ - là dự án trọng điểm trong năm 2017 của Tổng công ty.

Căn cứ kế hoạch đầu tư 2016 đã được phê duyệt, HĐQT liên tục giám sát chặt chẽ hoạt động đầu tư các dự án tại Công ty mẹ và các Đơn vị.



CHỈ ĐẠO HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN QUẢN TRỊ

Trên tinh thần xác định việc xây dựng, ban hành văn bản quản trị nội bộ là phương tiện rất quan trọng trong hoạt động quản lý, điều hành, hệ thống văn bản quản lý nội bộ phản ánh cơ chế vận hành của Tổng công ty, để quy định rõ chế độ trách nhiệm, phương thức phối hợp, cách thức ra quyết định, các nguyên tắc sử dụng nguồn lực, HĐQT đã chỉ đạo triển khai các công tác hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý như sau:

- Sau khi ĐHĐCĐ 2016 thông qua dự thảo Điều lệ mới của Tổng công ty, HĐQT đã chỉ đạo bộ phận giúp việc hoàn chỉnh và ban hành Điều lệ Tổng công ty, đồng thời tiến hành rà soát lại nội dung các quy định liên quan đến việc phân cấp thẩm quyền để đảm bảo phù hợp với Điều lệ mới.
- HĐQT đã ban hành Hệ thống quy chế Khoa học Công nghệ, Sáng kiến Sáng chế và Cải tiến nhằm đảm bảo các hoạt động nghiên cứu, triển khai, áp dụng khoa học công nghệ, sáng kiến sáng chế và cải tiến của Tổng công ty tuân thủ đúng các quy định hiện hành và phát huy cao nhất việc sử dụng các nguồn lực của Tổng công ty.
- Để nâng cao công tác quản lý, đánh giá Người đại diện của Tổng công ty tại các Đơn vị, HĐQT đã ban hành Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành chức trách, nhiệm vụ của Người đại diện. Bên cạnh đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho Người đại diện thực thi chức trách, nhiệm vụ trong việc đảm bảo hiệu quả quản lý, bảo toàn vốn và phát triển vốn của Tổng công ty, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Đơn vị, HĐQT đã ban hành Nghị quyết phê duyệt ký Văn bản ủy quyền giữa HĐQT Tổng công ty và Người đại diện tại các Đơn vị.
- HĐQT đã phối hợp với Ban Thường vụ Đảng ủy và Tổng Giám đốc hoàn thiện và ban hành Quy chế quan hệ công tác giữa Ban Thường vụ Đảng ủy - Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Tổng công ty.



Tiếp tục chỉ đạo thực hiện hiệu quả phương án tái cấu trúc Tổng công ty

HĐQT chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty giai đoạn 2016-2020 đảm bảo đạt được các mục tiêu chính:

- Tổng công ty trở thành đơn vị có hiệu quả sản xuất kinh doanh cao, tối ưu hóa nguồn lực sẵn có, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh chính.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh, từng bước tiếp thu, nhận chuyển giao công nghệ, tiến đến làm chủ công nghệ chiếm lĩnh thị trường trong nước và mở rộng phát triển ra nước ngoài. Phát triển bền vững, đủ tiềm lực vượt qua khó khăn thách thức trong bối cảnh hội nhập quốc tế, thích ứng được với biến động của thị trường.
- Cơ cấu lại tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con theo hướng củng cố, nâng cao sức mạnh Công ty mẹ. Công ty mẹ phải tham gia trực tiếp và nắm cổ phần chi phối tại các Đơn vị tham gia các lĩnh vực kinh doanh chính đã được xác định trong chiến lược. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tài sản.



HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017 CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

CÔNG TÁC QUẢN LÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA PTSC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC



HDQT đã chỉ đạo bộ phận giúp việc định kỳ cập nhật cơ sở dữ liệu về đội ngũ cán bộ đang được cử làm Người đại diện của Tổng công ty tại Đơn vị; thực hiện bổ nhiệm lại cán bộ thuộc quyền quản lý của HDQT theo quy định, kịp thời thay đổi, bổ sung Người đại diện để phù hợp với yêu cầu quản lý của Tổng công ty tại các Đơn vị.

HDQT đã chỉ đạo rà soát, bổ sung các văn bản quản lý có liên quan để phù hợp với các quy định hiện hành nhằm mục đích nâng cao trách nhiệm của Người đại diện đối với việc bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty đã đầu tư, tại các đơn vị hoặc ủy quyền/giao cho Người đại diện quản lý cũng như thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Tổng công ty.

CÔNG TÁC THƯỜNG XUYÊN



Ngoài các hoạt động trong kế hoạch năm, HDQT đã thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên thuộc thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động của Tổng công ty, cụ thể:

- Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên của Tổng công ty và ĐHCĐ thường niên các Đơn vị.
- Giám sát và chỉ đạo tháo gỡ khó khăn tại các Đơn vị, dự án lớn.
- Thực hiện công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư.
- Ban hành các nghị quyết liên quan đến công tác quản lý hoạt động bình thường của Tổng công ty: Phê duyệt Quỹ tiền lương năm 2015 của Công ty mẹ và các Đơn vị thành viên; Phê duyệt Kế hoạch đào tạo năm 2016; Phê duyệt xử lý công nợ tồn đọng của Tổng công ty; Phê duyệt và ban hành các định mức kỹ thuật cho các tàu, các trang thiết bị, Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2015 cho các Đơn vị thành viên

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT

Việc quản lý Tổng công ty tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ hiện hành, thông tin minh bạch theo đúng chuẩn mực, tạo được lòng tin của các Cổ đông, Người lao động, Cơ quan quản lý nhà nước và khách hàng.

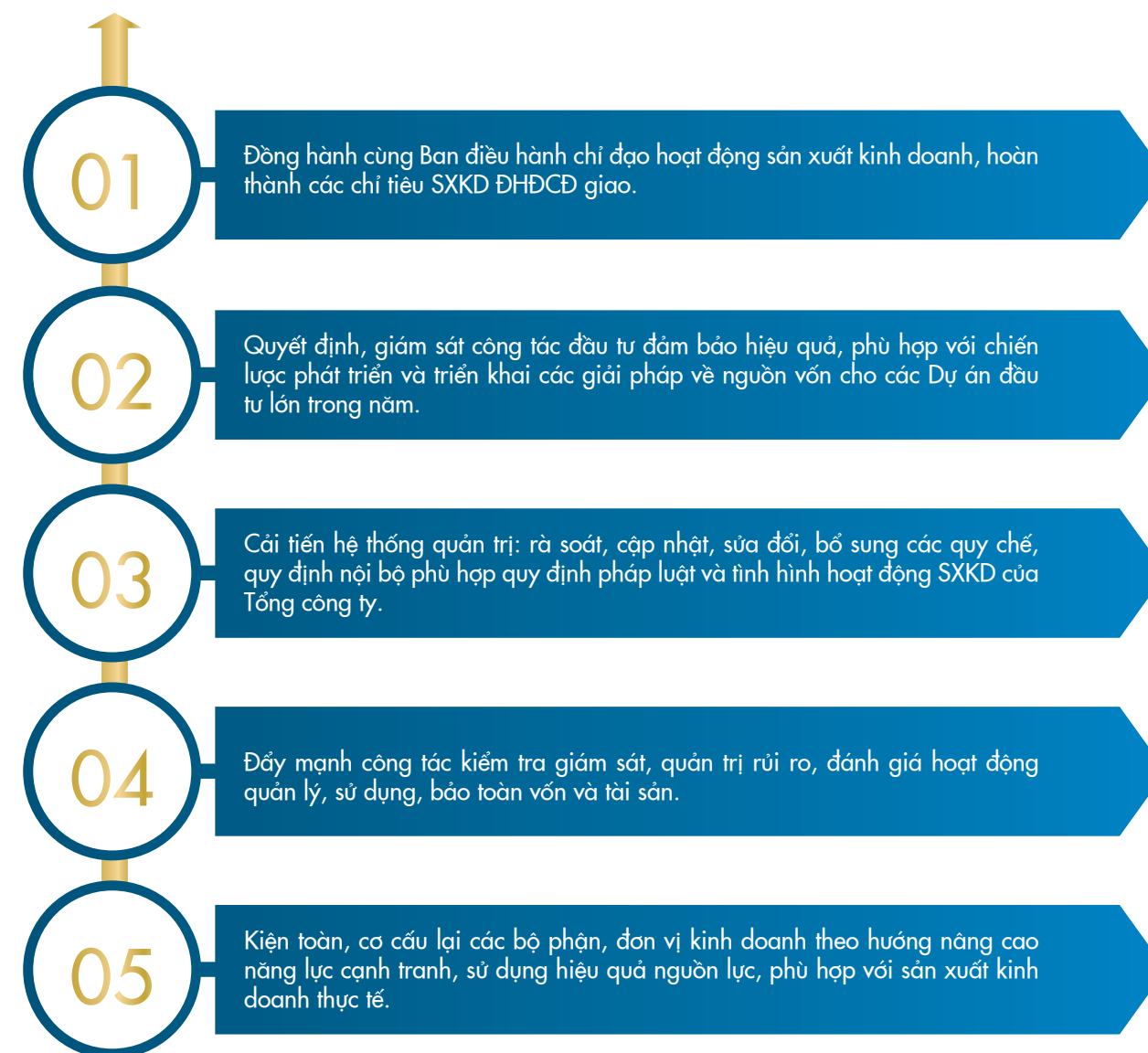
Trên cơ sở Kế hoạch công tác năm 2016, các nội dung ĐHCĐ giao và kết quả thực tế triển khai, HDQT đánh giá các hoạt động của HDQT trong năm 2016 là đúng thẩm quyền, có sự phân công, phân cấp phù hợp và hiệu quả, đảm bảo xử lý kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền phục vụ công tác quản lý và điều hành SXKD của Tổng công ty.

Công tác tổ chức các cuộc họp của HDQT, các đợt lấy ý kiến Thành viên HDQT bằng văn bản đã được thực hiện đúng quy định của Pháp luật và đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên 2016, triển khai thực hiện kế hoạch năm 2016, thực hiện chiến lược phát triển của Tổng công ty, kiện toàn bộ máy tổ chức, nguồn nhân sự cấp cao của Tổng công ty, thực hiện Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty.

Các quyết định của HDQT phù hợp thực tế tình hình SXKD và là định hướng quan trọng hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành; phối hợp tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

Dựa trên đánh giá tình hình năm 2017, bám sát các mục tiêu chiến lược phát triển Tổng công ty, HDQT đề ra chương trình công tác năm 2017 như sau:





HOẠT ĐỘNG NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017 CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2016

Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	GHI CHÚ
1	Bà Hồ Thị Oanh	Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	
2	Bà Bùi Thu Hà	Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	
3	Ông Triệu Văn Nghị	Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm	Chức vụ tại Công ty khác: Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm toán nội bộ Ngân hàng PVcomBank

Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2016

Năm 2016 Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra việc bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;
- Giám sát tình hình chấp hành Điều lệ, tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị PTSC;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đối với PTSC;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Phương án tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí;
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm;
- Giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh

nghiệp, các Đơn vị thành viên/trực thuộc; xem xét báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Tổng công ty và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty;

Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý phần vốn của Tổng công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn;

Thực hiện các công tác khác của Ban Kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2016. Định kỳ hàng quý, tổng kết, lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; đánh giá việc chấp hành các qui định của Pháp luật Nhà nước, tình hình thực hiện và tuân thủ các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của chủ sở hữu có liên quan đến hoạt động của PTSC;

Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát PTSC được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, các đơn vị thành viên, để giúp Tổng công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Các hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Trong năm 2016, các thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng các quyền hạn và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết 277/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016, các thành viên Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Tổng công ty PTSC.

Trong năm 2016, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp trực tiếp và ban hành 01 Nghị quyết liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát: Nghị quyết 207/NQ-DVKT-BKS ngày 08/04/2016 về việc bổ nhiệm lại bà Bùi Thu Hà giữ chức thành viên Ban Kiểm soát (chuyên trách).





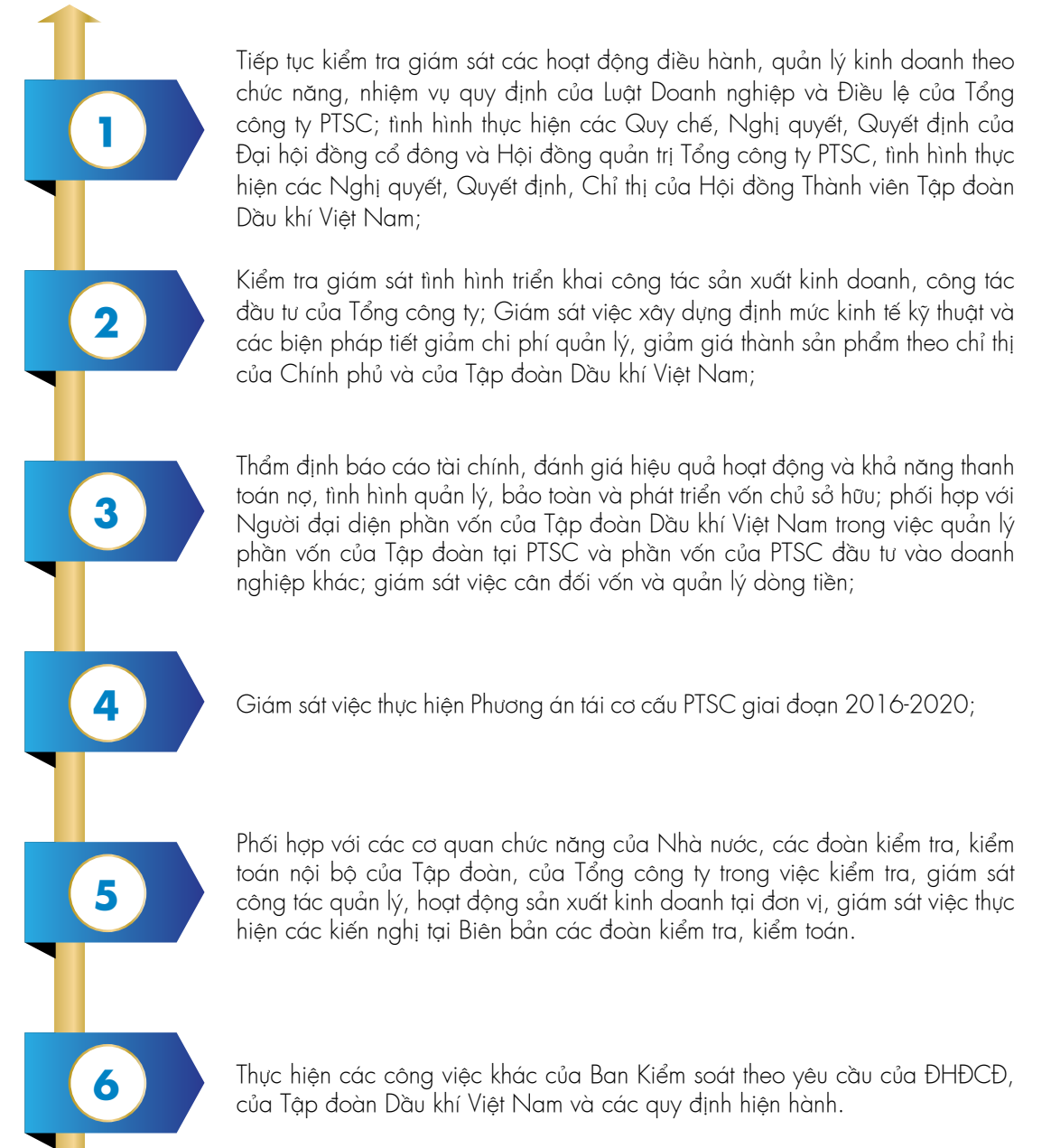
HOẠT ĐỘNG NĂM 2016 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017 CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Các hoạt động theo lĩnh vực được phân công

Trong năm 2016, các thành viên Ban Kiểm soát đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ theo từng lĩnh vực đã được phân công, cụ thể như sau:

CUỘC HỌP	HỌ VÀ TÊN	NỘI DUNG
4/4	Bà Hồ Thị Oanh Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách	Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tổ chức hoạt động chung của Ban Kiểm soát; Theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát; Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các thành viên Ban Kiểm soát; Phê duyệt các báo cáo theo yêu cầu của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Phụ trách các công việc chưa phân công cho các thành viên Ban Kiểm soát khác thuộc chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4/4	Bà Bùi Thu Hà Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách	Đã triển khai công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động: Công tác bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; Tình hình chấp hành Điều lệ, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị PTSC; Việc thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đối với PTSC; Tình hình thực hiện các dự án đầu tư; Công tác tái cơ cấu; Tình hình thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí; Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm; Tình hình thực hiện các kiến nghị tại Biên bản của các đoàn kiểm tra, kiểm toán đối với doanh nghiệp, các Đơn vị thành viên/trực thuộc; xem xét báo cáo kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Tổng công ty và ý kiến phản hồi của Ban TGD Tổng công ty.
4/4	Ông Triệu Văn Nghị Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm	Triển khai thực hiện tốt và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban Kiểm soát được phân công.

KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017



\$ THÙ LAO VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2016

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác cho từng thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý được công bố rõ ràng và cụ thể:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHỨC VỤ	THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH KHÁC (Đơn vị: VND)
Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch	1.427.617.500
Phan Thanh Tùng	Thành viên/ Tổng Giám đốc	1.413.822.000
Nguyễn Văn Dân	Thành viên	872.654.000
Phạm Văn Dũng	Thành viên	991.878.500
Nguyễn Thanh Hương	Thành viên	938.518.000
Đoàn Minh Mẫn	Thành viên	218.000.000
Nguyễn Văn Mậu	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	1.290.398.500
Đỗ Quốc Hoan	Thành viên	418.193.000
BAN KIỂM SOÁT		
Hồ Thị Oanh	Trưởng Ban	902.205.000
Bùi Thu Hà	Thành viên	446.766.500
Triệu Văn Nghị	Thành viên	117.000.000
BAN ĐIỀU HÀNH		
Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc	1.030.398.500
Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	725.809.000
Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	1.041.698.500
Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.117.398.500
Tạ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc	514.117.500
Nguyễn Xuân Cường	Kế toán trưởng	965.640.000





QUẢN TRỊ RỦI RO



“ QUẢN TRỊ RỦI RO ĐƯỢC TỔNG CÔNG TY PTSC XEM LÀ MỘT TRONG NHỮNG CÔNG CỤ QUAN TRỌNG TRONG QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ VÀ LÀ YẾU TỐ THEN CHỐT CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG. QUẢN TRỊ RỦI RO GÓP PHẦN NÂNG CAO HIỆU QUẢ SXKD BẰNG VIỆC NHẬN DIỆN, ĐÁNH GIÁ, LÊN KẾ HOẠCH VÀ THỰC HIỆN GIẢM THIỂU CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA, NHẪM TỐI ƯU HÓA CÁC NGUỒN LỰC, GIA TĂNG LỢI NHUẬN, ĐẠT MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐÃ ĐỀ RA. ”

Dưới đây là tổng quan về những rủi ro chính mà Tổng công ty PTSC phải đối mặt cũng như cách thức quản trị các rủi ro này.



RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các ảnh hưởng có thể xảy ra: Giá dầu duy trì ở mức thấp trong thời gian dài đã làm các hoạt động thăm dò, khai thác, phát triển mỏ, đầu tư trong lĩnh vực dầu khí phải cắt giảm hoặc tạm dừng thực hiện, Tổng công ty liên tục phải đối mặt với sức ép giảm giá thuê và giảm nhu cầu dịch vụ từ các khách hàng. Đặc biệt cơ chế chính sách theo hướng giảm bảo hộ cho các doanh nghiệp có vốn nhà nước, tạo điều kiện cho các khu vực doanh nghiệp khác, các thỏa thuận quốc tế (WTO, TPP..) dần có hiệu lực tạo môi trường hội nhập, cạnh tranh khốc liệt ở thị trường trong và ngoài nước. Các vấn đề trên đều dẫn đến việc giảm doanh thu và lợi nhuận.

Biện pháp giảm thiểu rủi ro: Tổng công ty PTSC triển khai thực hiện các dự án công nghiệp trên bờ nhằm bù đắp sự suy giảm của các công trình dầu khí ngoài khơi, đồng thời liên tục nâng cao nội lực, đầu tư hợp lý, nâng cao năng lực cạnh tranh, quản lý hiệu quả chi phí nhằm hạn chế tối đa những khó khăn, rủi ro có thể xảy ra trong năm 2017 và các năm tiếp theo.



RỦI RO VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG TRONG SẢN XUẤT

Các ảnh hưởng có thể xảy ra: Với đặc thù SXKD cung cấp các loại hình dịch vụ kỹ thuật cao cho ngành dầu khí ngoài khơi và trên bờ, sử dụng nhiều nhân lực và phương tiện hoạt động sản xuất trong điều kiện thiên nhiên, môi trường làm việc khắc nghiệt, điều kiện lao động nặng nhọc, luôn tiềm ẩn khả năng nguy cơ cháy nổ cao, nguy cơ xảy ra tai nạn lao động cho con người, mất an toàn hàng hải hay sự cố hư hỏng thiệt hại tài sản có giá trị lớn và thậm chí là sự cố môi trường có thể đến mức thảm họa ô nhiễm môi trường.

Biện pháp giảm thiểu rủi ro: Tổng công ty áp dụng Hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế và được liên tục cải tiến phù hợp điều kiện sản xuất; tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện thường xuyên để xây dựng văn hóa lao động an toàn và chuyên nghiệp; sử dụng công cụ, phần mềm quản lý công tác kiểm tra bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, phương tiện nhằm đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và tối ưu hóa chất lượng cho sản xuất; áp dụng chính sách mua bảo hiểm cho người, tài sản, hoạt động để bù đắp cho các tổn thất không mong muốn có thể xảy ra trong quá trình SXKD.



QUẢN TRỊ RỦI RO (tiếp theo)



RỦI RO VỀ CÔNG NGHỆ

Các ảnh hưởng có thể xảy ra:

Lạc hậu về công nghệ: Việc không kiểm soát được công nghệ, thiếu thông tin công nghệ mới dẫn đến rủi ro mua phải công nghệ lạc hậu, giảm năng lực cạnh tranh, gây ảnh hưởng và tổn thất lớn đến thành công của các dự án như chậm tiến độ, không đạt yêu cầu chất lượng, tăng chi phí bảo hành, vận hành và bảo dưỡng ... Người lao động không được tập huấn, nghiên cứu, đào tạo về công nghệ mới sẽ không nắm bắt được đầy đủ, không phát huy được năng lực sáng tạo, tự nghiên cứu và ứng dụng phát triển công nghệ.

Tốc độ phát triển công nghệ: với tốc độ phát triển chỉ trong chu kỳ 5 năm, KHCN lại đạt đến bước phát triển mới, dẫn đến nhiều thay đổi, cập nhật tương ứng trong các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành. Việc chạy theo tốc độ phát triển của công nghệ thường gây phát sinh chi phí vốn lớn, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh, nguy cơ không đồng bộ thiết bị gây ảnh hưởng đến chất lượng dự án.

Cơ sở vật chất, hạ tầng, phần mềm... phục vụ SXKD không đầu tư hoặc đầu tư thiếu đồng bộ, không theo kịp công nghệ, thiếu phụ tùng thay thế, suất tiêu hao vật liệu, nhiên liệu cao, nhiều tiêu chuẩn, qui phạm, định mức đã lỗi thời nhưng chưa sửa đổi, máy móc thiết bị cũ làm cho số giờ chết máy cao... là những nguyên nhân làm cho giá thành sản phẩm dịch vụ tăng cao.

Biện pháp giảm thiểu rủi ro: Tổng công ty luôn đầu tư, cập nhật, thay đổi và nâng cấp hệ thống công nghệ kịp thời, đồng bộ, có xét đến định hướng phát triển của KHCN, tránh lãng phí tài nguyên như hệ thống vừa được xây dựng vài năm lại phải nâng cấp hoặc thay mới; đồng thời liên tục tổ chức đào tạo, trang bị kiến thức và tạo điều kiện cho Người lao động không ngừng nỗ lực học hỏi, tham gia nghiên cứu, phát triển, ứng dụng KHCN vào trong hoạt động SXKD; nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty, giữ vững khả năng chiếm lĩnh thị trường trong nước, hướng đến phát triển dịch vụ ra thị trường khu vực và thế giới.



RỦI RO VỀ TÍN DỤNG, TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI VÀ LÃI SUẤT

Các ảnh hưởng có thể xảy ra: Khi khách hàng, đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng sẽ gây nên tổn thất tài chính cho Tổng công ty; bên cạnh đó là ảnh hưởng do biến động lãi suất mang lại, một khi lãi suất huy động của các tổ chức tài chính tăng sẽ dẫn đến lãi vay phải trả cho các khoản vay của Tổng công ty cũng tăng lên tương ứng và ngược lại. Ngoài ra, biến động tỷ giá trong bối cảnh giá dầu liên tục thay đổi cũng sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động SXKD của Tổng công ty.

Biện pháp giảm thiểu rủi ro:

Đối với rủi ro tín dụng: Tổng công ty PTSC thực hiện chính sách tín dụng phù hợp đối với từng nhóm khách hàng cụ thể hoạt động trong nhiều ngành nghề khác nhau và tại các địa phương khác nhau, đánh giá tính khả thi của dự án cũng như rà soát kỹ các điều khoản hợp đồng, đồng thời thường xuyên theo dõi để đánh giá sự ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của rủi ro tín dụng đến khả năng tài chính của Tổng công ty.

Đối với rủi ro lãi suất: Tổng công ty PTSC khảo sát, tiếp cận và thực hiện huy động vốn từ thị trường vốn quốc tế với chi phí vốn rẻ, thực hiện các nghiệp vụ

phát sinh để cố định lãi suất, duy trì mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Đối với rủi ro tỷ giá hối đoái: Chủ động quản trị bằng việc xin Giấy phép nhận thanh toán trực tiếp ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cân đối nguồn thu - chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho Nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.



RỦI RO VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

Các ảnh hưởng có thể xảy ra: Bất kỳ sự biến động nào về giá nguyên, nhiên, vật liệu cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động SXKD của Tổng công ty, do lượng tiêu hao nguyên, nhiên, vật liệu để chế tạo, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng hàng năm đối với khối lượng lớn nguồn cơ sở vật chất từ đội tàu dịch vụ, máy móc thiết bị đa dạng và các dự án cơ khí đã và đang triển khai là rất lớn.

Biện pháp giảm thiểu rủi ro: Tổng công ty PTSC đã quản trị rủi ro nguyên vật liệu thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng có điều khoản điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về giá nguyên vật liệu.



RỦI RO VỀ CHÍNH SÁCH

Các ảnh hưởng có thể xảy ra: Bên cạnh cơ chế chính sách theo hướng giảm bảo hộ cho các doanh nghiệp có vốn nhà nước, tạo điều kiện cho các khu vực doanh nghiệp khác, các thỏa thuận quốc tế (WTO, TPP..) dần có hiệu lực tạo môi trường hội nhập, Tổng công ty PTSC tiếp tục đối mặt với những thách thức mới khi phải cạnh tranh gắt gao với các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài có tiềm lực vượt trội về công nghệ và tài chính thâm nhập thị trường dịch vụ trong nước. Bên cạnh đó là sự cạnh tranh với chính các doanh nghiệp trong nước thuộc các thành phần kinh tế khác, thậm chí cạnh tranh nội bộ. Một số bất cập, tồn tại khác về chính sách thuế, các quy định về thủ tục chưa được tháo gỡ, tiếp tục là những khó khăn cản trở khi không tạo ra các khuyến khích, ưu đãi cần thiết khi cung cấp hàng hóa, phát triển dịch vụ, đầu tư ra nước ngoài; các quy định của Luật đấu thầu khi áp dụng trong lĩnh vực dịch vụ dầu khí đặc thù đã không khuyến khích được sản xuất, dịch vụ và nhà thầu dịch vụ trong nước, không khuyến khích phát triển dịch vụ đặc thù ngành.

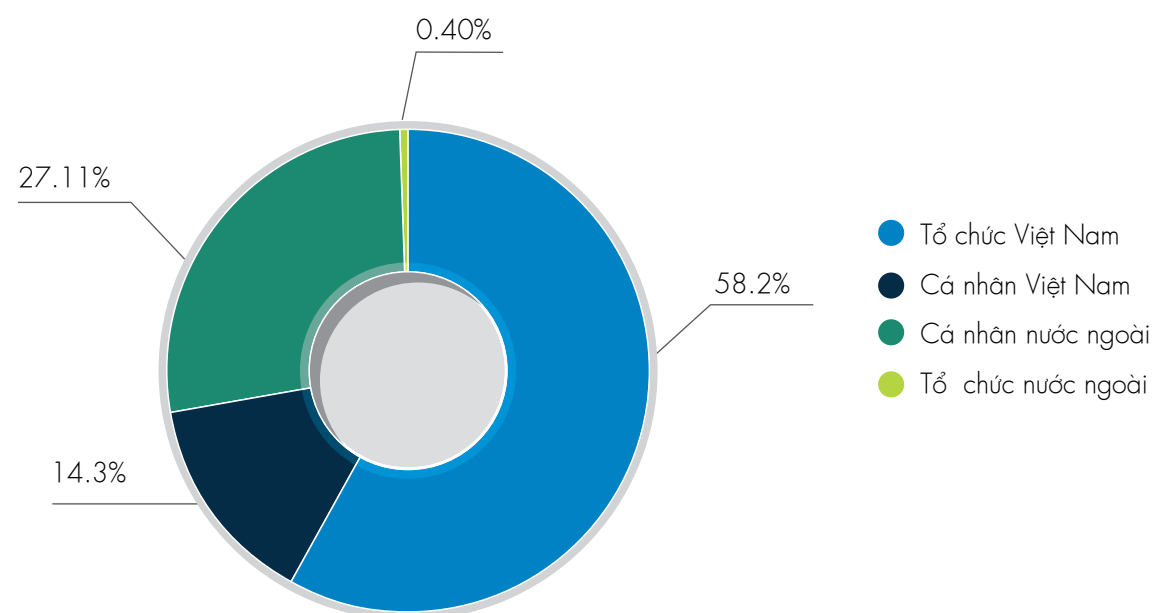
Biện pháp giảm thiểu rủi ro: Tiếp tục cải tiến mạnh mẽ hệ thống quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ, cập nhật các nội dung đảm bảo phù hợp các quy định của pháp luật, tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty, đặc biệt là thiết lập các quy trình quản lý dự án chặt chẽ, linh hoạt nhằm nâng cao hiệu quả các dự án; tham gia xây dựng và chủ động đóng góp ý kiến đối với các dự thảo văn bản pháp luật liên quan, dự kiến có tác động đến hoạt động của Tổng công ty; chủ động kiến nghị lên Tập đoàn và các Bộ ngành liên quan khác những khó khăn, bất cập khi áp dụng chính sách pháp luật cũng như kiến nghị về các cơ chế đặc thù, chính sách ưu tiên, phát triển dịch vụ ngành, cơ chế đối với sản phẩm hàng hóa dịch vụ trong và ngoài nước, kiến nghị thiết lập các tiêu chí, hàng rào kỹ thuật, bảo hộ hợp lý để tạo sự bảo hộ cho doanh nghiệp dịch vụ trong nước.



CHỨNG KHOÁN PVS

Cổ đông
Quan hệ cổ đông
Cổ phiếu PVS

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG



DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	CỔ ĐÔNG LỚN	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	229.500.000	51,38%
2	Nhóm quỹ Dragon Capital	35.270.450	7,89%
3	Công ty TNHH VinaCapital Corporate Finance Việt Nam - đại diện cho các quỹ đầu tư có liên quan	23.617.422	5,29%
4	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	12.013.400	2,69%

(Dữ liệu ngày 21/3/2017)

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ, CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ TRONG KỲ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU HIỆN TẠI	CÁC GIAO DỊCH ĐÃ THỰC HIỆN TRONG KỲ		GHI CHÚ
				BÁN	MUA	
1	Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch HĐQT	357.233	-	-	
2	Phan Thanh Tùng	Thành viên HĐQT/TGD	45.375	-	-	
3	Nguyễn Văn Dân	Thành viên HĐQT	6.956	-	-	Nghỉ hưu từ ngày 08/11/2016
4	Phạm Văn Dũng	Thành viên HĐQT	1.295	-	-	
5	Nguyễn Văn Mậu	Thành viên HĐQT/PTGD	40.000	-	-	
6	Nguyễn Thanh Hương	Thành viên HĐQT	-	-	-	
7	Đỗ Quốc Hoan	Thành viên HĐQT	10.680	-	-	Bổ nhiệm từ ngày 08/11/2016
8	Hồ Thị Oanh	Trưởng Ban KS	87	-	-	
9	Bùi Thu Hà	Thành viên BKS	-	-	-	
10	Triệu Văn Nghi	Thành viên BKS	172	-	-	
11	Nguyễn Tấn Hòa	Phó TGD	219	-	-	Nghỉ hưu từ ngày 01/3/2016
12	Nguyễn Trần Toàn	Phó TGD	3.546	-	-	
13	Lê Mạnh Cường	Phó TGD	51.799	-	-	
14	Nguyễn Hữu Hải	Phó TGD	51.069	-	-	
15	Tạ Đức Tiến	Phó TGD	13.830	-	-	Bổ nhiệm từ ngày 15/3/2016
16	Nguyễn Xuân Cường	Phó TGD	18	-	-	
17	Nguyễn Đức Thủy	Người công bố thông tin	-	-	-	

(Dữ liệu ngày 21/3/2017)

HỢP ĐỒNG GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ CỦA TỔNG CÔNG TY

Căn cứ theo Điều lệ của Tổng công ty PTSC về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi có quy định cụ thể như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích

có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

Tổng công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Trong năm 2016, Tổng công ty không phát sinh giao dịch giữa Tổng công ty với các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban TGD Tổng công ty.



“TĂNG CƯỜNG ĐỐI THOẠI, MINH BẠCH THÔNG TIN, BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG”

“TĂNG CƯỜNG ĐỐI THOẠI, ĐẢM BẢO MINH BẠCH THÔNG TIN, BẢO VỆ TỐI ĐA QUYỀN LỢI CỦA CÁC CỔ ĐÔNG VÀ ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG ĐỐI VỚI MỌI CỔ ĐÔNG ĐỂ TẠO NÊN MỐI QUAN HỆ HAI CHIỀU HIỆU QUẢ GIỮA TỔNG CÔNG TY VỚI NHỮNG BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN, GÓP PHẦN XÂY DỰNG SỰ TIN TƯỞNG, ỦNG HỘ CỦA CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ KHI TRIỂN KHAI CÁC CHIẾN LƯỢC DÀI HẠN, HUY ĐỘNG VỐN HIỆU QUẢ TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN, TỪ ĐÓ GIỮ VỮNG UY TÍN VÀ PHÁT TRIỂN GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP MÀ PTSC LUÔN NỖ LỰC HƯỚNG TỚI TRONG NHIỀU NĂM QUA.”

Tăng cường đối thoại: Năm 2016, theo thông lệ tổ chức gặp gỡ các Nhà đầu tư nhằm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động của Tổng công ty hàng quý, Tổng công ty đã hân hạnh được đón tiếp nhiều Nhà đầu tư đến từ các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hàng đầu của Việt Nam và các công ty quản lý quỹ nước ngoài tại trụ sở Tổng công ty. Ngoài ra, PTSC thường xuyên giải đáp các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của các cổ đông, cung cấp thông tin đầy đủ, đúng quy định về tình hình SXKD của Tổng công ty qua email, điện thoại...

Minh bạch thông tin: Hiểu rõ vai trò quan trọng của việc minh bạch thông tin trong việc tạo lập niềm tin đối với nhà đầu tư, cổ đông, Tổng công ty đã áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong việc công bố thông tin như: sử dụng hệ thống công bố thông tin qua CIMS của Sở giao dịch chứng khoán; đăng tải, cập nhật các thông tin công bố trên trang website của Tổng công ty; sử dụng dịch vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán - Ezsearch. Đồng thời, Tổng công ty cũng kết hợp với các công ty chứng khoán, các phương tiện truyền thông nhằm cập nhật và cung

cấp đầy đủ nhất các thông tin về hoạt động Tổng công ty một cách chi tiết và rõ ràng nhất.

Bảo vệ quyền lợi cổ đông: Để thực hiện đúng mục tiêu “Bảo vệ tối đa quyền lợi cổ đông, đối xử bình đẳng giữa cổ đông thiểu số - đa số, giữa cổ đông trong nước - nước ngoài, giữa cổ đông nội bộ - bên ngoài” của Tổng công ty, Bộ phận quan hệ cổ đông của Tổng công ty luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, đáp ứng các điều kiện tốt nhất, xử lý linh hoạt và nhanh chóng tất cả các yêu cầu từ cổ đông về việc thực hiện các quyền của cổ đông như: Đăng ký quyền sở hữu, chuyển nhượng cổ phần, mua cổ phiếu phát hành thêm, tiếp cận các thông tin liên quan đến hoạt động Tổng công ty, tham gia và biểu quyết tại Đại hội cổ đông, ủy quyền thực hiện quyền của cổ đông, hưởng lợi nhuận từ Tổng công ty... Hiện nay, Bộ phận quan hệ cổ đông đang tiến hành nghiên cứu hình thức biểu quyết bằng phiếu điện tử (e-voting) để tạo điều kiện thuận lợi cho mọi cổ đông trong việc thực hiện quyền biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHCĐ trong thời gian tới.

CÁC SỰ KIỆN LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG TRONG KỲ

STT	NGÀY	SỰ KIỆN
1	23/3/2016	Chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên 2016
2	28/4/2016	Tổ chức họp ĐHCĐ thường niên 2016
3	22/7/2016	Chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2015 bằng tiền (12%)
4	07/12/2016	Chốt danh sách cổ đông nhận tạm ứng cổ tức 2016 bằng tiền (5%)



Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành	446.700.421
Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết	446.700.421
Cổ phiếu quỹ:	0
Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ)	7.817,26
Room NN còn lại (%)	20,91%
EPS cơ bản (nghìn VNĐ)	2,21
P/E	8,19
Giá trị sổ sách /cp (nghìn VNĐ)	22,99
Giá giao dịch cao nhất trong năm 2016 (nghìn VNĐ)	22,10
Giá giao dịch thấp nhất trong năm 2016 (nghìn VNĐ)	12,50

(Dữ liệu tại ngày 17/3/2017)

LỊCH SỬ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA PTSC

NĂM	TỶ LỆ CHI TRẢ	SỐ LƯỢNG PHÁT HÀNH (cổ phần)	VỐN ĐIỀU LỆ (VNĐ)
2006	Chào bán lần đầu ra công chúng (IPO)	100.000.000	1.000.000.000.000
2008	Phát hành cho cổ đông hiện hữu.	73.803.431	1.738.034.310.000
2009	Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược	25.000.000	1.988.034.310.000
2010	Phát hành cho cổ đông hiện hữu.	98.998.663	2.978.020.940.000
2012	Phát hành cho cổ đông hiện hữu.	148.898.327	4.467.004.210.000

LỊCH SỬ TRẢ CỔ TỨC

NĂM	TỶ LỆ CHI TRẢ	NGÀY CHỐT DANH SÁCH
2007	14%	14/03/2008
2008 (đợt 1)	10%	20/11/2008
2008 (đợt 2)	5%	25/6/2009
2009	20%	12/5/2010
2010	15%	13/12/2010
2011	20%	25/5/2012
2012 (đợt 1)	10%	17/1/2013
2012 (đợt 2)	5%	5/9/2013
2013	12%	28/7/2014
2014	12%	31/7/2015
2015	12%	22/7/2016
2016 (tạm ứng đợt 1)	5%	07/12/2016

PVS: HỒI SINH



“**THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN (TTCK) NĂM 2016 ĐÃ KHÉP LẠI VỚI NHIỀU NIỀM VUI CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ. TRONG MỘT NĂM CHỊU TÁC ĐỘNG BỞI CÁC SỰ KIỆN NHẠY CẢM NHƯ BREXIT, CUỘC BẦU CỬ TỔNG THỐNG TẠI MỸ...NHUNG CÁC CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM VẪN ĐẠT MỨC TĂNG TRƯỞNG CAO SO VỚI KỲ VỌNG. TẠI PHIÊN ĐÓNG CỬA 2016, CHỈ SỐ VN-INDEX ĐẠT MỨC CAO NHẤT TRONG 8 NĂM QUA (688,89 ĐIỂM TĂNG 14.7% SO VỚI ĐẦU NĂM).**”

Trong xu hướng tăng nổi bật của các nhóm ngành vật liệu cơ bản, hàng tiêu dùng và dược phẩm, tuy không phải nhóm ngành dẫn dắt chính như các năm trước nhưng ở một số thời điểm nhất định, cổ phiếu nhóm Dầu khí nói chung và cổ phiếu của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS) nói riêng cũng đã để lại dấu ấn mạnh mẽ đối với các Nhà đầu tư. Sau cú sốc khi dầu thô thế giới tạo đáy ở mức 26 USD/thùng, thời điểm đó, PVS cũng đã rơi xuống mức giá thấp nhất kể từ năm 2012 (12.500 đồng/CP), xu hướng bật tăng trở lại diễn ra cùng nhịp với đà phục hồi mạnh mẽ của giá dầu thô thế giới. Mức tăng liên tục sau đó đạt đến 76% và tạo đỉnh của năm ở mức 22.100 đồng/CP vào ngày 18/8/2016. Bản lĩnh PVS tiếp tục được thử thách và đã vượt qua sự kiện đáng sợ nhất của năm đối với TTCK - Brexit (phiên giao dịch TTCK Việt Nam lao dốc với tâm lý hoảng loạn, giảm 34 điểm (-5,47%). Chốt phiên giao dịch cuối năm 2016 PVS đạt mức giá 16.500 đồng/CP. Tổng quan năm 2016, ngoài các sự kiện tác động lớn đến thị trường chung, trong lúc thiếu vắng các thông tin hỗ trợ tích cực từ sản xuất kinh doanh, diễn biến của giá dầu vẫn là yếu tố chi phối chủ yếu đến PVS. Tuy vậy, không thể phủ nhận PVS vẫn là Mã chứng khoán trú ẩn an toàn trước những biến động lớn của thị trường.

Bảng giá dầu ▶



Bảng giá chứng khoán ▶



Thị trường đã bắt đầu năm 2017 với rất nhiều hi vọng, xuất hiện sự hưng khởi nhưng cũng ẩn chứa đầy rẫy những rủi ro buộc các Nhà đầu tư phải thận trọng. Trên bình diện toàn cầu, xu hướng dân túy và bảo hộ lan rộng đang thách thức xu thế hợp tác, toàn cầu hóa được cổ xúy trong nhiều thập kỷ qua. Sự thay đổi hệ thống chính sách của một số cường quốc, trong đó đáng chú ý là chính sách thương mại và tiền tệ có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các thị trường mới nổi. Trong nước, quá trình tái cấu trúc, thoái vốn tại các Doanh nghiệp lớn của Nhà nước; các đợt IPO các công ty lớn tạo ra nguồn hàng dồi dào, đem đến cho Nhà đầu tư nhiều sự lựa chọn phong phú. Vì vậy sự phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu sẽ ngày càng lớn.

Trong bối cảnh các yếu tố chi phối ảnh hưởng đến thị trường dầu mỏ chưa có nhiều chuyển biến (biến động nguồn cung, mức dự trữ của các nước tiêu thụ hàng đầu, năng lực của năng lượng thay thế...), xu hướng rõ nét và ổn định của giá dầu vẫn rất khó đoán định. Vì vậy, cổ phiếu nhóm Dầu khí nói chung vẫn sẽ cùng nhịp đập với sự giao động của giá dầu. Riêng đối với PVS, năm 2017, bên cạnh mục tiêu duy trì ổn định của Tổng công ty thì từ các thông tin tích cực ban đầu về thị trường dịch vụ, hứa hẹn sẽ có nhiều hy vọng chuyển mình mang tính bước ngoặt cho giai đoạn mới đáng được Cổ đông và Nhà đầu tư chờ đợi.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Mậu	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mão	Thành viên
Ông Đỗ Quốc Hoan	Thành viên (bổ nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2016)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2016)
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 01 năm 2017)
Ông Đỗ Quốc Hoan	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 08 tháng 11 năm 2016)
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám Đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2016)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC


Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Thanh Tùng

Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty mẹ") và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con được gọi chung là "Tổng công ty") được lập ngày 17 tháng 3 năm 2017, từ trang 5 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 3 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đào Thái Thịnh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1867-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.151.148.411.971	16.000.729.197.810
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.883.669.671.740	7.991.387.356.724
1. Tiền	111		2.646.758.096.799	3.982.903.553.183
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.236.911.574.941	4.008.483.803.541
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		911.017.446.191	570.070.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	911.017.446.191	570.070.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.125.027.352.428	5.725.328.822.123
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.766.279.842.961	4.229.681.576.031
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		346.760.133.285	475.565.519.498
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	8	438.107.372.763	4.765.479.848
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	28.757.555.368
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	667.479.061.085	1.142.556.125.176
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(93.599.057.666)	(155.997.433.798)
IV. Hàng tồn kho	140	10	1.650.744.923.057	1.190.080.622.597
1. Hàng tồn kho	141		1.655.953.765.876	1.195.777.537.746
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.208.842.819)	(5.696.915.149)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		580.689.018.555	523.862.396.366
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	24.369.143.651	23.353.448.130
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		505.596.222.039	460.395.529.830
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	50.723.652.865	40.113.418.406
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.389.961.414.802	10.436.323.789.084
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		67.193.882.648	81.922.105.081

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		45.043.576.977	56.227.502.258
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	22.150.305.671	25.694.602.823
II. Tài sản cố định	220		4.150.439.107.437	4.727.816.332.623
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.133.766.907.309	4.701.785.351.363
- Nguyên giá	222		11.927.166.182.310	11.653.416.894.534
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.793.399.275.001)	(6.951.631.543.171)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	16.672.200.128	26.030.981.260
- Nguyên giá	228		76.843.823.475	71.167.554.725
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.171.623.347)	(45.136.573.465)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	197.541.863.907	202.277.135.763
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(31.738.922.547)	(27.003.650.691)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	498.672.582.913	424.420.945.500
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		370.485.940.489	369.678.895.035
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		128.186.642.424	54.742.050.465
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.733.712.583.228	4.203.786.295.223
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	16	4.707.276.291.641	4.166.493.636.903
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	17	51.030.000.000	61.030.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(24.593.708.413)	(23.737.341.680)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		742.401.394.669	796.100.974.894
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	697.468.980.357	746.045.339.983
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		44.932.414.312	50.055.634.911
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		25.541.109.826.773	26.437.052.986.894

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.788.657.616.607	14.562.178.949.277
I. Nợ ngắn hạn	310		9.743.162.837.038	9.872.435.220.921
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	4.051.838.898.443	4.355.312.301.426
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	1.431.502.690.033	987.427.659.341
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	128.092.850.261	175.425.464.475
4. Phải trả người lao động	314		385.076.069.091	443.398.334.923
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	2.063.212.809.649	1.779.598.558.385
6. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	8	238.298.386.212	20.520.328.878
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		20.721.879.131	11.613.862.192
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	625.935.472.506	1.038.096.538.745
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	432.147.165.556	684.347.404.258
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		62.820.128.025	83.201.867.977
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		303.516.488.131	293.492.900.321
II. Nợ dài hạn	330		4.045.494.779.569	4.689.743.728.356
1. Phải trả người bán dài hạn	331	18	-	66.267.935.109
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	19	801.016.151.506	1.226.805.535.537
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		211.887.162.632	221.204.931.276
4. Phải trả dài hạn khác	337	22	204.067.385	203.242.385
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24	1.143.508.611.250	1.563.412.865.200
6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	25	471.285.000.292	282.883.021.027

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN/HN

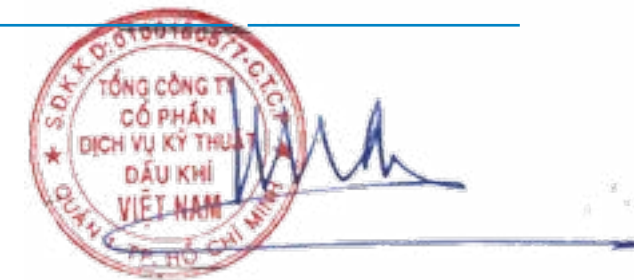
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	31/12/2015
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	1.355.709.901.710	1.280.954.820.004
8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		61.883.884.794	48.011.377.818
D. NGUỒN VỐN	400		11.752.452.210.166	11.874.874.037.617
I. Vốn chủ sở hữu	410	27	11.752.452.210.166	11.874.874.037.617
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.617.060.000	39.545.660.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.626.119.682.700	2.418.539.906.053
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.188.956.067.975	3.326.188.546.305
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.390.099.035.058	1.831.264.703.174
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		798.857.032.917	1.494.923.843.131
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	29	1.430.755.189.491	1.623.595.715.259
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		25.541.109.826.773	26.437.052.986.894



Dương Thị Ngọc Quý
Người lập biểu



Nguyễn Quang Chánh
Phụ trách Kế toán

Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2017
Thành phố Hồ Chí Minh,
nước CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 02-DN/HN

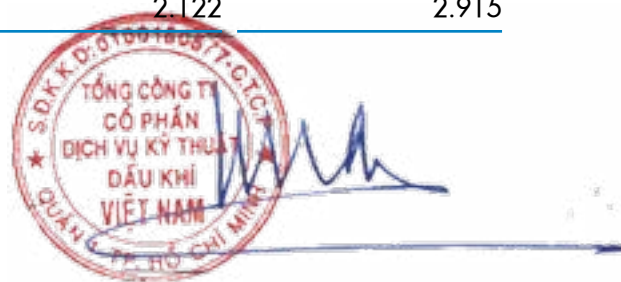
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	18.682.080.522.528	23.356.897.865.989
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		18.682.080.522.528	23.356.897.865.989
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	17.899.327.840.481	21.181.966.606.269
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		782.752.682.047	2.174.931.259.720
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	306.321.814.062	377.947.935.838
6. Chi phí tài chính	22	35	159.594.948.095	378.085.339.930
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		55.841.878.387	70.937.160.828
7. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	36	667.105.854.738	753.186.652.840
8. Chi phí bán hàng	25	37	91.959.953.182	98.571.639.097
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	540.231.230.547	896.467.983.169
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		964.394.219.023	1.932.940.886.202
11. Thu nhập khác	31	38	304.151.849.725	144.558.270.036
12. Chi phí khác	32	39	12.410.057.984	62.419.150.229
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		291.741.791.741	82.139.119.807
14. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		1.256.136.010.764	2.015.080.006.009
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	40	157.989.589.078	350.424.712.724
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	25	188.401.979.265	171.116.435.819
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		909.744.442.421	1.493.538.857.466
18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.038.743.379.556	1.517.394.760.704
19. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	29	(128.998.937.135)	(23.855.903.238)
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	41	2.122	2.915

Dương Thị Ngọc Quý
Người lập biểu

Nguyễn Quang Chánh
Phụ trách Kế toán



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2017
Thành phố Hồ Chí Minh,
nước CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 03-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.256.136.010.764	2.015.080.006.009
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	870.764.893.967	904.020.669.964
Các khoản dự phòng	03	(7.656.739.975)	336.524.471.771
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	39.733.506.386	45.086.595.470
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(897.868.661.163)	(947.048.021.972)
Chi phí lãi vay	06	55.841.878.387	70.937.160.828
Các khoản điều chỉnh khác	07	13.872.506.976	18.208.231.720
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.330.823.395.342	2.442.809.113.790
Thay đổi các khoản phải thu	09	(609.823.896.516)	2.423.557.330.327
Thay đổi hàng tồn kho	10	(455.860.052.985)	(677.968.559.417)
Thay đổi các khoản phải trả	11	56.367.184.831	(1.999.111.919.808)
Thay đổi chi phí trả trước	12	47.560.664.105	(67.638.283.727)
Tiền lãi vay đã trả	14	(62.003.800.061)	(76.563.627.232)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(206.556.951.661)	(442.942.805.801)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	403.068.550	5.546.411.696
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(177.196.561.038)	(185.478.789.954)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(76.286.949.433)	1.422.208.869.874
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(447.570.715.035)	(772.995.240.381)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.037.212.560	5.598.152.126
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.245.394.000.000)	(867.070.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	918.029.044.621	793.484.145.852
5. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25	-	(38.412.998.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.000.000.000	47.524.303.246
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	217.921.395.605	158.688.237.098
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(550.977.062.249)	(673.183.400.059)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 03-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	59.165.312.670	358.910.191.041
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(735.067.925.898)	(786.478.291.675)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(808.800.203.900)	(578.772.068.210)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.484.702.817.128)	(1.006.340.168.844)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(2.111.966.828.810)	(257.314.699.029)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	7.991.387.356.724	8.194.248.685.277
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	4.249.143.826	54.453.370.476
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5.883.669.671.740	7.991.387.356.724



Dương Thị Ngọc Quý
Người lập biểu

Nguyễn Quang Chánh
Phụ trách Kế toán

Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2017
Thành phố Hồ Chí Minh,
nước CHXHCN Việt Nam

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các Công ty con (Công ty mẹ và các Công ty con được gọi chung là "Tổng công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các Giấy phép đăng ký kinh doanh điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Công ty mẹ được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tập đoàn") là cổ đông chính và là Công ty mẹ của Tổng công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 8.976 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 9.655 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật dầu khí; Quản lý, kinh doanh, Khai thác các tàu dịch vụ kỹ thuật dầu khí; Dịch vụ căn cứ Cảng; Dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hóa; Quản lý kinh doanh, sở hữu, vận hành khai thác các tàu chứa dầu thô (FSO), tàu chứa và xử lý dầu thô (FPSO); Quản lý, tổ chức thực hiện các dự án trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí; Chế tạo và lắp đặt các loại bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dẫn khí; Sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển; Dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, khảo sát công trình ngầm (bằng thiết bị ROV) phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và các công trình công nghiệp, dân dụng; Bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi; Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí; Sản xuất, cung cấp vật tư thiết bị dầu khí; Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình Khai thác dầu khí; Kinh doanh khách sạn, nhà ở, văn phòng làm việc và dịch vụ sinh hoạt dầu khí; Kinh doanh các sản phẩm dầu

khí; Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; Sản xuất mua bán các sản phẩm dầu khí, phân đạm và hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các chi nhánh, Công ty con, Công ty liên kết và liên doanh của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Các chi nhánh:

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Xây dựng PTSC;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt Điện Long Phú;
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Thông tin chi tiết về các Công ty con/Công ty liên kết của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khảo sát và công trình ngầm
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn 2D, 3D
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khách sạn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Việt Nam	84,95	84,95	Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Việt Nam	95,19	95,19	Dịch vụ dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Việt Nam	54,69	54,69	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Dịch Vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Việt Nam	59,61	59,61	Dịch vụ căn cứ cảng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ bảo vệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu Khí Sao Mai - Bến Đình	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan (*)	Malaysia	100,00	100,00	Dịch vụ tàu dầu khí
Công ty liên kết, liên doanh				
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	Singapore	33,00	33,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO
Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	Malaysia	49,00	49,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	Malaysia	60,00	60,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Private Limited	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Private Limited	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Việt Nam	28,75	28,75	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	Việt Nam	21,46	21,46	Dịch vụ căn cứ cảng

(*) Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan được thành lập theo Nghị quyết số 498/NQ-DVKT-HĐQT ngày 24 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty là 572.565,12 Đô la Mỹ, trong đó, góp bằng tài sản là tàu PTSC Hải Phòng với giá trị còn lại là 406.548,43 Đô la Mỹ, tương đương 9.055.866.278 đồng. Trong năm 2016, Công ty mẹ đã thực hiện góp vốn vào Công ty con bằng giá trị còn lại của tàu PTSC Hải Phòng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm

phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt

đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các Công ty con)

được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong Tổng công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết

vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng công ty thực hiện giao dịch với một Công ty liên kết với Tổng công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng công ty vào Công ty liên kết, được loại trừ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn vào Công ty liên doanh

Các khoản góp vốn vào Công ty liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của Công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty mẹ lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản góp vốn vào Công ty liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của Công ty liên doanh sau ngày góp vốn vào Công ty liên doanh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải thu về cho vay, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành

công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi

các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng công ty được trích lập theo các Quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	03 - 45
Máy móc, thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 10
Tài sản khác	04 - 14

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các loại phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao theo quy định hiện hành. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 3 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do Tổng công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp

liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, chi phí thiết bị sửa chữa và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Khoản trả trước tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê của lô đất.

Tiền thuê văn phòng tại tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn 50 năm. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Chi phí giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà được chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam – Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng tiếp nhận từ ngày 20 tháng 12 năm 2015, thời hạn 42

năm. Tổng công ty phân bổ chi phí giải phóng mặt bằng này vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn thuê hàng năm.

Các chi phí trả trước khác bao gồm các công cụ dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng công ty là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa

mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

(b) Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi (trừ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với

phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng tài sản cố định cho năm trước khi được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (được vốn hóa); chi phí đi vay phát sinh sau khi tài sản đã đưa vào sử dụng, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trong năm.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập

chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	31/12/2015
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	7.238.713.722	10.845.491.662
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.639.386.081.536	3.965.301.277.854
Tiền đang chuyển	133.301.541	6.756.783.667
Các khoản tương đương tiền	3.236.911.574.941	4.008.483.803.541
	5.883.669.671.740	7.991.387.356.724

Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,4%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: lãi suất từ 4%/năm đến 5,3%/năm).

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Các khoản đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng và dưới 1 năm với lãi suất được hưởng từ 5,1% đến 6,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,6%/năm).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	31/12/2015
	VNĐ	VNĐ
Công ty Điều hành chung Cửu Long	709.819.148.346	117.488.200.592
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	477.128.220.848	610.194.370.810
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	376.822.653.997	392.380.965.986
Ban quản lý Dự án Nhiệt Điện 3	349.773.514.217	-
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	291.425.001.609	161.969.108.539
Công ty Swiber Offshore (India) Pvt. Ltd	220.970.649.030	-
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò khai thác Dầu khí Trong nước	183.869.463.677	198.158.212.048
Công ty CGG Services SA	177.473.488.941	-
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	172.978.117.164	73.573.917.895
Tổ hợp nhà thầu JGCS	149.958.747.824	142.396.652.665
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	121.244.498.956	188.288.143.102
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	40.973.825.781	483.710.619.276
Phải thu khách hàng khác	1.493.842.512.571	1.861.521.385.118
	4.766.279.842.961	4.229.681.576.031

Các số dư phải thu trọng yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 44.

8. PHẢI THU VÀ PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

	31/12/2016	31/12/2015
	VNĐ	VNĐ
Hợp đồng dở dang tại ngày kết thúc niên độ kế toán:		
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	438.107.372.763	4.765.479.848
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	(238.298.386.212)	(20.520.328.878)
	199.808.986.551	(15.754.849.030)
Chi tiết như sau:		
Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế	1.526.279.421.270	51.121.985.399
Số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ	(1.326.470.434.719)	(66.876.834.429)
	199.808.986.551	(15.754.849.030)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng công ty thực hiện ghi nhận doanh thu, chi phí theo Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng đối với các Dự án: Dự án xây dựng Nhà máy NPK, Dự án nâng công suất Phân xưởng NH3 của Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016	31/12/2015
	VNĐ	VNĐ
a) Ngắn hạn		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 (i)	206.879.316.776	12.575.464.419
Tổ hợp nhà thầu JGCS (ii)	86.542.209.070	160.751.821.743
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	59.514.542.073	40.811.003.545
Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (iv)	44.531.200.000	77.003.500.000
Thuế giá trị gia tăng chưa được khấu trừ	40.926.117.807	67.529.647.074
Công ty Cổ phần PVI (v)	30.970.354.115	-
Tổng công ty lắp máy Việt Nam (vi)	26.746.568.852	9.299.083.063
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	25.931.332.538	14.265.945.718
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước (vii)	22.579.091.739	5.925.839.415
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn (viii)	21.529.260.315	90.847.767.158
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	16.690.612.452	12.624.211.512
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Nước ngoài	10.061.561.353	-
Công ty CGG Services SA	9.780.223.190	-
Ký cược, ký quỹ	8.352.302.646	23.557.303.823
Công ty Toisa Limited	4.869.745.252	-
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	2.943.698.601	5.618.032.041
Công ty Talisman Malaysia Limited	1.983.372.593	20.293.373.860
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch (ix)	-	230.819.875.570
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (ix)	-	124.740.417.492
Văn phòng Điều hành Idemitsu Kosan Co., Ltd tại Thành phố Hồ Chí Minh (Lô 39&40/02)	-	179.567.269.713
Công ty TNHH Dầu khí Việt Nhật	-	14.151.516.545
Văn phòng Điều hành Eni Việt Nam B.V. tại Thành phố Hồ Chí Minh	-	13.900.487.576
Công ty Saipem Asia Sdn Bhd	-	7.033.848.822
Phải thu khác	46.647.551.713	31.239.716.087
	667.479.061.085	1.142.556.125.176
b) Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông	11.516.550.273	11.516.550.273
Ký cược, ký quỹ	9.720.826.709	3.131.717.694
Phải thu khác	912.928.689	11.046.334.856
	22.150.305.671	25.694.602.823

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(I) Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 là khoản phải thu từ doanh thu trích trước theo tiến độ hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1.

(II) Khoản phải thu từ Tổ hợp nhà thầu JGCS là khoản trích trước doanh thu của các dịch vụ thực hiện cho Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

(III) Khoản phải thu từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là những khoản trích trước doanh thu của dịch vụ khảo sát địa chấn 2D/3D thuộc Dự án PVN12, PVN 15 và một số khoản phải thu khác.

(IV) Khoản phải thu từ Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited là khoản phải thu về lợi nhuận được chia của năm 2016 theo thông báo của Công ty Liên doanh Malaysia Offshore Terminal (Labuan) Limited.

(V) Khoản phải thu từ Công ty Cổ phần PVI là khoản thu tiền bồi thường liên quan đến tàu CGG Amadues.

(VII) Khoản phải thu từ Tổng công ty Lắp máy Việt

Nam là khoản trích trước doanh thu theo tiến độ hoàn thành của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1.

(VIII) Khoản phải thu từ Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước là khoản phải thu liên quan đến tiền nhiên liệu trên các tàu dịch vụ và phần chi hộ của dịch vụ đại lý tàu biển.

(IX) Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn là khoản phải thu từ doanh thu trích trước cho phần khối lượng công việc đã thực hiện của Dự án Nạo vét Cảng Nghi Sơn.

Trong năm 2016, Tổng công ty đã thực hiện cần trừ khoản công nợ phải thu từ Công ty cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch, Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất với khoản công nợ phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch theo Công văn số 917/DVKT-TCKT ngày 27 tháng 6 năm 2016 đã thông báo đến Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Hàng mua đang đi trên đường	1.445.317.815	-	25.661.984.631	-
Nguyên liệu, vật liệu	87.207.081.315	(5.208.842.819)	75.506.120.923	(5.696.915.149)
Công cụ, dụng cụ	25.911.872.334	-	43.569.400.889	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	1.539.522.556.112	-	1.046.524.633.778	-
Hàng hóa	1.253.234.720	-	4.515.397.525	-
Hàng gửi bán	613.703.580	-	-	-
	1.655.953.765.876	(5.208.842.819)	1.195.777.537.746	(5.696.915.149)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Sư Tử Trắng Full Field	1.309.513.731.020	1.309.513.731.020	535.463.865.959	535.463.865.959
Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Gói SMP9	77.498.206.903	77.498.206.903	37.493.934.879	37.493.934.879
Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Gói SMP8	6.483.349.859	6.483.349.859	1.162.312.348	1.162.312.348
Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Gói Tank	3.414.150.812	3.414.150.812	9.698.679.483	9.698.679.483
Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Gói cầu cảng	-	-	43.686.567.588	43.686.567.588
Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Kết cấu thép SSF2	-	-	22.828.786.197	22.828.786.197
Dự án phân phối khí thấp áp	42.930.280.702	42.930.280.702	64.164.153.447	64.164.153.447
Dự án HUC Sư Tử Trắng	11.308.249.902	11.308.249.902	-	-
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	10.623.728.307	10.623.728.307	518.115.454	518.115.454
Dự án Badamyar - Huyndai	9.789.163.621	9.789.163.621	-	-
Dự án GPP Cà Mau	7.225.688.903	7.225.688.903	-	-
Dự án Maharaja Lela South	-	-	143.146.645.256	143.146.645.256
Dự án PVN Tielines	-	-	86.967.265.455	86.967.265.455
Dự án Chế tạo cầu kiện cho Sapura	-	-	21.761.976.344	21.761.976.344
Dự án Thái Bình Hàm Rồng	-	-	1.193.226.209	1.193.226.209
Khác	60.736.006.083	60.736.006.083	78.439.105.159	78.439.105.159
	1.539.522.556.112	1.539.522.556.112	1.046.524.633.778	1.046.524.633.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

1.1. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thiết bị tàu Bình Minh 02 và tàu CGG Amadues	4.557.043.774	4.789.313.798
Chi phí bảo hiểm tàu FPSO Ruby II	3.054.650.795	4.568.862.973
Chi phí trả trước về công cụ, dụng cụ	6.240.421.794	6.424.673.304
Chi phí trả trước về tiền bảo hiểm	3.595.824.301	2.105.904.819
Chi phí trả trước khác	6.921.202.987	5.464.693.236
	24.369.143.651	23.353.448.130
b) Dài hạn		
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn (i)	304.399.782.199	308.895.368.087
Thuê đất tại Khu kinh tế Đình Vũ (ii)	116.908.164.683	120.762.280.007
Chi phí giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà (iii)	102.554.699.731	105.042.820.015
Chi phí vật tư, thiết bị tàu CGG Amadues, tàu Bình Minh 02 (iv)	71.565.751.496	112.252.844.716
Chi phí sửa chữa bảo dưỡng khác chờ phân bổ	32.330.917.843	40.327.860.499
Chi phí trả trước về sửa chữa lớn Nhà hàng tầng 1 Khách sạn Dầu khí	13.916.757.594	-
Chi phí sửa chữa lớn tàu Bình Minh 02 và tàu CGG Amadues	9.758.152.279	-
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.561.332.439	6.471.403.674
Chi phí trước hoạt động tàu FPSO Lam Sơn	7.327.715.605	24.914.233.081
Tiền thuê đất Cảng Sơn Trà	3.491.936.308	3.576.530.076
Chi phí sửa chữa tàu PTSC Researcher 106	-	9.916.260.348
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	26.653.770.180	13.885.739.480
	697.468.980.357	746.045.339.983

(I) Khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn thuê 50 năm. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

(II) Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ đã thực hiện thuê 138.269 m² đất tại Khu kinh tế Đình Vũ - Hải Phòng của Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ) với mục đích đầu tư xây dựng Căn cứ Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí và Cảng phục vụ Khu Công nghiệp. Thời hạn thuê đất từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 4 năm 2047. Giá trị quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ tháng 7 năm 2008

đến hết thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(III) Chi phí giải phóng mặt bằng Cảng Sơn Trà được chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng tiếp nhận từ ngày 20 tháng 12 năm 2015, thời hạn 42 năm. Tổng công ty phân bổ chi phí giải phóng mặt bằng này vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn thuê hàng năm.

(IV) Chi phí vật tư, thiết bị tàu CGG Amadues, tàu Bình Minh 02 thể hiện các khoản chi phí sửa chữa, bảo trì các thiết bị trên tàu CGG Amadues và tàu Bình Minh 02. Chi phí thiết bị được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 6 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 31/12/2015	3.308.970.236.494	1.656.675.294.318	6.529.496.207.425	125.986.069.032	32.289.087.265	11.653.416.894.534
Mua sắm trong năm	900.000.000	190.777.163.669	50.768.385.271	17.911.348.142	954.679.645	261.311.576.727
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	15.153.924.037	5.321.202.287	-	1.606.800.000	47.728.520	22.129.654.844
Tăng khác	-	-	-	535.509.091	-	535.509.091
Thanh lý, nhượng bán	-	(671.928.000)	(2.735.589.762)	(219.231.528)	-	(3.626.749.290)
Giảm khác	(508.437.540)	(1.404.612.321)	(4.687.653.735)	-	-	(6.600.703.596)
Số dư tại 31/12/2016	3.324.515.722.991	1.850.697.119.953	6.572.841.349.199	145.820.494.737	33.291.495.430	11.927.166.182.310
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 31/12/2015	1.689.199.213.474	936.580.350.435	4.219.360.779.705	93.545.155.043	12.946.044.514	6.951.631.543.171
Trích khấu hao trong năm	150.886.480.585	192.050.915.479	482.762.768.559	21.817.022.414	3.849.484.479	851.366.671.516
Tăng khác	-	-	-	36.807.334	-	36.807.334
Thanh lý, nhượng bán	-	(564.466.388)	(2.735.589.762)	(219.231.528)	-	(3.519.287.678)
Giảm khác	(94.668.484)	(771.321.833)	(5.250.301.839)	-	(167.186)	(6.116.459.342)
Số dư tại 31/12/2016	1.839.991.025.575	1.127.295.477.693	4.694.137.656.663	115.179.753.263	16.795.361.807	7.793.399.275.001
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư tại 31/12/2015	1.619.771.023.020	720.094.943.883	2.310.135.427.720	32.440.913.989	19.343.042.751	4.701.785.351.363
Số dư tại 31/12/2016	1.484.524.697.416	723.401.642.260	1.878.703.692.536	30.640.741.474	16.496.133.623	4.133.766.907.309

Như trình bày tại Thuyết minh số 24, Tổng công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 2.414.332 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4.368.643 triệu đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 3.580.222 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.942.914 triệu đồng).

Trong năm, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC đã thay đổi thời gian khấu hao của một số máy móc, thiết bị từ 7 năm lên đến 10 năm, theo đó, nếu Công ty này áp dụng tỷ lệ khấu hao như năm trước, chi phí khấu hao trích trong năm trên Báo cáo tài chính hợp nhất sẽ tăng 7.732.856.478 đồng và lợi nhuận trước thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất sẽ giảm một số tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 31/12/2015	1.310.220.000	68.908.471.925	948.862.800	71.167.554.725
Mua trong năm	-	1.119.968.750	36.000.000	1.155.968.750
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	4.974.860.000	-	4.974.860.000
Giảm khác	-	(454.560.000)	-	(454.560.000)
Số dư tại 31/12/2016	1.310.220.000	74.548.740.675	984.862.800	76.843.823.475
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 31/12/2015	-	44.522.573.537	613.999.928	45.136.573.465
Khấu hao trong năm	-	14.593.950.595	69.000.000	14.662.950.595
Tăng khác	-	372.099.287	-	372.099.287
Số dư tại 31/12/2016	-	59.488.623.419	682.999.928	60.171.623.347
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 31/12/2015	1.310.220.000	24.385.898.388	334.862.872	26.030.981.260
Số dư tại 31/12/2016	1.310.220.000	15.060.117.256	301.862.872	16.672.200.128

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Cơ sở hạ tầng
	VNĐ
NGUYÊN GIÁ	
Số dư tại 31/12/2015 và 31/12/2016	229.280.786.454
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư tại 31/12/2015	27.003.650.691
Khấu hao trong năm	4.735.271.856
Số dư tại 31/12/2016	31.738.922.547
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư tại 31/12/2015	202.277.135.763
Số dư tại 31/12/2016	197.541.863.907
Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Tổng công ty như sau:	
	31/12/2016
	VNĐ
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hectare (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hectare (ii)	97.399.118.187
	229.280.786.454

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của Dự án Sao Mai - Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng và diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của Dự án Sao Mai -

Bến Đình được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 49 năm.

Doanh thu Tổng công ty ghi nhận từ việc cho thuê bất động sản đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 5.203.799.784 đồng. Chi phí trực tiếp cho hoạt động kinh doanh phát sinh từ bất động sản đầu tư cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 4.735.271.856 đồng.

15. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2016	31/12/2015
	Giá gốc VNĐ	Giá gốc VNĐ
	Giá trị có thể thu hồi VNĐ	Giá trị có thể thu hồi VNĐ
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	301.308.440.489	301.308.440.489
Dự án Bio Ethanol	69.177.500.000	68.370.454.546
	370.485.940.489	369.678.895.035
b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
	31/12/2016 VNĐ	31/12/2015 VNĐ
San lấp mặt bằng phân khu 1 tại cảng Sao Mai - Bến Đình	46.464.611.169	815.349.005
Dự án xây dựng căn cứ dịch vụ Hàng hải Dầu khí tại cảng Sao Mai - Bến Đình	15.258.780.716	15.258.780.716
Dự án mở rộng xưởng cơ khí, sơn tại Dung Quất	11.909.817.032	-
Kho chứa quặng số 2 Cảng Hàn La tại Quảng Bình	9.793.265.376	-
Hệ thống bán bi, phun sơn khép kín tại Quảng Ngãi	7.797.320.829	-
Đầu tư cấu vụn năng TCC300 Litronic tại cảng Phú Mỹ	7.601.069.920	-
Đầu tư xây dựng mở rộng cầu cảng Đình Vũ	6.003.592.042	3.723.232.409
Phần mềm phục vụ sản xuất kinh doanh	5.092.185.049	-
Đầu tư cải tạo và nâng cấp tầng nhà làm việc Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	4.900.535.713	-
Dự án khu dịch vụ dầu khí 35 ha tại cảng Sao Mai - Bến Đình	2.793.745.719	2.718.983.969
Cải tạo Nhà hàng tầng 1 Khách sạn Dầu khí	-	17.995.830.691
Máy phát điện 100KVA	-	4.740.000.000
Cải tạo và nâng cấp kho lưu trữ tài liệu	-	2.173.867.943
Cải tạo xử lý nước thải Khách sạn Dầu khí	-	1.413.480.790
Hệ thống hội thảo truyền hình	-	1.733.200.000
Xây dựng cơ bản dở dang khác	10.571.718.859	4.169.324.942
	128.186.642.424	54.742.050.465

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Giá trị khoản đầu tư gốc	2.479.809.740.787	2.479.809.740.787
Phần kết quả thuần từ các Công ty liên kết, liên doanh:		
Lũy kế các năm trước	1.686.683.896.116	1.063.518.743.276
Lợi nhuận trong năm	667.105.854.738	753.186.652.840
Trừ: Cổ tức được chia trong năm	(126.323.200.000)	(130.021.500.000)
	4.707.276.291.641	4.166.493.636.903

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết, liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty liên doanh Rồng Đồi MV12	Singapore	33,00	33,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO
Công ty liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (i)	Malaysia	49,00	49,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	Malaysia	60,00	60,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Việt Nam	28,75	28,75	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (iii)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (iv)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải (v)	Việt Nam	21,46	21,46	Dịch vụ căn cứ cảng

(II) Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO "Orkid" sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chông lặn thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO "Orkid" đã đi vào hoạt động từ năm 2009.

(III) Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad từ năm 2009, trong đó Tổng công ty chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO "Ruby II" phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi "FPSO Ruby II" đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.

(III) Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (gọi tắt là "PTSC SEA") là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Tổng công ty cùng với đối tác Yinson Holdings Berhad (Malaysia) theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31 tháng 10 năm 2011 để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) phục vụ Dự án Biển Đông 1. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô la Mỹ, tương đương 3.071.478 triệu đồng, trong đó vốn góp là 37.329.582 Đô la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó vốn góp của Tổng công ty là 19.038.087 Đô la Mỹ, tương đương 391.613 triệu đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Hoạt động của liên doanh là đầu tư và sở hữu FSO "PTSC Biển Đông 01". PTSC SEA đã đi vào hoạt động từ năm 2011 và đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2016, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào PTSC SEA là 16.320.000 Đô la Mỹ, tương đương 340.800.232.500 đồng.

(IV) Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (gọi tắt là "PTSC AP") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Tổng công ty cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT-DTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho chứa nổi, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Sơn JOC) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 Đô la Mỹ, tương đương 9.113.372.709.795 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô la Mỹ chiếm 27,9% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Tổng công ty góp là 61.198.177 Đô la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào PTSC AP là 51.000.000 Đô la Mỹ, tương đương 1.069.026.300.000 đồng.

(V) Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải (gọi tắt là "Cảng Thị Vải") là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3502259121 ngày 21 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 60.000.000.000 đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Cảng Thị Vải, Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ nắm giữ 36% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Theo quy định về cách tính tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ đối với các khoản đầu tư của công ty con, Tổng công ty gián tiếp sở hữu 21,46% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Căn cứ vào nguyên tắc xác định quyền kiểm soát, tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ trong công ty con của Thông tư số 202/2014/TT-BTC, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Cảng Thị Vải là công ty liên kết của Tổng công ty theo quy định.

17. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2016		31/12/2015			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương (I)	-	-	-	10.000.000.000	6.400.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Đông mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.000.000.000	613.321.535	2.386.678.465	3.000.000.000	468.757.619	2.531.242.381
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	37.500.000.000	13.450.386.878	24.049.613.122	37.500.000.000	6.338.584.061	31.161.415.939
Công ty Cổ phần Đầu tư Bé tông Công nghệ cao	10.530.000.000	10.530.000.000	-	10.530.000.000	10.530.000.000	-
	51.030.000.000	24.593.708.413	26.436.291.587	61.030.000.000	23.737.341.680	37.292.658.320

Thực hiện Nghị quyết số 136/NG-DVKT-HĐQT ngày 02 tháng 02 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam về việc chấp thuận phương án thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng công ty đã thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương theo phương thức giao dịch thỏa thuận và khớp lệnh qua sàn.

Chi tiết biến động trong năm của các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Số tiền
	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	38.576.819.722
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	11.038.668.464
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	10.530.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(661.957.589)
Bù đắp giá trị khoản đầu tư đã thoái vốn	(35.746.188.917)
Số dư tại ngày 31/12/2015	23.737.341.680
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	7.256.366.733
Hoàn nhập dự phòng	(1.400.000.000)
Sử dụng dự phòng để bù đắp giá trị khoản đầu tư đã thoái vốn	(5.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2016	24.593.708.413

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Private Limited	423.650.464.009	423.650.464.009	416.809.680.000	416.809.680.000
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng công trình thủy	337.619.339.653	337.619.339.653	-	-
Công ty liên doanh PTSC South East Asia Private Limited	287.344.889.040	287.344.889.040	218.518.898.640	218.518.898.640
Công ty SapuraKencana TL Offshore SDN BHD	242.109.710.855	242.109.710.855	263.724.256.796	263.724.256.796
Công ty CGG Services (Singapore) Private Limited	134.469.045.326	134.469.045.326	66.068.595.467	66.068.595.467
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	132.535.870.219	132.535.870.219	145.554.690.702	145.554.690.702
Công ty CGG Services SA	112.836.799.432	112.836.799.432	49.156.712.427	49.156.712.427
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	94.429.555.668	94.429.555.668	158.846.890.173	158.846.890.173
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	93.800.866.366	93.800.866.366	24.765.202.868	24.765.202.868
Công ty Saipem Asia Sdn. Bhd	39.545.075.691	39.545.075.691	107.980.161.683	107.980.161.683
Phải trả khác	2.153.497.282.184	2.153.497.282.184	2.903.887.212.670	2.903.887.212.670
	4.051.838.898.443	4.051.838.898.443	4.355.312.301.426	4.355.312.301.426
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	-	-	66,267,935,109	66,267,935,109

Các số dư phải trả trọng yếu với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 44.

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

Người mua trả tiền trước ngắn hạn thể hiện chủ yếu là khoản ứng trước từ Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long cho Dự án Sư Tử Trắng Full Field với số tiền ứng trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 918.149.733.492 đồng (số tiền ứng trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 238.691.230.949 đồng) và một số khoản khác.

Người mua trả tiền trước dài hạn thể hiện chủ yếu là khoản ứng trước từ Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 cho Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú với số tiền ứng trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 791.695.089.681 đồng (số tiền ứng trước tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.051.381.785.330 đồng) và một số khoản khác.

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	7.860.062.497	10.126.900.479
Thuế thu nhập doanh nghiệp	61.558.178.834	99.109.437.000
Thuế thu nhập cá nhân	20.378.121.072	22.078.518.431
Các loại thuế khác	38.296.487.858	44.110.608.565
	128.092.850.261	175.425.464.475

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2015	Số phải nộp/ điều chỉnh trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.126.900.479	181.587.829.667	183.937.189.466	7.777.540.680
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	44.465.885.579	44.465.885.579	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	9.518.904.373	9.518.904.373	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	59.132.803.497	157.989.589.078	206.556.951.661	10.565.440.914
Thuế thu nhập cá nhân	22.060.008.060	137.371.822.586	139.067.642.424	20.364.188.222
Thuế tài nguyên	-	349.200.000	349.200.000	-
Thuế nhà đất	4.213.486.783	(903.902.463)	3.309.584.320	-
Thuế môn bài	-	54.000.000	54.000.000	-
Các loại thuế khác	39.778.847.250	310.823.291.071	311.940.110.741	38.662.027.580
Các khoản khác	-	30.931.209	30.931.209	-
	135.312.046.069	841.287.551.100	899.230.399.773	77.369.197.396
Trong đó				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	40.113.418.406			50.723.652.865
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	175.425.464.475			128.092.850.261

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	31/12/2015
	VNĐ	VNĐ
Chi phí Dự án Biển Đông	374.778.638.924	299.504.178.883
Chi phí dự phòng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	231.128.430.307	231.128.430.307
Chi phí Dự án GPP Cà Mau	217.880.698.572	1.889.144.760
Chi phí Dự án Sư Tử Nâu	176.519.134.415	176.519.134.415
Chi phí công trình Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1	139.304.121.277	52.438.032.663
Giá vốn dịch vụ thực hiện cho Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn	92.138.952.951	106.806.214.999
Chi phí thực hiện dịch vụ của tàu CGG Amadues, tàu Bình Minh 02	85.944.577.772	97.166.073.548
Chi phí Dự án Nâng công suất phân xưởng NH3 - Nhà máy đạm Phú Mỹ	82.515.821.353	28.134.735.905
Chi phí Dự án Maharaja Lela South (MLS)	69.191.265.079	15.736.205.478
Chi phí Dự án Hải Sư Trắng Đen	64.593.419.068	64.593.419.068
Chi phí Dự án Daman	61.414.140.978	-
Chi phí Dự án nhà máy NPK	61.222.182.630	15.476.352.091
Chi phí Dự án Sư Tử Vàng 6X	49.161.840.000	49.161.840.000
Chi phí Dự án Thái Bình Hàm Rồng	44.429.260.212	202.090.860.645
Chi phí Dự án khối thượng tầng giàn Công nghệ trung tâm Heera	37.188.998.400	51.597.502.775
Chi phí Dự án Ghana Yinson	33.517.500.000	50.763.803.907
Chi phí Dự án Bio Ethanol	29.150.440.587	28.542.446.554
Chi phí Dự án H5 Topside	23.062.094.580	-
Chi phí Dự án Ghana Kanfa	18.323.004.878	49.566.360.713
Chi phí thuê bãi tại Khu công nghiệp Tàu thủy Nghi Sơn	15.000.000.000	10.000.000.000

	31/12/2016	31/12/2015
Chi phí Dự án Thái Bình T&I	14.771.393.352	14.771.393.352
Giá vốn dịch vụ khảo sát địa chất, địa chấn và công trình ngầm	9.926.180.478	17.475.490.781
Chi phí nạo vét khu thủy điện của Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	8.159.637.483	-
Giá vốn Dự án Nạo vét Cảng Nghi Sơn	8.117.122.541	10.740.479.804
Giá vốn liên quan đến cung cấp dịch vụ tàu cho Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	6.920.255.989	15.513.795.645
Lãi trả chậm phải trả Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí do nhận chuyển nhượng tàu Bình Minh 02	6.626.793.514	9.940.190.266
Chi phí tiền thuê đất tại Cảng Sơn Trà	6.335.686.568	-
Chi phí hoạt động tàu FPSO Lam Sơn, tàu FSO Biển Đông 01, tàu FPSO Ruby II	6.987.608.986	-
Trích trước chi phí chế tạo thân tàu của Dự án SOFEL	4.594.190.885	-
Lãi vay phải trả các Tổ chức tín dụng	3.369.463.919	9.550.821.209
Chi phí công trình Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu	2.796.540.000	-
Chi phí gia công cấu kiện cho Nhà Giàn TSA	2.188.702.724	-
Chi phí hàng hóa cho Nhà máy Lọc Dầu Dung Quất	1.852.167.074	-
Chi phí Dự án Sư Tử Trắng Full Field	24.287.000	48.547.509.167
Giá vốn liên quan đến cung cấp dịch vụ cho Công ty Talisman Việt Nam	-	24.991.255.825
Chi phí các Dự án Đại Hùng, Tam Đảo 05, Chim Sáo	-	10.615.867.760
Chi phí bảo trì, thi công giàn khoan tại Công ty Khai thác Dầu khí	-	10.592.449.760
Chi phí sửa chữa lớn Sà lan nhà ở PTSC 01 và sà lan POS 01	-	9.077.803.890
Chi phí phải trả khác	74.078.257.153	66.666.764.215
	2.063.212.809.649	1.779.598.558.385

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy (i)	411.828.898.922	402.177.441.565
Tiền lương thưởng phải trả người lao động	52.392.565.726	35.020.333.214
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	19.939.346.487	-
Phải trả cổ tức cho các cổ đông (ii)	15.145.283.073	12.285.493.723
Công ty Điều hành chung Lam Sơn	13.980.607.544	-
Tổng công ty Xây dựng Đường thủy (iii)	9.057.781.235	58.209.744.759
Tạm thu thuế thu nhập cá nhân người lao động	8.347.896.267	8.814.464.483
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (iii)	7.826.660.837	49.873.999.702
Công ty CH Offshore Ltd	7.552.986.709	7.552.986.709
Kinh phí công đoàn	7.324.055.689	2.687.070.993
Công ty Nordic Maritime Pt. Ltd	6.837.000.000	6.762.000.000
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò khai thác Dầu khí Trong nước - Lô O5.1a	4.143.598.682	3.043.358.432
Công ty Cổ phần Lâm sản PISICO Quảng Nam	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần dịch vụ Dầu khí và Hàng hải Toàn Cầu	3.250.953.390	-
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	2.604.992.170	105.550.648
Công ty TNHH Đa Dạng Yến Sơn	2.327.854.549	9.891.423.655
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí biển Việt Nam	2.033.551.487	-

	31/12/2016	31/12/2015
Công ty Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited	1.169.382.840	6.655.616.068
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	839.713.197	508.838.739
Công ty PC Vietnam Limited	67.527.210	14.219.767.472
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iv)	-	349.068.201.763
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long	-	3.759.479.209
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản Á Châu	-	1.880.480.066
Công ty Cổ phần Dịch vụ Chứng khoán Thăng Long	-	3.078.500.783
Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Dung Quất	-	828.428.160
Các khoản phải trả, phải nộp khác	45.264.816.492	61.673.358.602
	625.935.472.506	1.038.096.538.745
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	204.067.385	203.242.385
	204.067.385	203.242.385

(I) Khoản phải trả cho Tổng công ty Công nghiệp Tàu Thủy là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu FSO5 mà Tổng công ty là chủ đầu tư và Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy là nhà thầu thực hiện.

(II) Khoản cổ tức phải trả cho các cổ đông là cổ tức của các năm mà các cổ đông chưa lưu ký chưa thực hiện thủ tục để nhận.

(III) Khoản phải trả Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Tổng công ty Xây dựng Đường Thủy là khoản phải trả liên quan đến Dự án Nạo vét

cảng Nghi Sơn được giữ lại theo Thỏa thuận liên danh đã ký kết.

(IV) Trong năm 2016, Tổng công ty đã thực hiện cản trừ khoản công nợ phải thu Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch, Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất với khoản công nợ phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch theo Công văn số 917/DVKT-TCKT ngày 27 tháng 6 năm 2016 đã thông báo đến Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (như đã nêu ở mục ix, Thuyết minh số 9).

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	684.347.404.258	684.347.404.258	484.281.117.969	(736.481.356.671)	432.147.165.556	432.147.165.556
	684.347.404.258	684.347.404.258	484.281.117.969	(736.481.356.671)	432.147.165.556	432.147.165.556

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đông Việt Nam	299.816.136.168	299.816.136.168	33.587.750.000	(81.590.289.050)	251.813.597.118	251.813.597.118
Đô la Mỹ	1.263.596.729.032	1.263.596.729.032	32.846.738.226	(404.748.453.126)	891.695.014.132	891.695.014.132
	1.563.412.865.200	1.563.412.865.200	66.434.488.226	(486.338.742.176)	1.143.508.611.250	1.143.508.611.250

Vay dài hạn bằng Đồng Việt Nam bao gồm các khoản vay từ các Ngân hàng thương mại cổ phần trong nước. Các khoản vay này có lãi suất vay từ 4,1%/năm đến 9,3%/năm. Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ bao gồm các khoản vay từ các Ngân hàng thương mại cổ phần trong nước và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Các khoản vay này có lãi suất vay từ 1,7%/năm đến 5,65%/năm. Mục đích các khoản vay dài hạn của Tổng công ty chủ yếu là đầu tư tài sản dài hạn như căn cứ cảng, tàu dịch vụ dầu khí, thiết bị chuyên ngành dịch vụ kỹ thuật dầu khí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và góp vốn thành lập các liên doanh hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tàu chửa và xử lý dầu thô (FSO, FPSO). Các khoản vay dài hạn được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản và chi phí xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 12 hoặc không có bảo đảm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2016	31/12/2015
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	432.147.165.556	684.347.404.258
Trong năm thứ hai	781.851.494.483	1.089.890.972.986
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	282.338.452.846	360.590.577.503
Trên năm năm	79.318.663.921	112.931.314.711
	1.575.655.776.806	2.247.760.269.458
Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng được trình bày tại Thuyết minh số 23	(432.147.165.556)	(684.347.404.258)
Số phải trả sau 12 tháng	1.143.508.611.250	1.563.412.865.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

25. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Lợi nhuận chưa thực hiện	Doanh thu chưa thực hiện	Giá vốn trích trước	Khấu hao tài sản cố định	Lợi nhuận từ công ty liên doanh liên kết	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	47.407.108.444	(6.844.234.017)	3.713.389.259	-	-	49.281.556.595	(200.715.182.175)	(107.157.361.894)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(57.960.862.962)	(3.067.396.132)	(3.447.929.304)	-	-	(18.163.706.649)	(88.476.540.772)	(171.116.435.819)
Tăng do mua bán, chuyển đổi hình thức sở hữu	-	-	-	-	-	(4.609.223.314)	-	(4.609.223.314)
Số dư tại ngày 31/12/2015	(10.553.754.518)	(9.911.630.149)	265.459.955	-	-	26.508.626.632	(289.191.722.947)	(282.883.021.027)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(60.023.268.160)	11.643.927.890	(265.459.955)	9.004.431.140	(8.586.056.140)	(15.582.332.054)	(124.593.221.986)	(188.401.979.265)
Số dư tại ngày 31/12/2016	(70.577.022.678)	1.732.297.741	-	9.004.431.140	(8.586.056.140)	10.926.294.578	(413.784.944.933)	(471.285.000.292)

31/12/2016 31/12/2015

VND VND

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (492.948.023.751) (299.103.353.096)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại 21.663.023.459 16.220.332.069

(471.285.000.292) (282.883.021.027)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty con có các khoản lỗ lũy kế có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận tương lai như sau:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC là 311.122.584.331 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 378.076.922.653 đồng)
- Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CCGV là 876.168.719.551 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 459.080.081.875 đồng)

Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC và Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CCGV không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn có đủ thu nhập tính thuế trong tương lai để sử dụng số lỗ tính thuế này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

26. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2016	31/12/2015
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng:		
- Dự án Biển Đông	525.047.170.282	525.047.170.282
- Dự án Sư Tử Nâu	305.716.586.414	305.716.586.414
- Dự án Hải Sư Trắng - Đen	-	155.860.354.444
- Dự án Chim Sáo	-	100.390.150.982
- Dự án Sư Tử Vàng 6X	84.525.593.656	84.525.593.656
- Dự án tầng giàn Công nghệ trung tâm Heera	54.028.471.982	54.028.471.982
- Dự án Sư Tử Trắng	46.462.217.152	30.492.733.169
- Dự án Thái Bình Hàm Rồng	-	9.844.800.000
- Dự án Maharaja Lela South	132.446.433.030	-
- Dự án H05 Topside	96.130.757.059	-
- Dự án Ghana Yinson	55.087.141.058	-
- Dự án Ghana Kanfa	19.702.996.906	-
- Dự án Quata	6.464.616.021	-
Dự phòng chi phí sửa chữa lớn theo định kỳ cho tàu FPSO Lam Sơn	30.097.918.150	15.048.959.075
	1.355.709.901.710	1.280.954.820.004

(tiếp theo)

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần:	31/12/2016	31/12/2015
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	446.700.421	446.700.421

Tổng công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng công ty.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn cổ phần của Tổng công ty là 4.467.004.210.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4.467.004.210.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn cổ phần đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	31/12/2016		31/12/2015	
	%	VNĐ	%	VNĐ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	2.295.000.000.000	51,38	2.295.000.000.000
Công ty TNHH Vina Capital Corporate Financial Việt Nam	5,29	236.174.220.000	6,12	273.403.700.000
Nhóm quỹ FTIF-Templeton Frontier Markets	0,50	22.462.000.000	5,79	258.800.740.000
Nhóm quỹ Dragon Capital	7,94	354.833.500.000	3,98	177.988.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	34,89	1.558.534.490.000	32,73	1.461.811.270.000
	100,00	4.467.004.210.000	100,00	4.467.004.210.000

(tiếp theo)

Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong năm như sau:	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Vốn đã góp VNĐ	Quý đầu tư phát triển VNĐ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 01/01/2015	4.467.004.210.000	39.545.660.000	1.847.210.152.285	1.441.830.762.955	3.159.343.755.210	10.954.934.540.450
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	3.280.000.000	-	3.280.000.000
Điều chỉnh mua Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	-	-	22.470.917.573	275.174.870.988	(22.470.917.573)	275.174.870.988
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(23.855.903.238)	1.517.394.760.704	1.493.538.857.466
Trích lập các quỹ	-	-	549.265.629.802	(22.307.884.709)	(791.595.857.165)	(264.638.112.072)
Chia cổ tức	-	-	-	(50.529.500.000)	(536.040.505.200)	(586.570.005.200)
Khác	-	-	(406.793.607)	3.369.263	(442.689.671)	(846.114.015)
Số dư tại ngày 31/12/2015	4.467.004.210.000	39.545.660.000	2.418.539.906.053	1.623.595.715.259	3.326.188.546.305	11.874.874.037.617
Tăng vốn điều lệ	-	-	-	3.620.520.000	-	3.620.520.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(128.998.937.135)	1.038.743.379.556	909.744.442.421
Trích lập các quỹ	-	-	207.579.776.647	(12.142.920.870)	(416.017.679.948)	(220.580.824.171)
Chia cổ tức	-	-	-	(55.896.450.000)	(759.390.715.700)	(815.287.165.700)
Khác	-	71.400.000	-	577.262.237	(567.462.238)	81.199.999
Số dư tại ngày 31/12/2016	4.467.004.210.000	39.617.060.000	2.626.119.682.700	1.430.755.189.491	3.188.956.067.975	11.752.452.210.166

Theo Nghị quyết số 277/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dầu khí Việt Nam, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông các Công ty con, các cổ đông đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức, trích quỹ khen thưởng phúc lợi và trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận được phân phối năm 2015.

Theo Nghị quyết số 670/NQ-DVKT-ĐHĐQT ngày 21 tháng 11 năm 2016, Hội đồng Quản trị Tổng công ty Cổ phần Dầu khí Việt Nam đã phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2016 cho cổ đông với tỷ lệ là 5% trên mệnh giá cổ phần với số tiền 223.350.210.500 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng công ty và các Công ty con đã trích lập các quỹ, thực hiện chi trả cổ tức của năm 2015 và chi trả khoản cổ tức tạm ứng của năm 2016 cho các cổ đông theo Quy định hiện hành.

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	31/12/2015
Đô la Mỹ (USD)	82.501.397	120.476.279
Euro (EUR)	1.020.958	3.930
Bảng Anh (GBP)	248.230	319.468

29. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

	Đơn vị: VND									
Vốn điều lệ của Công ty con	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	28.786.320.000	500.000.000.000	3.750.284.961.420
Trong đó:										
Vốn phần bỏ cho Tổng công ty	339.807.000.000	102.000.000.000	285.581.000.000	208.645.000.000	218.773.000.000	204.000.000.000	597.817.104.000	15.300.000.000	255.000.000.000	2.226.923.104.000
Vốn phần bỏ cho cổ đông thiểu số	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	13.486.320.000	245.000.000.000	1.523.361.857.420
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	15,05%	49,00%	4,81%	40,39%	45,31%	49,00%	48,97%	46,85%	49,00%	49,00%

Lợi ích cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

	Đơn vị: VND									
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	56.894.378.457	53.982.448.538	48.892.551.243	36.927.572.432	29.292.002.105	4.500.299.582	(417.013.426.975)	15.408.084.478	969.234.258	(170.146.855.882)
Lợi nhuận/(lỗ) của Tổng công ty	48.332.770.151	27.531.048.754	46.542.612.255	22.013.581.000	16.020.747.941	2.295.152.787	(212.802.431.372)	8.424.290.265	494.309.472	(41.147.918.747)
Lợi nhuận/(lỗ) của cổ đông không kiểm soát	8.561.608.306	26.451.399.784	2.349.938.988	14.913.991.432	13.271.254.164	2.205.146.795	(204.210.995.603)	6.983.794.213	474.924.786	(128.998.937.135)

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Công ty Cổ phần Dầu tu Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Tổng cộng
Tổng tài sản	1.728.368.984.819	521.881.452.022	886.105.586.769	524.261.639.828	677.666.512.772	618.234.375.419	1.790.391.765.850	137.999.025.935	819.119.461.466	7.704.028.804.880		
Tổng nợ phải trả	885.840.782.536	262.905.989.889	885.651.571.130	114.000.506.772	189.022.947.519	191.273.677.306	1.206.349.360.643	88.349.085.929	259.336.069.380	4.082.729.991.104		
Tài sản thuần	842.528.202.283	258.975.462.133	454.015.639	410.261.133.056	488.643.565.253	426.960.698.113	584.042.405.207	49.649.940.006	559.783.392.086	3.621.298.813.776		
<i>Chi tiết như sau:</i>												
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	28.786.320.000	500.000.000.000	3.750.284.961.420		
Quy đầu tư phát triển	308.742.964.235	6.211.978.409	4.707.250.551	23.333.560.624	24.762.484.050	10.155.240.391	-	7.766.748.200	44.060.622.692	429.740.849.152		
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lỗ kế)	133.785.238.048	52.763.483.724	(304.253.234.912)	36.927.572.432	63.881.081.203	16.805.457.722	(587.456.236.213)	13.096.871.806	15.722.769.394	(558.726.996.796)		
Lợi ích cổ đông không kiểm soát												
<i>Chi tiết như sau:</i>												
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	13.486.320.000	245.000.000.000	1.523.361.857.420		
Quy đầu tư phát triển	46.460.413.115	3.043.869.420	226.246.152	9.423.758.463	11.219.076.742	4.976.067.792	-	2.638.026.396	21.589.705.119	99.577.163.198		
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lỗ kế)	20.132.337.085	25.854.107.025	(14.623.424.647)	14.913.991.432	28.942.441.738	8.234.674.284	(287.676.643.269)	4.334.528.203	7.704.157.003	(192.183.831.127)		
	126.785.750.200	126.897.976.445	21.821.505	165.692.749.895	221.388.518.500	209.210.742.076	286.004.894.151	20.458.874.598	274.293.862.122	1.430.755.189.491		

30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh	Hoạt động
Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Cung cấp dịch vụ cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí
Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSO	Cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xử lý và xuất dầu thô
Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV
Dịch vụ cấn cứ cảng	Cung cấp dịch vụ cấn cứ cảng, cung cấp dịch vụ khác có liên quan
Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp	Cung cấp dịch vụ gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí
Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Cung cấp dịch vụ sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí
Dịch vụ khác	Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo bảy bộ phận kinh doanh như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: Đơn vị: VND

Tài sản	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSO	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ cấn cứ cảng	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Tài sản bộ phận	1.805.543.455.066	3.852.932.368.373	2.110.756.812.360	3.157.663.703.888	8.358.550.376.537	2.276.470.855.063	398.367.929.880	(2.173.675.665.819)	19.786.609.835.348
Lãi từ công ty liên kết									2.227.466.550.854
Tài sản không phân bổ									3.527.033.440.571
Tổng tài sản hợp nhất									25.541.109.826.773
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	1.007.451.943.092	1.539.242.668.965	1.483.518.234.913	1.418.967.305.106	6.838.877.716.705	1.752.157.269.980	400.544.163.841	(2.173.675.665.819)	12.267.083.636.783
Nợ phải trả không phân bổ									1.521.573.979.824
Tổng nợ phải trả hợp nhất									13.788.657.616.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016:

Đơn vị: VNĐ

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/PPSO	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ cán cứ công	Dịch vụ cơ khí, đồng môi và xây lắp	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Tài sản									
Tài sản bộ phận	1.903.208.082.362	3.275.134.639.378	2.561.209.974.527	3.488.666.350.843	8.795.033.118.190	2.756.831.977.632	443.632.113.730	(3.671.137.338.202)	19.552.578.918.460
Lãi từ công ty liên kết									1.686.683.896.116
Tài sản không phần bổ									5.197.790.172.318
Tổng tài sản hợp nhất									26.437.052.986.894
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phần	1.166.476.627.529	1.441.515.456.088	1.523.995.892.922	1.815.002.502.375	7.843.459.031.566	1.780.713.156.457	259.157.543.388	(3.671.137.338.202)	2.159.182.872.123
Nợ phải trả không phần bổ									2.402.996.077.154
Tổng nợ phải trả hợp nhất									14.562.178.949.277

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Đơn vị: VNĐ

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/PPSO	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ cán cứ công	Dịch vụ cơ khí, đồng môi và xây lắp	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Doanh thu									
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	2.104.376.810.114	3.272.368.226.710	1.294.090.551.397	1.453.232.280.808	9.362.057.242.016	742.278.183.020	453.677.228.462		18.682.080.522.528
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	60.794.995.550	352.625.674.219	354.186.492.456	183.516.140.160	1.088.213.907.472	1.075.565.874.166	159.748.887.040	(3.274.651.971.062)	-
Tổng doanh thu	2.165.171.805.664	3.624.993.900.929	1.648.277.043.853	1.636.748.420.968	10.450.271.149.488	1.817.844.057.186	613.426.115.502	(3.274.651.971.062)	18.682.080.522.528
Giá vốn									
Giá vốn bán hàng ra bên ngoài	1.845.740.443.944	3.133.616.929.099	1.543.248.340.464	1.177.889.877.569	9.146.094.311.445	605.765.273.499	446.972.664.461		17.899.327.840.481
Giá vốn từ bán hàng cho các bộ phận khác	60.505.911.415	352.625.674.219	354.186.492.456	183.511.189.645	1.087.432.640.899	1.075.565.874.166	78.807.363.294	(3.192.635.146.094)	-
Tổng giá vốn	1.906.246.355.359	3.486.242.603.318	1.897.434.832.920	1.361.401.067.214	10.233.526.952.344	1.681.331.147.665	525.780.027.755	(3.192.635.146.094)	17.899.327.840.481
Lợi nhuận gộp									
Lợi nhuận gộp bộ phận	258.636.366.170	138.751.297.611	(249.157.789.067)	275.342.403.239	215.962.930.571	136.512.909.521	6.704.564.001	-	782.752.682.047
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	632.191.183.729
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	146.726.865.967
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	297.288.364.285
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	291.741.791.741
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	667.105.854.738
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	1.256.136.010.764
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	157.989.589.078
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	188.401.979.265
Lợi nhuận trong năm									909.744.442.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Dịch vụ đầu tư kỹ thuật đầu tư	Dịch vụ cung ứng đầu tư và xử lý đầu tư FSO/FPSO	Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát địa chất công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ căn cứ cảng	Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Đơn vị: VND									
Doanh thu									
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	4.514.895.375.206	3.280.372.474.995	2.173.921.020.333	2.190.069.141.904	8.523.327.678.624	1.525.669.351.473	1.148.642.823.454	-	23.356.897.865.989
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	271.806.781.068	470.424.791.598	234.844.630.188	381.902.048.495	1.787.828.476.929	2.792.777.304.864	174.391.181.408	(6.113.975.214.550)	-
Tổng doanh thu	4.786.702.156.274	3.750.797.266.593	2.408.765.650.521	2.571.971.190.399	10.311.156.155.553	4.318.446.656.337	1.323.034.004.862	(6.113.975.214.550)	23.356.897.865.989
Giá vốn									
Giá vốn bán hàng ra bên ngoài	3.954.805.225.599	3.121.195.633.236	2.232.027.304.915	1.696.822.422.028	7.784.082.065.786	1.266.085.514.593	1.126.948.440.112	-	21.181.966.606.269
Giá vốn từ bán hàng cho các bộ phận khác	271.806.781.068	470.424.791.598	234.844.630.188	381.902.048.495	1.787.828.476.929	2.792.777.304.864	75.079.372.410	(6.014.663.405.552)	-
Tổng giá vốn	4.226.612.006.667	3.591.620.424.834	2.466.871.935.103	2.078.724.470.523	9.571.910.542.715	4.058.862.819.457	1.202.027.812.522	(6.014.663.405.552)	21.181.966.606.269
Lợi nhuận gộp									
Lợi nhuận gộp bộ phận	560.090.149.607	1.59.176.841.759	(58.106.284.582)	493.246.719.876	739.245.612.838	259.583.836.880	21.694.383.342	-	2.174.931.259.720
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	995.039.622.266
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	(137.404.092)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	1.179.754.233.362
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	82.139.119.807
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	753.186.652.840
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	2.015.080.006.009
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	350.424.712.724
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	171.116.435.819
Lợi nhuận trong năm									1.493.538.857.466

Tổng công ty chỉ hoạt động chủ yếu ở Việt Nam. Do đó, Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

31. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.624.986.787.184	2.565.739.077.774
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.890.662.513.164	16.390.114.472.699
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.166.431.222.180	4.401.044.315.516
	18.682.080.522.528	23.356.897.865.989

32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.541.611.821.735	2.315.141.454.218
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.256.260.104.589	14.879.189.270.119
Giá vốn hợp đồng xây dựng	2.101.455.914.157	3.987.635.881.932
	17.899.327.840.481	21.181.966.606.269

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.444.636.657.326	3.391.403.563.228
Chi phí nhân công	2.633.609.040.237	2.792.820.102.335
Chi phí khấu hao tài sản cố định	870.764.893.967	904.020.669.964
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.783.501.132.741	14.333.198.900.369
Chi phí khác	581.774.435.998	817.982.142.865
	18.314.286.160.269	22.239.425.378.761

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	224.475.761.923	162.246.149.733
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.829.760.000	4.487.280.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	76.171.535.177	168.998.748.103
Doanh thu hoạt động tài chính khác	844.756.962	42.215.758.002
	306.321.814.062	377.947.935.838

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	55.841.878.387	70.937.160.828
Lỗ chênh lệch tỷ giá	91.244.218.513	210.494.663.049
Chênh lệch do mua Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	-	41.557.748.054
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	5.856.366.733	10.376.710.875
Chi phí tài chính khác	6.652.484.462	44.719.057.124
	159.594.948.095	378.085.339.930

36. PHẦN LÃI/(LỖ) TRONG CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	(115.317.926.850)	11.121.620.923
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	(4.150.928.603)	14.883.742.658
Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited	176.509.631.110	162.331.298.360
Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	3.209.281.838	4.388.467.001
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Private Limited	300.134.789.896	288.171.011.414
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Private Limited	306.721.007.347	272.290.512.484
	667.105.854.738	753.186.652.840

37. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng		
Lương nhân viên bán hàng	10.932.830.812	16.573.821.516
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	59.492.551.315	50.543.295.333
Các khoản chi phí khác	21.534.571.055	31.454.522.248
	91.959.953.182	98.571.639.097

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Lương nhân viên quản lý	204.100.533.152	225.810.519.386
Dịch vụ mua ngoài	196.442.368.919	275.762.544.926
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí công đoàn	32.948.381.796	33.190.906.486
Chi phí khấu hao tài sản cố định quản lý	37.291.526.969	43.589.942.951
(Hoàn nhập)/trích các khoản dự phòng	(56.471.138.800)	103.406.731.337
Các khoản chi phí khác	125.919.558.511	214.707.338.083
	540.231.230.547	896.467.983.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

38. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hoàn nhập các khoản phải trả liên quan đến Dự án Bên số 1, 2 Cảng Nghi Sơn - Thanh Hóa	-	39.338.750.137
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.683.167.117	8.931.389.015
Thu từ phạt, bồi thường và tiền thưởng	37.601.960.689	13.942.533.529
Chênh lệch do mua Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	-	62.856.534.599
Thu nhập từ cung cấp hóa chất, dầu nhớt cho Lam Sơn JOC	-	4.478.813.641
Hoàn nhập dự phòng bảo hành các Dự án	256.250.505.426	-
Các khoản thu nhập khác	8.616.216.493	15.010.249.115
	304.151.849.725	144.558.270.036

39. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thuế nộp thêm, tiền chậm nộp sau thanh tra	2.822.266.185	23.279.639.237
Tiền phạt, bồi thường	1.441.926.682	2.311.431.381
Chi thanh lý tài sản cố định	225.882.615	3.102.236.161
Chi phí phúc lợi	-	2.721.464.294
Chi phí xây dựng cơ bản của Dự án 266 Lê Lợi	-	11.792.020.639
Hoàn phí bảo hiểm tàu FPSO Ruby II từ 09/6/2010 đến 31/3/2011	-	4.626.828.036
Các khoản chi phí khác	7.919.982.502	14.585.530.481
	12.410.057.984	62.419.150.229

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

40. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.256.136.010.764	2.015.080.006.009
Các khoản điều chỉnh tăng	(916.429.441.856)	481.337.695.346
Các khoản điều chỉnh giảm	453.948.876.143	(845.701.159.952)
Thu nhập chịu thuế	793.655.445.051	1.650.716.541.403
Chuyển lỗ các năm trước	(66.954.338.322)	(29.262.502.487)
Thu nhập tính thuế	726.701.106.729	1.621.454.038.916
Thuế thu nhập doanh nghiệp	145.340.221.346	356.719.888.562
Miễn giảm thuế (i)	(4.965.726.656)	(12.556.224.430)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	17.933.091.784	6.261.048.592
Thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh giảm năm trước	(317.997.396)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thuần	157.989.589.078	350.424.712.724

Công ty mẹ và các Công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập tính thuế.

(i) Miễn giảm thuế chủ yếu thể hiện số thuế được miễn trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ và Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa.

41. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng công ty	1.038.743.379.556	1.517.394.760.704
Trừ: Trích tạm quỹ khen thưởng, phúc lợi theo kế hoạch	90.775.446.381	215.077.583.166
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	947.967.933.175	1.302.317.177.538
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	446.700.421	446.700.421
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.122	2.915

42. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.028.808.421.285	1.173.897.588.278
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:		
	31/12/2016	31/12/2015
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	572.211.593.275	619.232.648.790
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	815.987.318.971	863.946.754.265
Sau năm năm	1.117.678.939.193	874.327.953.275
	2.505.877.851.439	2.357.507.356.330

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động; thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí và Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC; thuê đất với mục đích kinh doanh dịch vụ cảng của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình; thuê tài sản với mục đích kinh doanh dịch vụ khách sạn của Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC không hủy ngang.

Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm tính từ năm 2013. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với kỳ hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002.

43. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 23 và số 24, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
	VNĐ	VNĐ
Các khoản vay	1.575.655.776.806	2.247.760.269.458
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.883.669.671.740	7.991.387.356.724
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	11.752.452.210.166	11.874.874.037.617
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	31/12/2015
	VNĐ	VNĐ
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.883.669.671.740	7.991.387.356.724
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.336.116.236.209	5.140.224.852.743
Phải thu về cho vay	-	28.757.555.368
Đầu tư tài chính	937.453.737.778	607.352.658.320
Các khoản ký quỹ	10.647.044.637	31.971.408.873
	12.167.886.690.364	13.799.693.832.028
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.575.655.776.806	2.247.760.269.458
Phải trả người bán và phải trả khác	4.606.699.068.194	5.427.466.442.539
Chi phí phải trả	2.063.212.809.649	1.779.598.558.385
Dự phòng phải trả	1.418.530.029.735	1.364.156.687.981
	9.664.097.684.384	10.818.981.958.363

Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các khoản đầu tư và giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tổng công ty quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2016	31/12/2016	31/12/2016	31/12/2016
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	5.589.794.767.537	6.209.965.379.842	3.458.489.081.707	4.325.123.704.974
Bảng Anh (GBP)	6.916.415.798	30.156.577.071	35.371.625	4.290.141.023
Euro (EUR)	24.234.864.366	87.159.122	938.980.803	27.432.488.908
Đô la Singapore (SGD)	-	-	2.419.883.743	13.332.847.863

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VNĐ	VNĐ
Đô la Mỹ (USD)	42.626.113.717	18.848.416.749

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm/tăng 18.319.472.310 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 44.955.205.389 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Quản lý rủi ro về giá các khoản đầu tư

Tổng công ty chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Tổng công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,... Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.883.669.671.740	-	-	5.883.669.671.740
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.313.965.930.538	22.150.305.671	-	5.336.116.236.209
Phải thu về cho vay	-	-	-	-
Đầu tư tài chính	935.067.059.313	2.386.678.465	-	937.453.737.778
Các khoản ký quỹ	1.194.377.020	9.452.667.617	-	10.647.044.637
	12.133.897.038.611	33.989.651.753	-	12.167.886.690.364
31/12/2016				
Các khoản vay	432.147.165.556	1.064.189.947.329	79.318.663.921	1.575.655.776.806
Phải trả người bán và phải trả khác	4.606.495.000.809	204.067.385	-	4.606.699.068.194
Chi phí phải trả	2.063.212.809.649	-	-	2.063.212.809.649
Dự phòng phải trả	92.918.046.175	1.325.611.983.560	-	1.418.530.029.735
	7.194.773.022.189	2.390.005.998.274	79.318.663.921	9.664.097.684.384
Chênh lệch thanh khoản thuần	4.939.124.016.422	(2.356.016.346.521)	(79.318.663.921)	2.503.789.005.980
	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.991.387.356.724	-	-	7.991.387.356.724
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.120.569.735.057	19.655.117.686	-	5.140.224.852.743
Phải thu về cho vay	28.757.555.368	-	-	28.757.555.368
Đầu tư tài chính	570.070.000.000	37.282.658.320	-	607.352.658.320
Các khoản ký quỹ	29.281.984.607	2.689.424.266	-	31.971.408.873
	13.740.066.631.756	59.627.200.272	-	13.799.693.832.028
31/12/2015				
Các khoản vay	684.347.404.258	1.450.481.550.489	112.931.314.711	2.247.760.269.458
Phải trả người bán và phải trả khác	5.294.871.024.465	132.595.418.074	-	5.427.466.442.539
Chi phí phải trả	1.779.598.558.385	-	-	1.779.598.558.385
Dự phòng phải trả	108.095.627.052	1.256.061.060.929	-	1.364.156.687.981
	7.866.912.614.160	2.839.138.029.492	112.931.314.711	10.818.981.958.363
Chênh lệch thanh khoản thuần	5.873.154.017.596	(2.779.510.829.220)	(112.931.314.711)	2.980.711.873.665

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

44. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Công ty trong Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Công ty trong Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình II	Công ty trong Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Công ty trong Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần PVI	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	Công ty trong Tập đoàn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Dầu Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	Công ty trong Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	Công ty trong Tập đoàn
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty trong Tập đoàn
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	Công ty trong Tập đoàn

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2016	Năm 2015
	VNĐ	VNĐ
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.593.984.861.175	1.223.936.498.745
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	629.681.297.991	634.743.699.147
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	497.629.715.205	27.691.665.219
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	443.693.451.925	309.816.168.482
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	314.966.474.648	239.466.159.790
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	77.997.990.791	92.183.826.193
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	77.078.223.539	348.149.983.303
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí	29.592.627.645	35.568.152.639
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	19.364.328.237	10.203.240.533
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	17.736.795.865	21.701.614.724
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	14.499.944.498	13.258.441.170
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	12.229.344.280	58.978.595.640
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	11.202.397.416	11.932.786.009
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	10.069.076.036	11.569.997.407
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	5.560.300.421	7.962.386.666
Tổng công ty Dầu Việt Nam	1.944.948.213	1.269.717.999
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình II	758.088.000	758.088.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	725.614.949	283.613.637
Công ty Cổ phần PVI	589.378.845	81.614.545
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	582.272.731	1.055.604.108
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	4.158.000	327.170.008
Ban quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	172.328.109.940
	Năm 2016	Năm 2015
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	18.452.382.046	27.682.463.399
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Tổng công ty được hưởng trong năm như sau:		
	Năm 2016	Năm 2015
	VNĐ	VNĐ
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	14.523.115.000	14.379.173.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Một số số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2016	31/12/2015
	VNĐ	VNĐ
Các khoản phải thu		
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	477.128.220.848	610.194.370.810
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	291.425.001.609	161.969.108.539
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	172.978.117.164	73.573.917.895
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	121.244.498.956	188.288.143.102
Ban Quản lý dự án Công trình liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	73.350.037.636	5.566.760.597
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	40.973.825.781	483.710.619.276
Công ty TNHH MTV lọc hóa dầu Bình Sơn	36.676.914.093	31.623.836.255
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	30.377.251.450	21.649.783.631
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí	7.538.840.510	694.189.510
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	3.524.400.695	4.572.629.721
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	3.190.491.561	1.101.169.794
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.090.161.369	16.880.289.452
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	1.820.941.473	1.816.549.869
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	1.601.398.204	10.462.387.004
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.159.136.846	774.874.440
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.036.817.183	2.969.848.022
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	496.953.710	459.689.267
Tổng công ty Dầu Việt Nam	357.832.182	259.884.767
Các khoản trả trước cho người bán là các bên liên quan		
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	-	1.003.405.822
Tổng công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	-	1.171.233.209
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	4.678.763.094
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	165.000.000	-
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí	163.112.452	-
Các khoản phải thu khác		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	206.879.316.776	12.575.464.419
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	59.514.542.073	40.811.003.545
Ban Quản lý dự án công trình liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	21.529.260.315	90.847.767.158
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	16.690.612.452	12.624.211.512
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu Khí	329.077.036	-
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	155.200.000	-
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	-	355.560.293.062

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

	31/12/2016	31/12/2015
	VNĐ	VNĐ
Phải trả người bán		
Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	132.535.870.219	211.822.625.811
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	93.800.866.366	24.765.202.868
Tổng công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	39.992.050.431	27.089.929.607
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	26.290.563.147	91.491.347.204
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	14.002.376.774	498.013.200
Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	9.957.874.090	21.450.017.085
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	6.787.941.876	2.201.815.875
Tổng công ty Dầu Việt Nam	5.689.117.078	17.769.324.088
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	715.043.213	208.266.420
Tổng công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	375.777.841	2.358.470.558
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	329.566.952	627.599.808
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	309.314.549	1.266.003.566
Tổng công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí	125.717.790	287.940.125
Người mua trả tiền trước		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	791.695.089.681	1.051.381.785.330
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	216.400.185.333	312.666.955.829
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	135.440.143.319	244.585.600.839
Công ty Cổ Phần Nhiên Liệu Sinh Học Dầu Khí Miền Trung	50.466.725.642	50.466.725.642
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	-	76.022.200.000
Phải trả khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	349.068.201.763
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	19.939.346.487	-
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	7.826.660.837	49.873.999.702
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	182.852.571.127	492.543.919.502

45. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 15.145.283.073 đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 12.285.493.723 đồng).

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tiền thu từ lợi nhuận và cổ tức của các khoản đầu tư không bao gồm số tiền 44.531.200.000 đồng chưa được thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 77.003.500.000 đồng); và số tiền lãi dự thu là 25.931.332.538 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 14.265.945.718 đồng).

Các giao dịch này không ảnh hưởng đến dòng tiền lưu chuyển trong năm và vì vậy, không được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất trên đây.

46. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	Mã số	Số báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại
		VNĐ	VNĐ	VNĐ
1. Các khoản tương đương tiền	112	4.013.766.200.897	(5.282.397.356)	4.008.483.803.541
2. Phải thu dài hạn khác	216	20.412.205.467	5.282.397.356	25.694.602.823



Dương Thị Ngọc Quý
Người lập biểu



Nguyễn Quang Chánh
Phụ trách Kế toán

Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2017
Thành phố Hồ Chí Minh,
nước CHXHCN Việt Nam

The logo for PTSC, consisting of the letters 'PTSC' in a bold, sans-serif font. The letters are filled with a golden-yellow color and have a subtle, textured pattern of small dots or a halftone effect, giving it a modern and industrial appearance. The logo is centered horizontally on the page.

PTSC

Tầng 5, Tòa nhà PetroVietnam, 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. HCM
ĐT: (+84).8.39102828 | Fax: (+84).8.39102929 | E-mail: ptsc@ptsc.com.vn | www.ptsc.com.vn